

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 98/2022/NQ-HĐND

Nam Định, ngày 08 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về định mức, nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (đợt 2); Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 về việc bổ sung, điều chỉnh, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (đợt 3); Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 1113/QĐ-TTg ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Xét Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về định mức, nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định; Báo cáo số 328/BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn

2021-2025 tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về định mức, nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định

1. Bổ sung nội dung vào sau gạch đầu dòng thứ 3 của điểm b khoản 1 Điều 3 như sau:

“- Bố trí đủ vốn cho các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.”

2. Bổ sung nội dung vào sau gạch đầu dòng thứ 7 của điểm b khoản 2 Điều 3 như sau:

“Căn cứ nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, các huyện, thành phố bố trí vốn đối ứng tối thiểu theo tỷ lệ 1:1 từ nguồn vốn phân cấp ngân sách huyện, thành phố, xã, thị trấn; vốn hỗ trợ mục tiêu cho ngân sách cấp huyện từ nguồn thu tiền sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Tổng số vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh là 47.610,611 tỷ đồng (Tăng 8.698,420 tỷ đồng so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND).

Trong đó:

1. Vốn ngân sách Trung ương: 6.420,611 tỷ đồng

(Tăng 2.270,067 tỷ đồng so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND)

a) Vốn trong nước: 6.242,665 tỷ đồng

(Tăng 2.176,498 tỷ đồng so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND)

- Vốn bố trí cho các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: 1.511,0 tỷ đồng

- Vốn bố trí cho các dự án thuộc các ngành, lĩnh vực: 4.116,167 tỷ đồng

- Vốn thực hiện 02 Chương trình MTQG: 615,498 tỷ đồng

b) Vốn nước ngoài: 177,946 tỷ đồng

(Tăng 93,569 tỷ đồng so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND)

2. Vốn ngân sách địa phương: 41.190,0 tỷ đồng
(Tăng 6.428,353 tỷ đồng so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND)
- Vốn tập trung trong nước: 3.879,169 tỷ đồng
 - Vốn từ nguồn thu sử dụng đất: 34.304,831 tỷ đồng
 - Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 186,0 tỷ đồng
 - Ngân sách tỉnh giao tăng (từ các khoản tăng thu, tiết kiệm chi NSNN,... của tỉnh): 2.820,0 tỷ đồng”

(Chi tiết theo Phụ lục I)

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“1. Đối với nguồn vốn ngân sách Trung ương:

- a) Vốn trong nước: 6.242,665 tỷ đồng

- Bố trí cho 05 dự án khởi công mới thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo đúng Quyết định số 1113/QĐ-TTg ngày 21/9/2022 và Văn bản số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ: 1.511,0 tỷ đồng

(Chi tiết theo Phụ lục II)

- Bố trí cho 45 dự án thuộc các ngành, lĩnh vực: 4.116,167 tỷ đồng

Bao gồm:

+ Hoàn ứng đủ 100% vốn NSTW đến hết năm 2020 chưa thu hồi của 08 dự án theo đúng Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ: 205,767 tỷ đồng

+ Bố trí cho 35 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025 (Trong đó: 28 dự án bố trí vốn theo đúng Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; 07 dự án điều chỉnh theo đề nghị tại Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Nam Định): 3.820,4 tỷ đồng

+ Bố trí cho 02 dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 (Trong đó: 01 dự án bố trí vốn theo đúng Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; 01 dự án bổ sung mới theo Văn bản số 1019/TTg-KTTH ngày 01/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ): 90,0 tỷ đồng

(Chi tiết theo Phụ lục III)

- Bố trí cho 02 Chương trình MTQG: 615,498 tỷ đồng

Bao gồm:

- + Chương trình MTQG xây dựng NTM: 601,990 tỷ đồng

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 13,508 tỷ đồng

Phân bổ chi tiết theo đúng quy định tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh về Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới và Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định.

b) Vốn nước ngoài: 177,946 tỷ đồng

- Bố trí cho 03 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025 (Trong đó: 01 dự án bố trí vốn theo đúng Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; 01 dự án bổ sung theo đúng Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 21/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; 01 dự án điều chỉnh theo đề nghị tại Tờ trình số 119/TTr-UBND ngày 23/11/2022 của UBND tỉnh Nam Định): 141,371 tỷ đồng

- Bố trí cho 01 dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 và Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ, điều chỉnh theo đề nghị tại Tờ trình số 119/TTr-UBND ngày 23/11/2022 của UBND tỉnh Nam Định: 36,575 tỷ đồng

(Chi tiết theo Phụ lục IV)

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương:

Tổng số: 41.190,0 tỷ đồng

(Chi tiết theo Phụ lục V)

a) Phân cấp ngân sách tỉnh: 37.234,860 tỷ đồng

(Tăng 5.327,438 tỷ đồng so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND)

Bao gồm:

- Phần các huyện, thành phố chủ động dự kiến danh mục dự án và số vốn phân bổ chi tiết cho từng dự án theo đúng quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh: 21.537,508 tỷ đồng

(Tăng 1.701,588 tỷ đồng so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND)

Trong đó:

+ Tiền thu từ sử dụng đất các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư, khu đất giao cho nhà đầu tư trên địa bàn thành phố Nam Định: cấp lại 100% phần điều tiết ngân sách tỉnh để chi đầu tư xây dựng các dự án, công trình trên địa bàn TP Nam Định: 5.331,331 tỷ đồng

+ Vốn đầu tư từ sử dụng đất các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư, khu đất giao cho nhà đầu tư trên địa bàn các huyện: 16.206,177 tỷ đồng

(Chi tiết theo Phụ lục VII)

- Phần tỉnh trực tiếp quản lý điều hành: 15.697,352 tỷ đồng
(Tăng 3.625,850 tỷ đồng so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND)

Trong đó:

- + Trả nợ lãi vay, phí của các dự án ODA: 12,588 tỷ đồng
- + Hỗ trợ TP Nam Định xây dựng thành phố trung tâm vùng: 28,0 tỷ đồng
- + Bố trí vốn lập Quy hoạch tỉnh Nam Định: 38,358 tỷ đồng
- + Bố trí vốn đối ứng ODA: 83,645 tỷ đồng
- + Bố trí vốn để chuẩn bị đầu tư, GPMB và XD CB khác: 250,0 tỷ đồng
- + Bố trí vốn cho các dự án trọng điểm: 9.806,982 tỷ đồng
- + Bố trí vốn cho các ngành, lĩnh vực còn lại: 5.477,779 tỷ đồng
- + Tạm thời chưa bố trí vốn cho 18 dự án không có khả năng giải ngân; dự án đã hoàn thành hoặc tạm dừng tại điểm dừng kỹ thuật có số vốn còn thiếu dưới 1,0 tỷ đồng chưa bố trí vốn để chờ quyết toán.

(Chi tiết theo Phụ lục VI, VIII)

- b) Phân cấp ngân sách huyện, thành phố, xã, thị trấn: 3.955,140 tỷ đồng
(Tăng 1.100,915 tỷ đồng so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND)

- Tiền thu từ sử dụng đất các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư, khu đất giao cho nhà đầu tư trên địa bàn thành phố Nam Định (điều tiết ngân sách thành phố 20%): 1.248,956 tỷ đồng

- Vốn đầu tư từ thu tiền sử dụng đất khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt cho các tổ chức, cá nhân (trừ các khu đất đã được đầu tư hạ tầng hoặc có kế hoạch đầu tư hạ tầng); thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất cho các hộ đã sử dụng đất (điều tiết ngân sách thành phố 50%; ngân sách huyện 20%; ngân sách xã, thị trấn 30%): 2.706,184 tỷ đồng

(Chi tiết theo Phụ lục IX)

UBND các huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua phương án điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc cấp mình quản lý theo quy định”.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện và chỉ đạo các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh. Trong quá trình thực hiện, nếu cần điều chỉnh cho phù hợp với chế độ

chính sách mới của Nhà nước và tình hình thực tiễn thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Đối với kế hoạch đầu tư công hằng năm (từ năm 2023-2025): trên cơ sở nguồn vốn đầu tư công được Chính phủ giao và khả năng cân đối thêm từ các nguồn vốn ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công hằng năm bao gồm danh mục và mức vốn bố trí chi tiết cho từng chương trình, dự án; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước khi giao kế hoạch theo quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2022/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 2;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HU, HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo tỉnh; Báo Nam Định;
- Website Chính phủ, Website tỉnh;
- Cổng TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Lê Quốc Chính



Phụ lục I:

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỈNH NAM ĐỊNH
(Kèm theo Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao (*)	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng so với tổng nguồn vốn đã được HĐND tỉnh thông qua	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
	TỔNG SỐ	19.588.511	38.912.191	8.698.420	47.610.611
I	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	13.167.900	34.761.647	6.428.353	41.190.000
1	Vốn đầu tư trong cân đối	3.879.169	3.879.169	-	3.879.169
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	9.102.731	28.996.478	5.308.353	34.304.831
3	Vốn đầu tư từ nguồn thu sở xổ kiến thiết	186.000	186.000	-	186.000
4	Ngân sách tỉnh giao tăng	-	1.700.000	1.120.000	2.820.000
II	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	6.420.611	4.150.544	2.270.067	6.420.611
1	Vốn trong nước	6.242.665	4.066.167	2.176.498	6.242.665

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao (*)	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng so với tổng nguồn vốn đã được HĐND tỉnh thông qua	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
a	Vốn bố trí cho dự án thuộc các ngành, lĩnh vực	4.116.167	4.066.167	50.000	4.116.167
b	Vốn thực hiện 02 Chương trình mục tiêu quốc gia	615.498	-	615.498	615.498
	- <i>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>	601.990	-	601.990	601.990
	- <i>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</i>	13.508	-	13.508	13.508
c	Vốn bố trí cho dự án thuộc Chương trình phục hồi phát triển KT-XH	1.511.000	-	1.511.000	1.511.000
2	Vốn nước ngoài	177.946	84.377	93.569	177.946

Ghi chú: (*) Bao gồm cả số vốn giao đợt 1 tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 và các Quyết định giao bổ sung, Thông báo dự kiến giao tăng.



Phụ lục II:
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
CỦA CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		KH vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã được giao tại Quyết định số 1113/QĐ-TTg ngày 21/9/2022 và Thông báo tại Văn bản số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ		Số dự án	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: đã giao tại Quyết định số 1113/QĐ-TTg ngày 21/9/2022 của TTCP
	TỔNG SỐ			2.032.300	1.511.000	1.511.000	165.000	5
	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025							
I	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			365.300	246.000	246.000	-	2
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	92/NQ-HĐND (26/8/22)	199.900	108.000	108.000	-	1
2	Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp 66 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	93/NQ-HĐND (26/8/22)	165.400	138.000	138.000	-	1
II	XÃ HỘI			122.000	100.000	100.000	100.000	1
1	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các cơ sở trợ giúp xã hội tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2193 (25/11/22)	122.000	100.000	100.000	100.000	1

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			KH vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã được giao tại Quyết định số 1113/QĐ-TTg ngày 21/9/2022 và Thông báo tại Văn bản số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ		Số dự án
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao tại Quyết định số 1113/QĐ-TTg ngày 21/9/2022 của TTCP	
III	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			95.000	65.000	65.000	65.000	1
1	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	59/NQ-HĐND (17/6/22)	95.000	65.000	65.000	65.000	1
IV	GIAO THÔNG			1.450.000	1.100.000	1.100.000	-	1
1	Xây dựng cầu vượt sông Đáy nối tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định thuộc tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	91/NQ-HĐND (26/8/22)	1.450.000	1.100.000	1.100.000	-	1



Phụ lục III:

**DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH
VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025**
(Kèm theo Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán			KH trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số					Trong đó: NSTW	KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		Còn lại giai đoạn 2023-2025
	TỔNG SỐ			16.623.796	7.485.425	-	2.681.149	1.297.575	4.066.167	174.472	124.472	4.116.167	1.248.704	1.874.623	992.840	####
*	Hoàn ứng NSTW			-	-	-	-	-	205.767	-	-	205.767	205.767	-	-	8
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			2.338.788	1.312.630	-	1.872.260	806.169	202.652	-	-	202.652	202.652	-	-	####
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021			1.632.083	1.050.820	-	1.511.010	558.475	128.228	-	-	128.228	128.228	-	-	6
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022			706.705	261.810	-	361.250	247.694	74.424	-	-	74.424	74.424	-	-	4
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			302.816	54.360	-	60.906	17.010	11.210	-	-	11.210	11.210	-	-	3
c	Các công trình chuyển tiếp			13.873.192	6.028.435	-	747.983	474.396	3.606.538	124.472	124.472	3.606.538	829.075	1.874.623	902.840	22
d	Các công trình dự kiến khởi công mới			109.000	90.000	-	-	-	40.000	50.000	-	90.000	-	-	90.000	2
	Chi tiết như sau:			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#####
A	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025			16.514.796	7.395.425	-	2.681.149	1.297.575	4.026.167	124.472	124.472	4.026.167	1.248.704	1.874.623	902.840	#####
A.1	HOÀN ỨNG NSTW (Đã hoàn ứng đủ 100% NSTW trong KH năm 2021)			-	-	-	-	-	205.767	-	-	205.767	205.767	-	-	8
1	- Sửa chữa, nâng cấp tuyến I đê biển huyện Giao Thủy và sửa chữa, nâng cấp tuyến I đê biển huyện Hải Hậu	Sở NN&PTNT	929/QĐ- UBND (22/6/2012)						10.000			10.000	10.000	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
2	- Nâng cấp hạ tầng thủy lợi huyện Hải Hậu (Tên cũ: Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp ven biển huyện Hải Hậu)	UBND huyện Hải hậu	1522 (3/9/14) 587 (09/4/15) 477 (09/3/20)						26.100			26.100	26.100	-	-	1
3	- Đường cứu hộ bê tông mặt đê và kè lát mái, bảo vệ đê bao vùng dân cư mới Điện Biên xã Giao An, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	274 (29/01/10); 4798 (01/12/10) 1923 (30/11/12)						6.773			6.773	6.773	-	-	1
4	- Xử lý 3 tuyến kè sạt lở cấp bách gồm: kè Phụng Tường tuyến đê hữu Ninh, huyện Trực Ninh; kè Tương Nam tuyến đê hữu Hồng, huyện Nam Trực, kè Quần Khu tuyến đê hữu Ninh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	713 (24/5/12); 111 (21/01/13); 1077A (18/6/14)						10.084			10.084	10.084	-	-	1
5	- Dự án nâng cấp đô thị Nam Định	UBND TP.Nam Định	491 (21/4/03) 1583 (27/7/09) 437 (17/3/14)						7.510			7.510	7.510	-	-	1
6	- Dự án cấp nước sạch và Vệ sinh nông thôn đồng bằng sông Hồng(WB)	CTCP nước sạch và VSNT Nam Định	804/TTg-QHQT (17/6/05)						5.300			5.300	5.300	-	-	1
7	- Xây dựng nhà thi đấu đa năng tỉnh Nam Định	Sở VH TT&DL	954b (29/6/12) 163 (21/1/14)						100.000			100.000	100.000	-	-	1
8	- Xây dựng Khu lưu niệm đồng chí Lê Đức Thọ tại tỉnh Nam Định	UBND TP.Nam Định	245 (7/2/13) 403 (16/3/15)						40.000			40.000	40.000	-	-	1
A.2	CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM			8.715.799	4.464.000	-	-	-	2.951.180	-	61.240	2.889.940	651.180	1.520.310	718.450	3

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
I	GIAO THÔNG			7.981.770	4.015.000	-	-	-	2.570.000	-	-	2.570.000	570.000	1.281.550	718.450	2
c	Các công trình chuyển tiếp			7.981.770	4.015.000	-	-	-	2.570.000	-	-	2.570.000	570.000	1.281.550	718.450	2
1	- Xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1710 (31/7/17) 1410 (08/7/19) 1589/QĐ-TTg (15/10/20) 2806 (25/11/20) 457 (02/3/21) 2589 (01/12/21)	5.326.500	2.700.000	-	-	-	1.500.000	-		1.500.000	-	781.550	718.450	1
2	- Xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đoạn qua tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	132/QĐ-TTg (17/01/20) 1135 (15/5/20) 457 (02/3/21) 2590 (01/12/21) 1934 (19/10/22)	2.655.270	1.315.000				1.070.000	-		1.070.000	570.000	500.000	-	1
II	VĂN HÓA			734.029	449.000	-	-	-	381.180	-	61.240	319.940	81.180	238.760	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp			734.029	449.000	-	-	-	381.180	-	61.240	319.940	81.180	238.760	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán			KH trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số					Trong đó: NSTW	KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		Còn lại giai đoạn 2023-2025
1	- Đầu tư xây dựng khu Trung tâm lễ hội thuộc khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần tại tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2448 (30/10/17) 2547 (15/11/19) 2681 (09/11/20) 2111 (30/9/21)	734.029	449.000				381.180	-	61.240	319.940	81.180	238.760	-	1
A.3	CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CÒN LẠI			7.798.997	2.931.425	-	2.681.149	1.297.575	869.220	124.472	63.232	930.460	391.757	354.313	184.390	32
I	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			204.578	54.085	-	16.643	13.730	470	-	-	470	470	-	-	2
(1)	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			32.032	31.275	-	16.643	13.730	180	-	-	180	180	-	-	1
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021			32.032	31.275		16.643	13.730	180	-	-	180	180	-	-	1
1	- Xây dựng Trung Tâm dạy nghề kiểu mẫu huyện Hải Hậu	UBND huyện Hải Hậu	2331 (03/11/10) 1633 (26/9/11)	32.032	31.275	2927 (21/12/18)	16.643	13.730	180			180	180	-	-	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			172.546	22.810	-	-	-	290	-	-	290	290	-	-	1
1	- Xây dựng Trường Trung cấp nghề Thủ công Mỹ nghệ truyền thống Nam Định	Trường CD kinh tế và công nghệ Nam Định	2563 (28/10/09) 1773 (30/8/10)	172.546	22.810				290			290	290	-	-	1
II	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN			4.279.307	1.552.088	-	1.087.171	699.375	359.082	61.240	7.847	412.475	176.384	114.933	121.158	17
(1)	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			742.061	308.400	-	460.470	224.979	16.624	-	-	16.624	16.624	-	-	4
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021			268.087	183.700	-	265.462	114.395	9.330	-	-	9.330	9.330	-	-	2
1	- Nạo vét, kiên cố kênh Thanh Quan, thuộc hệ thống thủy nông Xuân Thủy, huyện Xuân Trường	UBND huyện Xuân Trường	144 (19/01/16) 944 (09/5/16) 2137 (19/9/17)	115.092	100.000	2406 (30/10/18)	113.703	52.995	1.050			1.050	1.050	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
2	- Nạo vét, kiên cố kênh Cát Xuyên (tuyến chính), thuộc hệ thống thủy nông Xuân Thủy, huyện Xuân Trường	UBND huyện Xuân Trường	145 (19/01/16) 171 (21/01/19) 1504 (22/7/19)	152.995	83.700	2383 (25/10/19)	151.759	61.400	8.280			8.280	8.280	-	-	1
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022			473.974	124.700		195.008	110.584	7.294	-	-	7.294	7.294	-	-	2
1	- Nâng cấp, cải tạo trung tâm giống thủy sản tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1861 (17/10/14) 2081 (25/9/18)	82.539	71.800	2818 (26/11/20)	80.128	57.684	2.084			2.084	2.084	-	-	1
2	- Cùng cố, nâng cấp các đoạn đê, kè xung yếu thuộc tuyến đê biển tỉnh	Sở NN&PTNT	1681 (18/10/13) 57/UBND-VP3 (22/01/18)	391.435	52.900	2902 (29/12/21)	114.880	52.900	5.210	-		5.210	5.210	-	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp			3.537.246	1.243.688	-	626.701	474.396	342.458	61.240	7.847	395.851	159.760	114.933	121.158	13
1	- Nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Bạch Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định (Dự án quyết toán hạng mục)	UBND xã Bạch Long	2462 (31/10/16) 2550 (18/11/19) 1017 (12/5/21)	68.414	14.320	2623 (29/10/20)	26.947	14.320	9.190		-	9.190	9.190	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
2	- Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đê thuộc hệ thống thủy nông Vụ Bản, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Công ty TNHH MTV KTCTTL Vụ Bản	2294 (29/10/10) 1624 (25/10/12) 1038 (20/5/19) 2514 (12/11/19) 806 (15/4/21) 1691 (10/8/21) 1134 (21/6/22)	106.205	65.250				50.463	-		50.463	-	50.463	-	1
3	- Cải tạo, nâng cấp đê hữu sông Đào, huyện Vụ Bản (Quyết toán hạng mục)	Sở NN&PTNT	2393 (11/11/10); 1765 (19/10/11); 2433 (19/12/14); 230 (3/2/20); 1296 (29/5/20); 1348 (9/6/20)	150.799	112.220	1877 (21/10/14) 797 (28/4/22)	129.093	112.220	20.000			20.000	20.000	-	-	1
4	- Cải tạo, nâng cấp một số đoạn đê xung yếu trên tuyến đê sông tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	574 (12/3/21)	169.900	120.000				70.000			70.000	70.000	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
5	- Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão kết hợp bến cá cửa Hà Lạn, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1621 (24/10/12) 2679 (21/11/17) 2603 (21/11/19) 2937 (25/12/19) 96 (10/01/20) 472 (04/3/21) 525/UBND-VP3 (20/7/22)	172.950	68.453				8.329			8.329	8.329	-	-	1
6	- Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ và phòng chống lụt bão tuyến đê biển tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1618 (24/10/12); 656 (02/5/13); 1034A (27/6/13) 985 (07/5/21)	254.943	61.730				1.380			1.380	1.380	-	-	1
7	- Cải tạo, nâng cấp khản cấp tuyến đê tả sông Đào (từ K18+656 đến K30+073) huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1335 (12/8/13) 347 (04/3/14) 2515 (12/11/19) 983 (07/5/21) 518/UBND-VP3 (15/7/22)	128.200	64.906				1.730			1.730	1.730	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
8	- Đầu tư củng cố, nâng cấp khẩn cấp tuyến đê hữu Hồng đoạn từ K156+621 đến K163+610, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1488 (16/9/13) 540 (25/3/14) 984 (07/5/21) 517/UBND-VP3 (15/7/22)	69.500	56.280				5.040			5.040	5.040	-	-	1
9	- Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đê, kè, cống đê Hữu sông Hồng và đê tả Đào huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1959 (01/10/10); '1689A (11/10/11); 1702 (21/10/13) 2373 (16/12/14) 1661 (11/8/16) 982 (07/5/21) 516/UBND-VP3 (15/7/22)	160.000	75.433				4.030			4.030	4.030	-	-	1
10	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả sông Đáy, huyện Nghĩa Hưng	Sở NN&PTNT	254 (18/02/11) 1341 (11/8/11) 79 (20/01/15)	950.290	270.395	2869 (14/12/18)	364.651	270.395	2.911			2.911	2.911	-	-	1
11	- Đầu tư Xây dựng cảng cá Quần Vinh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	222/HĐND-TT (30/10/15) '2437 (28/10/16) 2602 (21/11/19) 1677 (09/8/21) 54/NQ-HĐND (26/4/22)	200.000	87.740				87.740	61.240		148.980	13.352	14.470	121.158	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
12	- Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định (Quyết toán hạng mục)	UBND huyện Nghĩa Hưng	2461 (31/10/16) 2551 (18/11/19) 779 (12/4/21) 2151 (06/10/21) 928 (17/5/22)	109.700	75.928	2333 (28/10/21)	37.528	25.928	68.410	-	2.612	65.798	15.798	50.000	-	1
13	- Nâng cấp hệ thống công trình phòng chống lụt bão đề hữu sông Hồng và đề tả sông Đào, TP Nam Định	Sở NN&PTNT	1644 (27/9/11) 1393 (15/6/20) 950 (20/5/22)	996.345	171.033	2963 (27/12/19) 2964 (27/12/19)	68.482	51.533	13.235		5.235	8.000	8.000	-	-	1
III	GIAO THÔNG			2.868.831	1.119.692	-	1.306.485	415.350	412.820	63.232	55.385	420.667	118.055	239.380	63.232	7
(1)	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			1.286.957	811.845	-	1.185.203	415.350	112.820	-	-	112.820	112.820	-	-	2
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021			1.286.957	811.845	-	1.185.203	415.350	112.820	-	-	112.820	112.820	-	-	2
1	- Cải tạo, nâng cấp đường 487 tìm kiếm cứu hộ cứu nạn đảm bảo an ninh quốc phòng tỉnh Nam Định	Sở GTVT	2004 (31/10/14) 1835 (14/8/17) 2964 (21/12/17) 112 (08/02/18) 2301 (18/10/18)	494.930	404.943	2431 (31/10/18)	475.246	96.360	490			490	490	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
2	- Xây dựng Tỉnh lộ 488 đoạn từ đường 488C (50a cũ) đến Thị trấn Thịnh Long	Sở GTVT	218 (24/01/14) 927 (26/5/14) 1649 (22/9/14) 1868a (20/10/14) 1221 (29/6/15) 1629 (20/7/17)	792.027	406.902	2430 (31/10/18)	709.957	318.990	112.330			112.330	112.330	-	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp			1.581.874	307.847	-	121.282	-	300.000	63.232	55.385	307.847	5.235	239.380	63.232	5
1	- Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 488B huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1767 (21/8/18) 1910 (09/9/19) 457 (02/3/21) 2524 (25/11/21)	324.050	50.000				50.000			50.000	-	50.000	-	1
2	- Xây dựng Tỉnh lộ 485B đoạn từ đê tả sông Đào đến Quốc lộ 21B	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2331 (23/10/18) 457 (02/3/21) 2244 (18/10/21)	563.908	100.000				100.000			100.000	-	100.000	-	1
3	- Xây dựng tuyến đường huyện nối từ đê tả Đáy đến đường 57B huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	1755 (21/7/20) 2370 (02/11/21) 921 (17/5/22) 920/UBND-VP5 (10/11/22)	295.000	95.847				50.000	63.232	-	113.232	-	50.000	63.232	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
4	- Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 488C, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1958 (13/9/19) 457 (02/3/21) 2166 (07/10/21) 947 (19/5/22)	148.817	30.000				50.000		20.000	30.000	-	30.000	-	1
5	- Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 487B, tỉnh Nam Định	UBND huyện Nam Trực	1950 (07/9/18) 1103 (25/5/21) 388 (27/02/20) 2152 (06/10/21) 961 (24/5/22)	250.099	32.000	3167 (31/12/20)	121.282		50.000	-	35.385	14.615	5.235	9.380	-	1
IV	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			59.370	14.540	-	-	-	9.540	-	-	9.540	9.540	-	-	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			59.370	14.540	-	-	-	9.540	-	-	9.540	9.540	-	-	1
1	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp bệnh viện Y học cổ truyền, tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2138 (28/9/16) 2515 (06/11/18) 2640 (27/11/19) 3127 (30/12/20) 2142 (05/10/21)	59.370	14.540				9.540			9.540	9.540	-	-	1
V	VĂN HÓA			140.000	121.000	-	137.515	121.000	60.000	-	-	60.000	60.000	-	-	1
(1)	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			140.000	121.000	-	137.515	121.000	60.000	-	-	60.000	60.000	-	-	1
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022			140.000	121.000		137.515	121.000	60.000	-	-	60.000	60.000	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
1	- Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục quần thể lưu niệm cố Tổng Bí thư Trường Chinh tại huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	UBND huyện Xuân Trường	1787 (22/8/18) 1328 (05/6/20) 1386 (12/6/20) 115 (14/01/21)	140.000	121.000	2425 (09/11/21)	137.515	121.000	60.000			60.000	60.000	-	-	1
VI	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN			45.007	24.000	-	43.702	15.000	5.898	-	-	5.898	5.898	-	-	1
(1)	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			45.007	24.000	-	43.702	15.000	5.898	-	-	5.898	5.898	-	-	1
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021			45.007	24.000		43.702	15.000	5.898	-	-	5.898	5.898	-	-	1
1	- Phát triển hạ tầng khung Chính phủ điện tử tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2020	Sở TT&TT	2361 (24/10/16) 2094 (27/9/19)	45.007	24.000	2911 (08/12/20)	43.702	15.000	5.898			5.898	5.898	-	-	1
VII	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ			92.731	16.110	-	28.727	16.110	7.130	-	-	7.130	7.130	-	-	1
(1)	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			92.731	16.110	-	28.727	16.110	7.130	-	-	7.130	7.130	-	-	1
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022			92.731	16.110		28.727	16.110	7.130	-	-	7.130	7.130	-	-	1
1	- Giai đoạn I dự án Xây dựng tuyến đường gom, đường vào khu công nghiệp Mỹ Trung, tỉnh Nam Định	Ban QL các khu công nghiệp tỉnh	1372 (19/6/17) 1511 (23/7/19)	92.731	16.110	2379 (23/9/20)	28.727	16.110	7.130			7.130	7.130	-	-	1
VIII	KHO TÀNG			70.900	17.010	-	60.906	17.010	1.380	-	-	1.380	1.380	-	-	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			70.900	17.010		60.906	17.010	1.380	-	-	1.380	1.380	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
1	- Xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2401A (12/11/15) 2907 (19/12/18) 2569 (19/11/19) 3128 (30/12/20) 2864 (27/12/21)	70.900	17.010	2115 (01/10/21)	60.906	17.010	1.380			1.380	1.380	-	-	1
IX	XÃ HỘI			38.273	12.900	-	-	-	12.900	-	-	12.900	12.900	-	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp			38.273	12.900	-	-	-	12.900	-	-	12.900	12.900	-	-	1
1	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	955 (9/5/16) 2114 (03/10/19) 2555 (18/11/19) 1448 (18/6/20)	38.273	12.900				12.900			12.900	12.900	-	-	1
B	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025			109.000	90.000	-	-	-	40.000	50.000	-	90.000	-	-	90.000	2
I	VĂN HÓA			60.000	50.000	-	-	-	-	50.000	-	50.000	-	-	50.000	1
d	Dự kiến công trình khởi công mới			60.000	50.000	-	-	-	-	50.000	-	50.000	-	-	50.000	1
1	- Bảo quản, tu bổ, tôn tạo cụm di tích quốc gia đình - chùa Ngô Xá, chùa Nê (Đã được Thủ tướng Chính phủ thông báo tại Văn bản số 1019/TTg-KTTH ngày 01/11/2022)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	272/TB-UBND (22/11/22)	60.000	50.000		-	-	-	50.000		50.000	-	-	50.000	1
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			49.000	40.000	-	-	-	40.000	-	-	40.000	-	-	40.000	1
d	Dự kiến công trình khởi công mới			49.000	40.000	-	-	-	40.000	-	-	40.000	-	-	40.000	1
1	- Xây dựng Bệnh viện đa liễu tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2153 (29/9/16) 1653 (05/8/21)	49.000	40.000				40.000			40.000	-	-	40.000	1



Phụ lục IV:

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		KH đầu tư trung hạn vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Điều chỉnh		KH đầu tư trung hạn vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án	
			Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Tăng	Giảm	Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: Đưa vào cân đối NSTW	KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		Còn lại giai đoạn 2023-2025
	TỔNG SỐ			826.413	245.548	84.377	94.046	477	177.946	67.056	16.844	94.046	4
A	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025			762.443	208.973	63.377	78.471	477	141.371	52.490	10.410	78.471	3
I	TÀI NGUYÊN			112.475	73.709	57.044	-	-	57.044	46.634	10.410	-	1
b	Dự án chuyển tiếp												
I	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nam Định vay vốn Ngân hàng Thế giới (VILG)	Sở Tài nguyên và Môi trường	1236/QĐ- BTNMT (30/5/16); 1864/QĐ-UBND (7/9/16) 2531/QĐ- BTNMT (22/12/2021) 449/QĐ-UBND (04/3/2022)	112.475	73.709	57.044	-	-	57.044	46.634	10.410		1
II	GIAO THÔNG			245.200	135.264	6.333	-	477	5.856	5.856	-	-	1
b	Dự án chuyển tiếp												
I	- Hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương thuộc Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) (KH vốn năm 2021 đã giao cho dự án 6.333 triệu đồng, nhưng dự kiến không giải ngân được 477 triệu đồng)	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	622/QĐ-BGTVT (2/3/16); 1698/QĐ-BGTVT (15/6/17) 462/QĐ-BGTVT (07/4/22)	245.200	135.264	6.333	-	477	5.856	5.856	-	-	1

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Điều chỉnh		KH đầu tư trung hạn vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tăng	Giảm	Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đưa vào cân đối NSTW					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
III	NÔNG NGHIỆP			404.768	-	-	78.471	-	78.471	-	-	78.471	1
a	Dự án đã hoàn thành chưa quyết toán												
1	- Dự án nâng cấp hạ tầng thủy lợi huyện Hải Hậu (Tên cũ: Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp ven biển huyện Hải Hậu)	UBND huyện Hải Hậu	1522 (3/9/14) 587 (09/4/15) 477 (09/3/20)	404.768		-	78.471		78.471		-	78.471	1
B	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025			63.970	36.575	21.000	15.575	-	36.575	14.566	6.434	15.575	1
I	GIAO THÔNG			63.970	36.575	21.000	15.575	-	36.575	14.566	6.434	15.575	1
b	Dự án chuyển tiếp												
1	- Hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương thuộc Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) phần sử dụng vốn dự	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	622/QĐ-BGTVT (2/3/16); 1698/QĐ-BGTVT (15/6/17) 462/QĐ-BGTVT (07/4/22)	63.970	36.575	21.000	15.575	-	36.575	14.566	6.434	15.575	1



Phụ lục V:

**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh Tăng (+) Giảm (-)	Tổng số vốn NSDP giai đoạn 2021- 2025 sau điều chỉnh			
					Tổng số giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2021 đã giao	Kế hoạch năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025
A	TỔNG NGUỒN	13.167.900	34.761.647	+6.428.353	41.190.000	5.023.222	3.469.160	32.697.618
1	<i>Vốn đầu tư XDCB vốn tập trung trong nước</i>	3.879.169	3.879.169	-	3.879.169	686.760	669.160	2.523.249
2	<i>Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</i>	9.102.731	28.996.478	+5.308.353	34.304.831	3.182.462	2.564.000	28.558.369
	- Trung ương giao	9.102.731	9.102.731		9.102.731	2.000.000	2.130.000	4.972.731
	- Tỉnh giao tăng	-	19.893.747	+5.308.353	25.202.100	1.182.462	434.000	23.585.638
3	<i>Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	186.000	186.000	-	186.000	34.000	36.000	116.000
	- Trung ương giao	186.000	186.000	-	186.000	34.000	34.000	116.000
	- Tỉnh giao tăng	-		-		-	2.000	-
4	<i>Ngân sách tỉnh giao tăng</i>	-	1.700.000	+1.120.000	2.820.000	1.120.000	200.000	1.500.000
B	PHÂN BỐ CHI TIẾT		34.761.647	+6.428.353	41.190.000	5.023.222	3.469.160	32.697.618

TT	Nguồn vốn	Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh Tăng (+) Giảm (-)	Tổng số vốn NSDP giai đoạn 2021- 2025 sau điều chỉnh			
					Tổng số giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2021 đã giao	Kế hoạch năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025
B.1	PHÂN CẤP NGÂN SÁCH TỈNH		31.907.422	+5.327.438	37.234.860	3.592.730	3.111.910	30.530.220
I	Phần tỉnh trực tiếp quản lý, điều hành		12.071.502	+3.625.850	15.697.352	2.386.760	1.626.410	11.684.182
1	<i>Bố trí vốn thực hiện các dự án tỉnh trực tiếp quản lý điều hành</i>		12.071.502	+3.625.850	15.697.352	2.386.760	1.626.410	11.684.182
II	Phần các huyện, thành phố chủ động dự kiến danh mục dự án và số vốn phân bổ chi tiết cho từng dự án theo đúng quy định tại Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh		19.835.920	+1.701.588	21.537.508	1.205.970	1.485.500	18.846.038
1	<i>Tiền thu từ sử dụng đất các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư; các khoản thu từ khu đất giao cho nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án trên địa bàn thành phố Nam Định</i>		5.477.966	-146.635	5.331.331	300.363	360.000	4.670.968
2	<i>Tiền thu từ sử dụng đất các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư, các khoản thu từ khu đất giao cho nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn các huyện</i>		14.357.954	+1.848.223	16.206.177	905.607	1.125.500	14.175.070
B.2	PHÂN CẤP NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ TRẤN, XÃ		2.854.225	+1.100.915	3.955.140	1.430.492	357.250	2.167.398



Phụ lục VI: DANH MỤC DỰ ÁN TỈNH TRỰC TIẾP QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH ĐIỀU CHỈNH
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
	TỔNG SỐ			34.912.115	22.827.927	-	7.364.910	4.007.478	12.071.502	4.384.103	758.253	15.697.352	2.386.760	1.626.410	11.684.182	265
A	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, GPMB VÀ XDCB KHÁC (Bổ trí từ các khoản tăng thu, tiết kiệm chi NSNN,... của tỉnh. Trong đó có dự phòng vốn bổ trí để trả nợ lãi vay, phí của các dự án ODA phát sinh trong các năm 2022 -2025)			-	-	-	-	-	250.000		-	250.000		-	250.000	-
B	VỐN HỖ TRỢ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ TRUNG TÂM VÙNG								28.000			28.000	28.000			
C	CHI TRẢ NỢ LÃI VAY, PHÍ CỦA CÁC DỰ ÁN ODA			-	-	-	-	-	12.588	-	-	12.588	-	1.600	10.988	-
1	Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (Dự án LRAMP)	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	622/QĐ- BGTVT (2/3/16); 1698/QĐ- BGTVT (15/6/17) 462/QĐ- BGTVT (07/4/22)	-					3.011			3.011	-	822	2.189	-
2	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nam Định vay vốn ngân hàng Thế giới (Dự án VILG)	Sở TNMT	1236/BTNM T (30/5/16); 1864/QĐ- UBND (7/9/16) 449/QĐ- UBND (04/3/22)	-					1.288			1.288	-	363	925	-
3	Dự án Nâng cấp hạ tầng thủy lợi huyện Hải Hậu (phần sử dụng vốn dư)	UBND huyện Hải Hậu	1522 (3/9/14) 587 (09/4/15) 477 (09/3/20)	-					752			752	-	415	337	-

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
4	Dự án “Nâng cấp hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định thích ứng biến đổi khí hậu” sử dụng vốn vay của Ngân hàng Châu Á (ADB)	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định		-				5.036			5.036	-	-	5.036	-	
5	Dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi vùng đồng bằng sông Hồng theo hướng quản lý nước hiệu quả phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nông thôn (KEXIM2)	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định		-				1.849			1.849	-	-	1.849	-	
6	Dự án Tăng cường cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi và người yếu thể chất lượng cao tỉnh Nam Định vay vốn của ngân hàng phát triển Châu Á (ADB)	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định		-				653			653	-	-	653	-	
*	TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN TỈNH TRỰC TIẾP QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH (MỤC D +E)			34.912.115	22.827.927	-	7.364.910	4.007.478	11.780.913	4.384.103	758.253	15.406.764	2.358.760	1.624.810	11.423.193	265
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			6.681.401	3.550.381	-	5.844.842	3.450.481	1.234.661	1.682	64.212	1.172.131	607.542	461.978	102.611	128
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			3.483.814	1.583.959	-	3.259.582	1.960.000	499.967	1.317	1.029	500.255	387.983	112.272	-	50
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2022			2.816.773	1.663.148	-	2.219.932	1.202.103	520.736	365	52.275	468.826	163.763	305.063	-	55
a.3	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn			380.814	303.274	-	365.328	288.378	213.958	-	10.908	203.050	55.796	44.643	102.611	23
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			1.722.611	1.068.644	-	333.835	187.155	440.705	27.705	1.052	467.358	233.571	49.605	184.182	23
c	Các công trình chuyển tiếp			22.164.305	15.760.106	-	1.186.233	369.842	9.497.408	2.681.714	492.989	11.686.133	1.517.647	1.113.227	9.055.259	69
d	Các công trình dự kiến khởi công mới và các khoản hỗ trợ khác phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh			4.343.798	2.448.796	-	-	-	608.139	1.673.002	200.000	2.081.141	-	-	2.081.141	45
	TRONG ĐÓ:			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
D	CÁC DỰ ÁN THUỘC DANH MỤC NGÂN SÁCH TỈNH			16.241.159	13.261.302	-	4.683.761	2.624.649	7.195.041	3.516.875	509.155	10.202.762	753.244	811.974	8.637.543	222
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			4.342.613	2.524.980	-	3.972.582	2.385.135	1.033.388	1.317	64.212	970.493	445.802	422.080	102.611	118
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			1.851.731	1.003.453	-	1.748.572	1.008.210	370.557	1.317	1.029	370.845	258.573	112.272	-	44
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2022			2.110.068	1.218.253	-	1.858.682	1.088.547	448.873	-	52.275	396.598	131.433	265.165	-	51
a.3	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn			380.814	303.274	-	365.328	288.378	213.958	-	10.908	203.050	55.796	44.643	102.611	23

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			996.746	480.207	-	151.647	21.977	313.193	1.304	62	314.435	122.773	34.135	157.527	18
c	Các công trình chuyển tiếp			8.714.162	8.348.971	-	559.532	217.537	5.249.321	2.373.904	244.881	7.378.344	184.669	355.759	6.837.916	49
d	Các công trình dự kiến khởi công mới và các khoản hỗ trợ khác phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh			2.187.638	1.907.144	-	-	-	599.139	1.140.350	200.000	1.539.489	-	-	1.539.489	37
	Chi tiết như sau:			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
D.1	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025			7.344.261	4.679.970	-	4.527.991	2.483.741	2.155.242	29.735	159.222	2.025.755	663.263	595.567	766.925	131
D.1.1	CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM			1.467.322	1.205.327	-	271.228	9.233	600.000	-	100.000	500.000	100.000	100.000	300.000	1
I	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			1.467.322	1.205.327	-	271.228	9.233	600.000	-	100.000	500.000	100.000	100.000	300.000	1
c	Các công trình chuyển tiếp			1.467.322	1.205.327	-	271.228	9.233	600.000	-	100.000	500.000	100.000	100.000	300.000	1
1	- Xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	577 (27/2/06); 2739 (20/11/09) 2170 (01/9/20)	1.467.322	1.205.327	2450 (22/12/14) 983 (14/5/19) 1491 (19/7/19)	271.228	9.233	600.000		100.000	500.000	100.000	100.000	300.000	1
D.1.2	QUY HOẠCH			48.358	48.358	-	-	-	38.200	158	-	38.358	4.435	10.000	23.923	1
c	Các công trình chuyển tiếp			48.358	48.358	-	-	-	38.200	158	-	38.358	4.435	10.000	23.923	1
1	- Lập quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định	992/QĐ-TTg (10/7/20) 2850 (19/12/19) 2723 (12/11/20) 2962 (10/12/20) 746 (08/4/21)	48.358	48.358				38.200	158		38.358	4.435	10.000	23.923	1
D.1.3	ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA			40.040	40.040	-	-	-	21.976	6.550	-	28.526	1.564	7.500	19.462	5

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HDND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: NS tỉnh	KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		Còn lại giai đoạn 2023- 2025
c	Các công trình chuyển tiếp			40.040	40.040	-	-	-	21.976	6.550	-	28.526	1.564	7.500	19.462	5
1	- Đối ứng dự án Giảm sóng ổn định bãi và trồng rừng ngập mặn bảo vệ nam Cồn Xanh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1226 (30/06/15) 2889 (12/12/16) 816/UBND- VP3 (25/9/17)	164	164				164			164	164	-	-	1
2	- Đối ứng dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Nam Định giai đoạn 2015-2020	Sở NN&PTNT	1225 (30/06/15) 2515 (06/11/17) 2885 (08/12/17)	697	697				269			269	-	-	269	1
3	- Đối ứng dự án Hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương thuộc Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương(LRAMP)	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	622/QĐ- BGTVT (2/3/16); 1698/QĐ- BGTVT (15/6/17) 462/QĐ- BGTVT (07/4/22)	7.120	7.120				1.400			1.400	1.400	-	-	1
4	- Đối ứng dự án Hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương thuộc Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) phần vốn dự	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	622/QĐ- BGTVT (2/3/16); 1698/QĐ- BGTVT (15/6/17) 462/QĐ- BGTVT (07/4/22)	11.720	11.720				11.720			11.720	-	2.000	9.720	1
5	- Đối ứng dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nam Định vay vốn Ngân hàng Thế giới	Sở TNMT	1236/BTNM T (30/5/16); 1864/QĐ- UBND (7/9/16) 449/QĐ- UBND (04/3/22)	20.339	20.339				8.423	6.550		14.973	-	5.500	9.473	1
D.1.4	CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CÒN LẠI			5.788.541	3.386.245	-	4.256.763	2.474.508	1.495.066	23.027	59.222	1.458.871	557.264	478.067	423.540	124
I	KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ			104.689	104.689	-	92.674	92.674	35.199	-	2.816	32.383	14.251	12.260	5.872	4

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			97.411	97.411	-	92.674	92.674	30.921	-	2.816	28.105	13.901	10.960	3.244	3
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2022			63.580	63.580		61.660	61.660	22.471	-	-	22.471	12.671	9.800	-	1
1	- Đầu tư xây dựng trại thực nghiệm công nghệ cao giống gia súc gia cầm đặc sản Hải Sơn	TT giống gia súc, gia cầm tỉnh ND	2850 (09/12/16) 289 (04/2/21)	63.580	63.580	2023 (21/9/21)	61.660	61.660	22.471	-		22.471	12.671	9.800	-	1
a.3	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn			33.831	33.831	-	31.014	31.014	8.450	-	2.816	5.634	1.230	1.160	3.244	2
1	- Xây dựng Sân giao dịch công nghệ, thiết bị và hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Nam Định	Sở KH&CN	3117 (29/12/17)	5.596	5.596	184/QĐ-STC (30/12/21)	5.503	5.503	2.296		93	2.203	300	660	1.243	1
2	- Xây dựng Trại giống cây lâm nghiệp tại xã Nam Cường, huyện Nam Trực	Sở NN&PTNT	2244 (30/10/15) 1659 (06/8/21)	28.235	28.235	784 (26/4/22)	25.511	25.511	6.154		2.723	3.431	930	500	2.001	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			7.278	7.278	-	-	-	4.278	-	-	4.278	350	1.300	2.628	1
1	- Cải tạo, sửa chữa tòa nhà 9 tầng thuộc sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định	Sở KH&CN	152 (22/01/18) 322 (18/02/20)	7.278	7.278				4.278			4.278	350	1.300	2.628	1
II	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			172.983	150.983	-	169.578	147.578	61.178	-	933	60.245	12.098	42.090	6.057	13
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			172.983	150.983	-	169.578	147.578	61.178	-	933	60.245	12.098	42.090	6.057	13
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			14.979	10.579	-	14.825	10.425	4.228	-	-	4.228	4.228	-	-	2
1	- Xây dựng nhà đa năng, nhà công vụ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Vũ Văn Hiếu, huyện Hải Hậu	THPT Vũ Văn Hiếu	2387 (29/10/18) 2650 (26/11/18)	14.979	10.579	3006 (31/12/19)	14.825	10.425	2.605			2.605	2.605	-	-	1
2	- Dự án Cụm nhà ở sinh viên tập trung TPND (Vốn hoàn ứng)	Sở Xây dựng	1341 (01/7/09)	-		2971 (31/12/15)	-		1.623			1.623	1.623	-	-	1
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2022			133.664	116.064	-	131.346	113.746	46.820	-	-	46.820	7.250	39.570	-	9

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
1	- Xây dựng nhà 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Khuyến, thành phố Nam Định	THPT Nguyễn Khuyến	1099 (28/5/18) 2650 (26/11/18)	14.488	10.088	1759 (21/7/20)	13.991	9.591	2.691			2.691	550	2.141	-	1
2	- Xây dựng nhà đa năng và cải tạo, nâng cấp nhà lớp học 2 tầng Trường THPT Mỹ Tho, huyện Ý Yên	THPT Mỹ Tho	616 (30/3/17) 398 (25/2/21)	14.593	14.593	2424 (09/11/21)	14.302	14.302	352			352	-	352	-	1
3	- Sửa chữa, cải tạo Trung tâm đào tạo vận động viên tỉnh Nam Định	Sở VH TT&DL	1997 (13/9/18) 226 (30/01/20)	14.845	14.845	1760 (21/7/20)	14.535	14.535	1.900			1.900	750	1.150	-	1
4	- Xây dựng nhà đa năng, cải tạo nâng cấp 21 phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Trần Văn Bảo, huyện Nam Trực	THPT Trần Văn Bảo	1931 (05/9/18) 2650 (26/11/18)	14.853	10.453	951 (20/4/20)	14.732	10.332	6.162			6.162	1.240	4.922	-	1
5	- Xây dựng nhà học bộ môn, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Lý Nhân Tông, huyện Ý Yên	THPT Lý Nhân Tông	2386 (29/10/18) 2650 (26/11/18)	14.959	10.559	2383 (23/9/20)	14.841	10.441	6.020			6.020	1.400	4.620	-	1
6	- Xây dựng nhà đa năng, nhà công vụ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Đỗ Huy Liêu, huyện Ý Yên	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2411 (30/10/19)	14.964	10.564	1651 (05/8/21)	14.564	10.164	8.164			8.164	560	7.604	-	1
7	- Xây dựng nhà công vụ, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc	THPT Mỹ Lộc	2848 (13/12/18) 692 (30/3/20)	14.976	14.976	1650 (05/8/21)	14.763	14.763	8.993			8.993	740	8.253	-	1
8	- Xây dựng nhà đa năng, nhà công vụ giáo viên, cải tạo nhà hiệu bộ và các công trình phụ trợ Trường THPT Xuân Trường B, huyện Xuân Trường	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	305 (31/01/19)	14.992	14.992	3163 (31/12/20)	14.769	14.769	11.119			11.119	1.710	9.409	-	1
9	- Xây dựng nhà 3 tầng 21 phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Hoàng Văn Thụ, huyện Vụ Bản	THPT Hoàng Văn Thụ	1816 (27/8/18)	14.994	14.994	3000 (15/12/20)	14.849	14.849	1.419			1.419	300	1.119	-	1
a.3	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn			24.340	24.340		23.407	23.407	10.130	-	933	9.197	620	2.520	6.057	2
1	- Sửa chữa, cải tạo Trung tâm đào tạo vận động viên tỉnh Nam Định (Giai đoạn II)	Sở VH TT&DL	1677 (14/7/20)	9.996	9.996	35/QĐ-STC (12/4/22)	9.846	9.846	7.996		150	7.846	300	1.900	5.646	1
2	- Xây dựng nhà đa năng, nhà công vụ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT An Phúc, huyện Hải Hậu	THPT An Phúc	2185 (03/10/16)	14.344	14.344	896 (13/5/22)	13.561	13.561	2.134		783	1.351	320	620	411	1
III	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP. THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN			2.346.208	862.894	-	1.717.235	564.252	403.390	-	22.124	381.266	113.019	111.572	156.675	33
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			1.700.858	625.996	-	1.466.790	523.477	202.852	-	22.062	180.790	82.009	91.919	6.862	28

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			315.337	84.114	-	276.857	78.094	55.885	-	566	55.319	42.633	12.686	-	14
1	- Hoàn ứng Dự án Nâng cấp hệ thống đê tả, hữu sông Sò tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1914 (22/9/10) 770 (6/5/14) 2156 (21/11/14) 1305 (24/6/16)	-					12.686			12.686	-	12.686	-	1
2	- Hoàn ứng Dự án Đầu tư xây dựng khẩn cấp kiên cố hóa mặt đê biển đoạn từ phà Thịnh Long đến cống Quần Vinh I (tương ứng K0-6+700) đê biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định (Vốn hoàn ứng)	Sở NN&PTNT	90 (13/01/09); 1482 (22/7/10)	-					1.520			1.520	1.520	-	-	1
3	- Hỗ trợ Xây dựng nhà kho dược liệu HTX trồng cây dược liệu xã Hải Lộc	HTX trồng cây dược liệu xã Hải Lộc	45a (27/11/20)	200	200	55 (30/12/20)	200	200	200			200	200	-	-	1
4	- Nạo vét đoạn kênh tiêu T3 từ cầu Ốc đến bãi xe Đền Trần thuộc hệ thống thủy nông Mỹ Thành	Công ty TNHH 1TV KTCCTL Mỹ Thành	73 (14/01/19)	4.988	4.988	160/QĐ-STC (21/11/19)	4.706	4.706	2.246			2.246	2.246	-	-	1
5	- Xử lý cấp bách hư hỏng mái đê Phú Văn xã Hải Ninh, K39+000 - K39+500 đê tả Ninh - Hải Hậu do bão số 10 tháng 9 năm 2017 gây ra	Sở NN&PTNT	1074 (25/5/18)	8.000	2.000	105/QĐ-STC (24/9/19)	7.523	1.523	923			923	923	-	-	1
6	- Xử lý cấp bách sự cố kè Cồn Ba - Cồn Tư, tuyến đê Hữu Hồng, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	2634 (21/11/18)	9.000	3.000	223/QĐ-STC (26/12/19)	8.539	2.539	2.539			2.539	2.539	-	-	1
7	- Xử lý cấp bách một số sự cố xảy ra do đợt mưa, lũ tháng 10 năm 2017 trên tuyến đê hữu Ninh và đê Thanh Hương, đê biển huyện Nghĩa Hưng	Sở NN&PTNT	1572 (26/7/18) 2987 (26/12/18)	11.836	2.836	2092 (27/9/19)	11.126	2.126	1.054			1.054	1.054	-	-	1
8	- Xử lý cấp bách kè Mặt Lãng đoạn từ K183+020 đến K183+640 và gia cố mặt đê đoạn từ K184+730 đến K185+240 đê hữu Hồng, huyện Trực Ninh	Sở NN&PTNT	2173 (25/9/17)	14.295	14.295	1820 (29/8/19)	12.767	12.767	1.100			1.100	1.100	-	-	1
9	- Xử lý khẩn cấp kè Hồng Hà đoạn từ K160+500 đến K161+320 đê hữu Hồng, huyện Mỹ Lộc	Sở NN&PTNT	2038 (07/9/17) 2502 (03/11/17)	14.500	14.500	1818 (29/8/19)	13.644	13.644	1.314			1.314	1.314	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
10	- Xử lý cấp bách mái đê phía sông đoạn K7+150 đến K7+190 và đoạn K14+500 đến K16+000 đê hữu Đào; Hoàn thiện gia cố mặt đê bê tông đoạn từ K0+700 đến K4+500 tuyến đê Đồng Tâm, huyện Vụ Bản	UBND huyện Vụ Bản	773 (12/4/18) 1202 (10/6/19)	14.900	6.900	2737 (09/12/19)	14.678	6.773	1.437			1.437	1.437	-	-	1
11	- Xử lý cấp bách một số đoạn đê xung yếu bị sự cố do mưa, lũ tháng 10 năm 2017 xảy ra trên tuyến đê tả Đáy, huyện Ý Yên	Sở NN&PTNT	1445 (13/7/18)	14.900	1.900	983 (22/4/20)	14.116	1.116	516			516	516	-	-	1
12	- Cứng hóa mặt đê bồi sông Đáy xã Yên Trị, Yên Đồng và Yên Nhân, huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	3011 (25/12/17)	41.093	20.547	2994 (30/12/19)	39.847	19.923	17.573			17.573	17.573	-	-	1
13	- Đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Xuân Thủy tỉnh Nam Định	Vườn QG Xuân Thủy	2669 (20/10/03) 2468 (23/10/09) 972 (28/5/15)	163.639	-	1575 (19/9/11) 1549 (06/9/14) 223 (02/02/16) 1663 (10/7/20)	132.198	302	302			302	302	-	-	1
14	- Nạo vét, kiên cố 03 tuyến kênh xã Yên Phong, thuộc hệ thống thủy nông Ý Yên	Công ty TNHH 1 TV KTCCTL Ý Yên	1309 (26/6/18) 795 (16/4/19)	17.986	12.948	2525 (13/11/19)	17.513	12.475	12.475		566	11.909	11.909	-	-	1
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2022			1.299.778	505.682	-	1.111.154	416.147	122.055	-	21.496	100.559	32.676	67.883	-	12
1	- Xử lý đột xuất, cấp bách nứt gãy mặt đê một số đoạn bị hư hỏng nặng trên tuyến đê biển huyện Giao Thủy	Sở NN&PTNT	2349 (23/10/19)	2.000	1.550	73/QĐ-STC (26/6/20)	1.933	1.483	1.483			1.483	-	1.483	-	1
2	- Xử lý cấp bách các hư hỏng bờ bao xã Yên Bằng, huyện Ý Yên bị nước tràn làm xói mặt và vỡ do lũ sông Đáy ngày 11 tháng 10 năm 2017 gây ra	Sở NN&PTNT	1446 (13/7/18)	10.000	3.000	981 (22/4/20)	9.492	2.492	1.752			1.752	350	1.402	-	1
3	- Cải tạo, nâng cấp đường phòng chống lụt bão xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	2462 (31/10/17)	14.900	7.450	1647 (10/7/20)	14.588	7.188	2.748			2.748	980	1.768	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
4	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Sa Lung 13, kênh Phú Hào, kênh R9 xã Nam Thái thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	687 (30/3/20) 2249 (10/9/20)	14.996	14.996	2350 (28/10/21)	14.792	14.792	12.792			12.792	6.892	5.900	-	1
5	- Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông, thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng	UBND xã Nam Điền	2604 (21/11/19)	14.998	14.998	2622 (29/10/20) 30 (07/1/21)	14.878	14.878	4.872			4.872	2.850	2.022	-	1
6	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Cổ Lễ - Cát Chử (đoạn từ cầu Điện Biên đến Ngất Kéo) thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, tỉnh Nam Định	Công ty TNHH 1TV KTCCTL Nam Ninh	2160 (04/10/18) 2742 (10/12/19)	14.999	14.999	2352 (22/9/20)	14.576	14.576	7.276			7.276	2.470	4.806	-	1
7	- Cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình đầu mối phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Giao Phong, huyện Giao Thủy	UBND xã Giao Phong	1422 (09/7/19)	14.999	14.999	2621 (29/10/20)	14.606	14.606	3.806			3.806	830	2.976	-	1
8	- Cải tạo, nâng cấp kênh Quỹ Độ B (đoạn từ K0C0 đến K2C0) thuộc hệ thống thủy nông Ý Yên, tỉnh Nam Định	Công ty TNHH 1 TV KTCCTL Ý Yên	509 (11/3/16) 2047 (07/9/17) 2691 (21/11/17) 1066 (06/5/20)	19.559	4.423	1665 (10/7/20)	18.382	4.423	1.523			1.523	320	1.203	-	1
9	- Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng chuyển đổi nuôi trồng thủy sản xã Hải Chính, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	UBND xã Hải Chính	1741 (28/10/13) 1683 (27/8/15) 2972 (19/12/16) 1144 (12/6/08) 679 (05/5/11); 729 (25/5/12) 2017 (26/9/16)	45.915	17.035	458 (02/3/21)	45.499	16.619	7.629			7.629	1.380	6.249	-	1
10	- Xử lý khẩn cấp đê kè Kiên Chính và hệ thống mô kè giữ bãi đoạn từ K10+460 đến K11+562, thuộc tuyến đê biển huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1088 (29/5/09); 426 (16/3/11) 1196 (1/7/14) 698 (22/4/15)	288.672	52.492	2332 (19/12/13) 980 (22/4/20)	216.457	76.989	36.417			36.417	2.740	33.677	-	1
11	- Nâng cấp khẩn cấp một số đoạn đê kè xung yếu thuộc tuyến đê biển tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1088 (29/5/09); 426 (16/3/11) 1196 (1/7/14) 698 (22/4/15)	618.840	319.840	3089 (29/12/17)	527.547	229.697	2.157			2.157	-	2.157	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HDND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
12	- Xử lý cấp bách các công trình đê điều của tỉnh Nam Định bị sự cố do ảnh hưởng của bão, lũ năm 2017	Sở NN&PTNT	1051 (21/5/19) 1457 (15/7/19) 169	239.900	39.900	2610 (03/12/21)	218.404	18.404	39.600		21.496	18.104	13.864	4.240	-	1
a.3	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn			85.743	36.200	-	78.779	29.236	24.912	-	-	24.912	6.700	11.350	6.862	2
1	- Củng cố, nâng cấp kênh C19 thuộc hệ thống thủy nông Vụ Bản	UBND huyện Vụ Bản	833 (22/4/19)	14.998	13.998	2038 (22/9/21)	14.712	13.712	13.712			13.712	6.400	5.900	1.412	1
2	- Kiên cố hóa kênh tưới Chính Nam Hữu Bị, thuộc hệ thống thủy nông Mỹ Thành huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định	Công ty TNHH MTV KTCCTL Mỹ Thành	252 (22/1/09) 2043 (22/9/09) 3293 (30/12/09) 1332 (8/7/10)	70.745	22.202	3037 (10/12/07) 340 (08/02/21) 2056 (23/9/21)	64.067	15.524	11.200			11.200	300	5.450	5.450	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			430.496	102.044	-	151.647	21.977	85.779	-	62	85.717	21.910	14.353	49.454	4
1	- Chuyển đổi diện tích trồng lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản xã Yên Nhân, huyện Ý Yên (Quyết toán hạng mục)	UBND xã Yên Nhân	864 (04/5/09) 2112 (28/11/11) 1962 (30/10/14)	11.004	6.451	1324/QĐ-STC (14/10/11)	3.746	100	2.821			2.821	560	1.100	1.161	1
2	- Dự án tu bổ đê điều thường xuyên năm 2014 tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	5416/QĐ-BNN-TCTL (18/12/14)	31.596	11.597				6.557			6.557	1.510	1.700	3.347	1
3	- Củng cố, xử lý trọng điểm đê tả Đáy huyện Ý Yên (Quyết toán hạng mục)	UBND huyện Ý Yên	2926 (28/11/07) 441 (27/2/09) 1042 (22/5/09) 2332 (14/10/09) 1559A (15/9/11)	227.896	58.996	547 (27/7/18) 2359 (26/10/18)	76.024		56.626			56.626	300	11.380	44.946	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
4	- Xử lý khẩn cấp đê, kè Quy Phú tương ứng K177+900 đến K180+050 đê hữu Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định (Quyết toán hạng mục)	Sở NN&PTNT	2747 (29/11/17) 2269 (14/9/20) 2795 (20/12/21)	160.000	25.000	1668 (10/7/20)	71.877	21.877	19.775		62	19.713	19.540	173	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp			214.854	134.854	-	98.798	18.798	114.759	-	-	114.759	9.100	5.300	100.359	1
1	- Xây dựng khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão cửa Ninh Cơ, huyện Nghĩa Hưng (Quyết toán hạng mục)	Sở NN&PTNT	736 (6/4/10) 764 (07/5/15) 631/UBND- VP5 (27/8/18)	214.854	134.854	1208 (02/6/17)	98.798	18.798	114.759			114.759	9.100	5.300	100.359	1
IV	GIAO THÔNG			2.105.044	1.344.937	-	1.670.652	1.171.773	487.031	16.612	24.744	478.899	202.094	167.720	109.085	33
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			1.567.556	992.545	-	1.481.146	982.267	348.970	2	24.744	324.228	162.646	151.306	10.276	26
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			1.274.104	718.090	-	1.218.371	735.194	247.414	2	-	247.416	147.830	99.586	-	16
1	- Hoàn ứng Dự án Xây dựng tuyến đường bộ mới nối QL10 với QL21 và cầu Tân Phong vượt sông Đào - QL21B (phía Đông Nam TPND), tỉnh Nam Định	Sở GTVT	1330 (9/7/15) 1977 (5/10/15) 2569 (02/12/15)						6.110			6.110	6.110	-	-	1
2	- Hoàn ứng Dự án Nâng cấp, cải tạo tỉnh lộ 486B (đường 56 cũ)	Sở GTVT	1855 (23/11/12) 498 (9/4/13) 1863 (8/11/13)	-					25.456			25.456	25.456	-	-	1
3	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải, huyện Trực Ninh (đoạn từ cổng chợ Sở đến Tỉnh lộ 488B và tuyến nhánh)	UBND huyện Trực Ninh	1676 (09/8/18)	9.988	9.988	181/QĐ-STC (29/11/19)	9.670	9.670	6.120			6.120	6.120	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
4	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Vĩnh Tứ đến nhà văn hóa thôn An Sòng xã Yên Tân, huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	1949 (07/9/18)	9.995	9.995	150/QĐ-STC (12/11/19)	9.742	9.742	6.222			6.222	6.222	-	-	1
5	- Cải tạo, nâng cấp đường Xuân Thủy - Nam Điền, huyện Xuân Trường (đoạn từ Km0+000 đến Km2+600)	UBND Huyện Xuân Trường	1862 (31/8/18)	10.764	3.229	2258 (14/10/19)	10.158	2.623	1.479			1.479	1.479	-	-	1
6	- Cải tạo, nâng cấp đường phòng chống lụt bão xã Bạch Long, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	957 (20/4/20)	12.995	6.498	2392 (04/11/21)	12.698	6.350	300			300	300	-	-	1
7	- Cải tạo, nâng cấp đường Văn Nam, huyện Hải Hậu	UBND huyện Hải hậu	1263 (08/6/17) 515 (14/3/18)	13.735	13.735	1075 (24/5/19)	12.785	12.785	6.195			6.195	6.195	-	-	1
8	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải, huyện Trực Ninh (đoạn từ cầu Gai đến chợ Giá)	UBND huyện Trực Ninh	2323 (16/10/17) 2047 (19/9/18)	14.900	14.900	2257 (14/10/19)	14.751	14.751	8.001			8.001	8.001	-	-	1
9	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Liên Bảo, huyện Vụ Bản	UBND huyện Vụ Bản	667 (29/3/18) 2761 (06/12/18)	14.995	14.995	2563 (18/11/19)	14.868	14.868	9.718			9.718	9.718	-	-	1
10	- Xây dựng hạ tầng 02 khu tái định cư xã Nam Mỹ, huyện Nam Trực phục vụ công tác GPMB dự án xây dựng tuyến đường bộ mới nối QL10 với QL21 và cầu Tân Phong vượt sông Đào - QL21B (phía đông Nam Tp Nam Định), tỉnh Nam Định	UBND huyện Nam Trực	2149 (23/10/15) 2476 (20/11/15) 1328 (27/6/16)	17.134	10.500	2886 (20/12/19)	15.919	15.919	11.699			11.699	4.529	7.170	-	1
11	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trung Đông - Trục Tuấn, huyện Trực Ninh	UBND huyện Trực Ninh	1981 (31/10/14) 1150 (05/6/18)	42.632	42.632	2562 (18/11/19)	37.590	37.590	22.011			22.011	22.011	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
12	- Cải tạo, nâng cấp đường Trung Hòa, huyện Hải Hậu - Giai đoạn II	UBND huyện Hải Hậu	2371 (10/11/10) 208 (01/2/16) 1795 (23/8/18) 2368 (26/10/18)	50.963	50.963	987 (14/5/19)	50.963	50.963	21.992			21.992	21.992	-	-	1
13	- Cải tạo, nâng cấp đường Vàng, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	758 (17/4/09) 165 (21/01/14) 208 (26/01/18)	139.719	730	1514 (20/7/18)	139.166	20.008	17.078			17.078	17.078	-	-	1
14	- Mở rộng, nâng cấp tỉnh lộ 490C2 (đường 55 cũ) đoạn từ S2 đến Nam Điền (Km3+540 đến Km55+500) và đoạn từ Km40 đến phà Thịnh Long, tỉnh Nam Định	Sở GTVT	2648 (12/12/08) 1066 (27/5/09) 610 (7/5/12) 1202	936.284	539.925	2280 (17/10/18)	890.061	539.925	12.619			12.619	12.619	-	-	1
15	- Hoàn ứng Dự án Xây dựng cầu Thịnh Long thuộc tuyến đường bộ ven biển	Ban Quản lý dự án Thăng Long (Bộ GTVT)	688/QĐ- BGTVT (25/02/15)	-					28.344	1		28.345	-	28.345	-	1
16	- Hoàn ứng Dự án Xây dựng tỉnh lộ 489C đoạn từ nút giao QL21 (cầu Lạc Quân) đến cầu Sa Cao, huyện Xuân Trường	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1115 (27/5/16) 430 (13/02/18) 1577 (27/7/18)	-					64.070	1		64.071	-	64.071	-	1
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2022			251.069	242.572	-	221.901	216.468	77.973	-	23.527	54.446	8.786	45.660	-	7
1	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Nghĩa Thịnh đoạn từ chợ Hải Lạng đến sông Thành Đồng, huyện Nghĩa Hưng	UBND huyện Nghĩa Hưng	1244 (25/5/20)	9.826	9.826	160/QĐ-STC (03/10/21)	9.202	9.202	7.202			7.202	300	6.902	-	1
2	- Xây dựng cầu Gai trên đường Nam Ninh Hải, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	1503 (19/7/18)	13.316	13.316	2380 (23/9/20)	12.557	12.557	9.187			9.187	1.850	7.337	-	1
3	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 37B đến cụm công nghiệp Thịnh Lâm, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	2007 (20/9/19) 1460 (19/6/20)	14.767	14.767	2675 (06/11/20)	13.850	13.850	11.550			11.550	1.750	9.800	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
4	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường cứu hộ và phòng chống lụt bão xã Giao Tiến, xã Giao Tân ra để tả sông Sò, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	2395 (29/10/18) 476 (11/3/19)	14.990	10.493	2350 (22/9/20)	14.777	10.344	7.242			7.242	1.660	5.582	-	1
5	- Cải tạo, nâng cấp đường nối từ Khu công nghiệp Mỹ Trung đến QL38B, huyện Mỹ Lộc	UBND huyện Mỹ Lộc	2336 (24/10/18)	14.992	14.992	2378 (23/9/20)	14.854	14.854	11.954			11.954	2.400	9.554	-	1
6	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đường trục vùng nuôi trồng thủy sản xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Hưng đến tuyến đường trục phát triển nối Vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1989 (13/8/20) 457 (02/3/21)	8.999	8.999	165/QĐ-STC (05/11/21)	8.785	8.785	6.999		214	6.785	300	6.485	-	1
7	- Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 485 (57A cũ) đoạn chợ Huyện - Phú Cầu - Cỏ Đam huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	UBND huyện Ý Yên	2273 (29/10/10) 1018 (24/6/13) 2075 (26/11/13) 2210 (05/10/16)	174.179	170.179	2934 (31/12/21)	147.876	146.876	23.839		23.313	526	526	-	-	1
a.3	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn			42.383	31.883	-	40.874	30.605	23.583	-	1.217	22.366	6.030	6.060	10.276	3
1	- Xây dựng đường kết nối từ QL38B đến đường trục xã Yên Dương, huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	1360 (28/6/19) 739/UBND-VP5 (05/10/21)	12.746	12.746	2000 (31/10/22)	12.298	12.298	9.446		387	9.059	5.430	2.700	929	1
2	- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản	UBND huyện Vụ Bản	1457 (19/6/20)	14.638	11.638	1999 (31/10/22)	14.037	11.037	9.638		601	9.037	300	1.980	6.757	1
3	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Đại lộ Thiên Trường vào UBND xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc	UBND huyện Mỹ Lộc	2972 (27/12/19) 39 (08/01/21)	14.999	7.499	878 (11/5/22)	14.539	7.270	4.499		229	4.270	300	1.380	2.590	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			236.782	51.686	-	-	-	46.128	1.304	-	47.432	23.778	10.163	13.491	3
1	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Chính - Phong huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	1131 (01/6/18) 2910 (19/12/18) 24/NQ- HĐND (23/4/21)	40.500	12.150				10.910			10.910	570	2.400	7.940	1
2	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải, huyện Nam Trực (đoạn từ đường Vàng đến cầu Gai)	UBND huyện Nam Trực	2370 (26/10/18) 248 (28/01/21) 2463 (12/11/21) 2941	75.036	37.518				35.218			35.218	22.404	7.263	5.551	1
3	- Cải tạo, nâng cấp đường Thành - Xá huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	2834 (08/12/16) 1633 (03/8/18) 629 (29/3/19) 1262 (15/7/22)	121.246	2.018					1.304		1.304	804	500	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp			300.706	300.706	-	189.506	189.506	91.933	15.306	-	107.239	15.670	6.251	85.318	4
1	- Cải tạo, nâng cấp đường Tam Thanh - Yên Lương	UBND huyện Vụ Bản	382 (25/02/19) 946 (19/5/22)	39.678	39.678				37.378			37.378	5.300	1.700	30.378	1
2	- Cải tạo, nâng cấp đường đê Ất Hợi, huyện Mỹ Lộc (Đoạn từ đường 63B xã Mỹ Hà đến đê La xã Mỹ Tiến)	UBND huyện Mỹ Lộc	381 (25/02/19) 945 (19/5/22)	41.949	41.949				39.649			39.649	10.370	3.051	26.228	1
3	- Cải tạo, nâng cấp cầu và đường vào trường THPT Lý Tự Trọng, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	2098 (10/11/22)	14.667	14.667				-	14.667		14.667	-	1.000	13.667	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
4	- Cải tạo, nâng cấp đường 57B huyện ý Yên, tỉnh Nam Định (QT khối lượng công việc hoàn thành)	UBND huyện Ý Yên	2691 (31/12/14) 1671 (26/8/15) 1374 (01/7/16) 774 (18/4/17) 68 (12/01/21) 922 (17/5/22)	204.412	204.412	3064 (28/12/18)	189.506	189.506	14.906	639		15.545	-	500	15.045	1
V	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			191.071	171.781	-	143.195	124.539	91.499	-	-	91.499	52.162	31.937	7.400	12
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			148.171	128.881	-	143.195	124.539	63.599	-	-	63.599	32.162	31.437	-	11
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			52.004	52.004	-	50.762	50.762	26.272	-	-	26.272	26.272	-	-	5
1	- Cải tạo, nâng cấp, lắp đặt thiết bị nhà khách UBND tỉnh phục vụ trung tâm hành chính công tỉnh Nam Định	VP UBND tỉnh	1152 (05/6/19)	3.624	3.624	45/QĐ-STC (31/3/20)	3.356	3.356	1.056			1.056	1.056	-	-	1
2	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	1987 (12/8/20)	3.926	3.926	156/QĐ-STC (30/12/20)	3.887	3.887	2.887			2.887	2.887	-	-	1
3	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định	Sở VH TT&DL	2553 (08/11/17) 2190 (05/10/18)	6.999	6.999	63/QĐ-STC (26/6/19)	6.690	6.690	2.590			2.590	2.590	-	-	1
4	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Tư pháp tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	449 (06/3/19)	14.188	14.188	2542 (14/11/19)	13.794	13.794	9.064			9.064	9.064	-	-	1
5	- Xây dựng mới nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh Nam Định	Hội LHPN tỉnh ND	2193 (27/9/17)	23.267	23.267	2543 (14/11/19)	23.035	23.035	10.675			10.675	10.675	-	-	1
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2022			96.167	76.877	-	92.433	73.777	37.327	-	-	37.327	5.890	31.437	-	6
1	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc và các hạng mục phụ trợ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1638 (09/7/20)	6.859	6.859	110/QĐ-STC (07/7/21)	6.707	6.707	4.707			4.707	300	4.407	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
2	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở Huyện ủy và xây dựng nhà khách huyện Nghĩa Hưng	UBND huyện Nghĩa Hưng	2423 (31/10/18)	10.992	7.694	2918 (08/12/20)	10.342	7.240	6.300			6.300	1.020	5.280	-	1
3	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng	UBND huyện Nghĩa Hưng	2422 (31/10/18)	13.402	9.380	2915 (08/12/20)	12.661	8.863	7.723			7.723	1.250	6.473	-	1
4	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Vụ Bản	UBND huyện Vụ Bản	1368 (02/7/18) 2064 (25/9/19)	14.934	10.454	1736 (17/7/20)	14.440	10.108	8.948			8.948	1.810	7.138	-	1
5	- Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa trung tâm huyện, hệ thống hạ tầng kỹ thuật trụ sở Huyện ủy Mỹ Lộc và các hạng mục phụ trợ	UBND huyện Mỹ Lộc	351 (21/02/20)	14.980	7.490	3162 (31/12/20)	14.848	7.424	7.424			7.424	1.140	6.284	-	1
8	- Xây dựng Trụ sở làm việc 5 tầng, các hạng mục phụ trợ Đảng ủy khối doanh nghiệp và Đảng ủy khối cơ quan tỉnh Nam Định	VP Tỉnh ủy	536 (15/3/17) 1197 (21/5/20)	35.000	35.000	2913 (08/12/20)	33.435	33.435	2.225			2.225	370	1.855	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp			42.900	42.900	-	-	-	27.900	-	-	27.900	20.000	500	7.400	1
1	- Xây dựng Trung tâm phục vụ hành chính công - Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1540 (30/6/20) 2812 (21/12/21)	42.900	42.900				27.900			27.900	20.000	500	7.400	1
VI	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			135.169	130.169	-	126.671	121.671	32.929	-	1.384	31.545	9.624	21.921	-	4
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			135.169	130.169	-	126.671	121.671	32.929	-	1.384	31.545	9.624	21.921	-	4
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			80.524	80.524		78.433	78.433	1.613	-	-	1.613	1.613	-	-	1
1	- Xây dựng Nhà điều trị 7 tầng và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện mắt tỉnh Nam Định	BV Mắt	1397 (12/8/14)	80.524	80.524	2423 (31/10/19)	78.433	78.433	1.613			1.613	1.613	-	-	1
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2022			54.645	49.645	-	48.238	43.238	31.316	-	1.384	29.932	8.011	21.921	-	3
1	- Xây dựng nhà kỹ thuật nghiệp vụ và phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Xuân Trường	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1400 (05/7/19)	14.942	9.942	3161 (31/12/20)	14.612	9.612	7.012			7.012	1.110	5.902	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
2	- Xây dựng cơ sở xạ trị - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định	BVĐK tỉnh	1882 (22/10/14) 75/UBND- VP5 (24/01/18) 576/UBND- VP5 (26/9/19)	24.724	24.724	2423 (09/11/21)	18.865	18.865	11.519			11.519	1.700	9.819	-	1
3	- Xây dựng nhà điều trị bệnh nhân khoa Cấp cứu 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Tâm thần tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1776 (22/7/20)	14.979	14.979	2800 (21/12/21)	14.761	14.761	12.785		1.384	11.401	5.201	6.200	-	1
VII	VĂN HÓA			59.953	26.506	-	12.221	3.644	55.660	-	-	55.660	32.235	3.104	20.321	4
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			28.187	940	-	12.221	3.644	2.404	-	-	2.404	300	2.104	-	1
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2022			28.187	940		12.221	3.644	2.404	-	-	2.404	300	2.104	-	1
1	- Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa Đền Gin, xã Nam Dương, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Sở VH TT&DL	1559 (1/10/13)	28.187	940	2291 (17/10/19)	12.221	3.644	2.404			2.404	300	2.104	-	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			-	-	-	-	-	31.335	-	-	31.335	31.335	-	-	1
1	- Dự án Khu văn hóa Trần (bố trí vốn để hoàn ứng)	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	252 (12/10/05)						31.335			31.335	31.335	-	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp			31.766	25.566	-	-	-	21.921	-	-	21.921	600	1.000	20.321	2
1	- Khai quật, thăm dò khảo cổ học thực hiện dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần tại tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2715 (31/12/14)	7.561	7.561				5.361			5.361	300	-	5.061	1
2	- Tu bổ, tôn tạo di tích đền, chùa Kiên Lao - xã Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Sở VH TT&DL	1654 (23/9/14) 327 (15/2/22)	24.205	18.005				16.560			16.560	300	1.000	15.260	1
VIII	THỂ DỤC, THỂ THAO			16.085	16.085	-	15.718	15.718	8.118	-	-	8.118	8.118	-	-	1
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			16.085	16.085	-	15.718	15.718	8.118	-	-	8.118	8.118	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			16.085	16.085		15.718	15.718	8.118	-	-	8.118	8.118	-	-	1
1	- Sửa chữa, cải tạo Sân vận động Thiên Trường	Sở VH TT&DL	750 (11/4/18) 2189 (05/10/18)	16.085	16.085	972 (10/5/19)	15.718	15.718	8.118			8.118	8.118	-	-	1
IX	PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN			32.931	7.880	-	30.197	7.765	6.145	-	-	6.145	2.561	3.584	-	2
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			32.931	7.880	-	30.197	7.765	6.145	-	-	6.145	2.561	3.584	-	2
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			27.932	2.881		25.313	2.881	2.261	-	-	2.261	2.261	-	-	1
1	- Mua sắm nâng cấp trang thiết bị kỹ thuật cho Trung tâm Phát thanh - Truyền hình tỉnh Nam Định	ĐPTTH	2442 (28/10/16) 122 (13/01/17)	27.932	2.881	1471 (16/7/19)	25.313	2.881	2.261			2.261	2.261	-	-	1
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2022			4.999	4.999		4.884	4.884	3.884	-	-	3.884	300	3.584	-	1
1	- Cải tạo, nâng cấp và sửa chữa Trung tâm kỹ thuật Phát thanh và Truyền hình tỉnh Nam Định	ĐPTTH	1926 (04/8/20) 2419 (30/9/20)	4.999	4.999	128/QĐ-STC (11/8/21)	4.884	4.884	3.884			3.884	300	3.584	-	1
X	QUỐC PHÒNG			385.282	385.282	-	94.383	94.383	183.163	-	851	182.312	61.402	63.564	57.346	8
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			96.126	96.126	-	94.383	94.383	67.533	-	851	66.682	36.568	29.564	550	6
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			13.171	13.171		12.922	12.922	6.992	-	-	6.992	6.992	-	-	1
1	- Xây dựng trạm kiểm soát Biên phòng Hà Lan thuộc Đồn Biên phòng Quất Lâm (88), Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	Bộ CHBĐBP tỉnh	1388 (04/7/18) 1011 (16/5/19)	13.171	13.171	2541 (14/11/19)	12.922	12.922	6.992			6.992	6.992	-	-	1
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2022			52.966	52.966	-	51.908	51.908	34.889	-	452	34.437	17.436	17.001	-	3
1	- Xây mới nhà ăn, nhà bếp, khán đài và cải tạo nâng cấp nhà ở Đại đội Trinh sát thuộc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Nam Định	Bộ CHQS tỉnh	834 (22/4/19)	14.990	14.990	2676 (06/11/20)	14.657	14.657	6.486			6.486	1.750	4.736	-	1
2	- Xây mới và cải tạo, nâng cấp các hạng mục công trình thuộc cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nam Định	Bộ CHQS tỉnh	1990 (13/8/20) 2263 (11/9//20) 1142 (31/5/21)	14.998	14.998	2119 (01/10/21)	14.725	14.725	7.725			7.725	300	7.425	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
3	- Xây mới, cải tạo, nâng cấp doanh trại Trung đoàn 180 thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định	Bộ CHQS tỉnh	2422 (31/10/19) 1524 (20/7/21)	22.978	22.978	2937 (31/12/21)	22.526	22.526	20.678		452	20.226	15.386	4.840	-	1
a.3	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn			29.989	29.989	-	29.553	29.553	25.652	-	399	25.253	12.140	12.563	550	2
1	- Cải tạo và xây dựng một số hạng mục Đại đội huấn luyện, cơ động thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	Bộ CHBĐBP tỉnh	2213 (09/10/19)	14.999	14.999	14 (06/01/21)	14.962	14.962	12.662			12.662	2.120	9.992	550	1
2	- Xây mới, cải tạo, nâng cấp doanh trại Kho vũ khí đạn Gôi thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định	Bộ CHQS tỉnh	1357 (10/6/20)	14.990	14.990	882 (11/5/22)	14.591	14.591	12.990		399	12.591	10.020	2.571	-	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			219.691	219.691	-	-	-	51.165	-	-	51.165	9.834	4.000	37.331	1
1	- Cải tạo, nâng cấp khẩn cấp tuyến đường phòng chống lụt bão, đảm bảo an ninh quốc phòng từ QL38B đến đường Chợ Lồi - Đại Thắng đi đê hữu Đào tỉnh Nam Định	UBND huyện Vụ Bản	1768A (7/10/14) 1197 (01/6/17)	219.691	219.691				51.165			51.165	9.834	4.000	37.331	1
c	Các công trình chuyển tiếp			69.465	69.465	-	-	-	64.465	-	-	64.465	15.000	30.000	19.465	1
1	- Công trình quốc phòng (Mật danh: STN-ND-20)	Bộ CHQS tỉnh	76 (13/7/20)	69.465	69.465				64.465			64.465	15.000	30.000	19.465	1
XI	AN NINH TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI			144.259	144.259	-	90.754	90.754	98.263	6.415	271	104.407	40.532	16.026	47.849	6
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			94.259	94.259	-	90.754	90.754	55.363	1.315	271	56.407	30.232	15.106	11.069	5
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			17.455	17.455		15.231	15.231	10.526	1.315	-	11.841	11.841	-	-	2

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
1	- Xây dựng các hạng mục phụ trợ của Trung tâm chỉ huy, cơ sở làm việc khối an ninh và trực thuộc Công an tỉnh Nam Định	Công an tỉnh	2676 (29/11/18)	13.999	13.999	2990 (30/12/19)	13.616	13.616	10.526			10.526	10.526	-	-	1
2	- Xây dựng Đồn Công an khu công nghiệp Hòa Xá (Giai đoạn II)	Công an tỉnh	1641 (27/9/11)	3.456	3.456	177/QĐ-STC (10/12/21)	1.615	1.615		1.315		1.315	1.315	-	-	1
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2022			56.814	56.814		55.804	55.804	28.647	-	-	28.647	17.291	11.356	-	2
1	- Bổ sung khối lượng nhà làm việc 10 tầng, hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị nội thất - Trung tâm chỉ huy, cơ sở làm việc khối An ninh và trực thuộc Công an tỉnh Nam Định	Công an tỉnh	2821 (23/12/15)	11.873	11.873	2114 (01/10/21)	11.621	11.621	621			621	-	621	-	1
2	- Nhà làm việc phòng chống phân động - khủng bố, Nhà làm việc phòng an ninh chính trị nội bộ, Nhà huấn luyện võ thuật quân sự và sân điều lệnh - thể thao Công an tỉnh Nam Định	Công an tỉnh	2466 (31/10/16) 2415 (30/9/20) 3032 (21/12/20)	44.941	44.941	2415 (31/10/19) 2118 (01/10/21)	44.183	44.183	28.026			28.026	17.291	10.735	-	1
a.3	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn			19.990	19.990		19.719	19.719	16.190	-	271	15.919	1.100	3.750	11.069	1
1	- Xây dựng trung tâm cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại khu vực huyện Nghĩa Hưng	Công an tỉnh	2483 (05/11/18) 2009 (17/9/21)	19.990	19.990	2805 (21/12/21)	19.719	19.719	16.190		271	15.919	1.100	3.750	11.069	1
c	Các công trình chuyển tiếp			50.000	50.000	-	-	-	42.900	5.100	-	48.000	10.300	920	36.780	1
1	- Xây dựng Nhà làm việc phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, hình sự, văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra và các hạng mục phụ trợ thuộc Công an tỉnh Nam Định	Công an tỉnh	1978 (11/8/20) 5528/TTr-CAT (22/11/22)	50.000	50.000				42.900	5.100		48.000	10.300	920	36.780	1
XII	MÔI TRƯỜNG			19.732	14.732	-	19.069	14.069	7.745	-	5.276	2.469	620	1.849	-	2
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			19.732	14.732	-	19.069	14.069	7.745	-	5.276	2.469	620	1.849	-	2

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2022			19.732	14.732	-	19.069	14.069	7.745	-	5.276	2.469	620	1.849	-	2
1	- Xây dựng tường rào tại xã Mỹ Thành thuộc dự án mở rộng khu xử lý rác thải thành phố Nam Định	Sở TNMT	2158 (03/10/18) 1609 (06/7/20)	8.400	8.400	126/QĐ-STC (10/8/21)	8.013	8.013	1.413			1.413	320	1.093	-	1
2	- Xây dựng các hạng mục xử lý môi trường làng nghề Bình Yên, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực (Giai đoạn I)	UBND huyện Nam Trực	2436 (02/10/20)	11.332	6.332	772 (25/4/22)	11.056	6.056	6.332	-	5.276	1.056	300	756	-	1
XIII	DU LỊCH			75.135	26.048	-	74.416	25.688	24.746	-	823	23.923	8.548	2.440	12.935	2
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			75.135	26.048	-	74.416	25.688	24.746	-	823	23.923	8.548	2.440	12.935	2
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			40.140	8.550		40.140	8.550	7.248	-	463	6.785	6.785	-	-	1
1	- Cải tạo, nâng cấp đường du lịch Thịnh Long, huyện Hải Hậu (đoạn nối từ QL21 đến đường trục chính khu du lịch) - GDI	UBND thị trấn Thịnh Long	1933 (28/10/14) 46 (07/01/20)	40.140	8.550	2204 (09/10/19)	40.140	8.550	7.248		463	6.785	6.785	-	-	1
a.3	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn			34.995	17.498		34.276	17.138	17.498	-	360	17.138	1.763	2.440	12.935	1
1	- Cải tạo, nâng cấp đường du lịch Thịnh Long, huyện Hải Hậu (đoạn nối từ QL21 đến đường trục chính khu du lịch) - GDII	UBND thị trấn Thịnh Long	1933 (28/10/14) 46 (07/01/20) 907 (13/5/22) 1631 (30/8/22)	34.995	17.498	1973 (28/10/22)	34.276	17.138	17.498		360	17.138	1.763	2.440	12.935	1
D.2	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025			8.896.898	8.581.332	-	155.770	140.908	5.039.799	3.487.140	349.933	8.177.006	89.981	216.407	7.870.618	91
D.2.1	CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM			7.015.837	7.015.837	-	-	-	4.400.000	1.995.000	200.000	6.195.000	-	80.000	6.115.000	3
I	GIAO THÔNG			5.995.000	5.995.000	-	-	-	4.000.000	1.995.000	-	5.995.000	-	80.000	5.915.000	1
c	Các công trình chuyển tiếp			5.995.000	5.995.000	-	-	-	4.000.000	1.995.000	-	5.995.000	-	80.000	5.915.000	1
1	- Xây dựng tuyến đường bộ mới Nam Định -Lạc Quan -Đường bộ ven biển	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1283 (19/7/22)	5.995.000	5.995.000				4.000.000	1.995.000		5.995.000	-	80.000	5.915.000	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
II	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			770.837	770.837	-	-	-	300.000	-	200.000	100.000	-	-	100.000	1
d	Các công trình dự kiến khởi công mới			770.837	770.837	-	-	-	300.000	-	200.000	100.000	-	-	100.000	1
1	- Xây dựng mới Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong, tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	TB95 (28/5/20)	770.837	770.837				300.000		200.000	100.000	-	-	100.000	1
III	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN			250.000	250.000	-	-	-	100.000	-	-	100.000	-	-	100.000	1
d	Các công trình dự kiến khởi công mới			250.000	250.000	-	-	-	100.000	-	-	100.000	-	-	100.000	1
1	- Các dự án chuyển đổi số thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Tỉnh ủy			250.000	250.000				100.000			100.000	-	-	100.000	1
D.2.2	ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA			55.119	55.119	-	-	-	200.000	-	144.881	55.119	-	20.000	35.119	1
c	Các công trình chuyển tiếp			55.119	55.119	-	-	-	200.000		144.881	55.119	-	20.000	35.119	1
1	- Xây dựng cầu Ninh Cường vượt sông Ninh Cơ trên Quốc lộ 37B (Dự án do Bộ GTVT làm chủ đầu tư, tỉnh Nam Định đối ứng phần GPMB)		787/UBND- VP5 (21/10/21); 22/QĐ-TTg (07/01/22)	55.119	55.119				-	55.119		55.119	-	20.000	35.119	1
D.2.3	CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CÒN LẠI			1.825.942	1.510.376	-	155.770	140.908	439.799	1.492.140	5.052	1.926.887	89.981	116.407	1.720.499	87
I	QUY HOẠCH			8.579	8.579	-	-	-	4.000	-	-	4.000	4.000	-	-	2
c	Các công trình chuyển tiếp			8.579	8.579	-	-	-	4.000	-	-	4.000	4.000	-	-	2
1	- Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Hải Hậu - Giao Thủy đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070	Sở Xây dựng	936 (29/4/21)	4.152	4.152				2.000			2.000	2.000	-	-	1
2	- Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Nghĩa Hưng - Ý Yên đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070	Sở Xây dựng	937 (29/4/21)	4.427	4.427				2.000			2.000	2.000	-	-	1
II	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			93.342	93.342	-	4.869	4.869	19.987	73.355	126	93.216	12.000	11.150	70.066	6

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			4.995	4.995	-	4.869	4.869	4.995	-	126	4.869	4.000	500	369	1
a.3	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn			4.995	4.995		4.869	4.869	4.995	-	126	4.869	4.000	500	369	1
1	- Cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ Trường Chính trị Trường Chính tỉnh Nam Định	Trường Chính trị Trường Chính	1205 (09/6/21)	4.995	4.995	125/QĐ-STC (08/11/22)	4.869	4.869	4.995		126	4.869	4.000	500	369	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			14.992	14.992	-	-	-	14.992	-	-	14.992	8.000	650	6.342	1
1	- Xây dựng mới nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và các công trình phụ trợ Trường THPT Tổng Văn Trăn, huyện Ý Yên	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	796 (14/4/21)	14.992	14.992				14.992			14.992	8.000	650	6.342	1
c	Các công trình chuyển tiếp			73.355	73.355	-	-	-	-	73.355	-	73.355	-	10.000	63.355	4
1	- Lắp đặt bổ sung hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động tại Cụm nhà ở sinh viên tập trung thành phố Nam Định	Sở Xây dựng	1453 (08/7/21)	3.458	3.458					3.458		3.458	-	2.000	1.458	1
2	- Xây dựng nhà đa năng, nhà lớp học 3 tầng 12 phòng, cải tạo sửa chữa các công trình phụ trợ Trường THPT Ngô Quyền, TP Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2798 (21/12/21)	14.998	14.998					14.998		14.998	-	2.000	12.998	1
3	- Xây dựng, cải tạo nhà hiệu bộ, nhà lớp học và một số hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Khuyến, thành phố Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1228 (07/7/22)	14.999	14.999					14.999		14.999	-	5.000	9.999	1
4	- Xây dựng nhà 4 tầng gồm 33 phòng học và các phòng chức năng, xây dựng một số hạng mục phụ trợ Trường THPT Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1282 (19/7/22)	39.900	39.900					39.900		39.900	-	1.000	38.900	1
III	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP. THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN			275.703	265.213	-	85.849	85.849	109.736	142.477	4.213	248.000	42.482	54.800	150.718	20
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			86.987	86.987	-	85.849	85.849	78.987	-	4.213	74.774	30.482	6.800	37.492	6
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2022			14.999	14.999	-	14.982	14.982	14.999	-	17	14.982	11.482	3.500	-	1
1	- Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu và các công trình trên tuyến sông Dầm thuộc hệ thống thủy nông Hải Hậu	UBND TT Ninh Cường	684 (01/4/21)	14.999	14.999	2901 (29/12/21)	14.982	14.982	14.999		17	14.982	11.482	3.500	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
a.3	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn			71.988	71.988	-	70.867	70.867	63.988	-	4.196	59.792	19.000	3.300	37.492	5
1	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đê, kè tả sông Sò đoạn từ K12+724 (khu neo đậu tàu thuyền Hà Lạn) đến K13+884 (K31+161 đê biển) huyện Giao Thủy	Sở NN&PTNT	902 (27/4/21)	12.000	12.000	2903 (29/12/21)	11.942	11.942	12.000		58	11.942	3.000	1.300	7.642	1
2	- Nạo vét, nâng cấp kênh Rộc (đoạn từ cầu Cao đến chợ Trâu) thuộc hệ thống thủy nông Hải Hậu	Công ty TNHH 1TV KTCCTL Hải Hậu	2173 (08/10/21)	14.993	14.993	1986 (31/10/22)	14.509	14.509	9.993		484	9.509	-	500	9.009	1
3	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh CB20, kênh R24-4 và kiên cố hóa bờ hữu kênh CT25 thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	2209 (13/10/21)	14.998	14.998	1988 (31/10/22)	14.831	14.831	11.998		167	11.831	-	500	11.331	1
4	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Sa Lung và kênh R7 thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	2160 (06/10/21)	14.998	14.998	1987 (31/10/22)	14.740	14.740	14.998		258	14.740	5.000	500	9.240	1
5	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Ninh Hải (đoạn từ cống Ninh Hải 2b đến cống Ninh Hải 1c) thuộc hệ thống thủy nông Nghĩa Hưng	Công ty TNHH 1 TV KTCCTL Nghĩa Hưng	1471 (12/7/21)	14.999	14.999	1991 (31/10/22)	14.845	14.845	14.999		3.229	11.770	11.000	500	270	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			33.744	30.753	-	-	-	25.753	-	-	25.753	10.000	1.500	14.253	3
1	- Xây dựng cống, tường bao Trung tâm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai và một số đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở NN&PTNT	1688 (10/8/21)	3.754	3.754				3.754			3.754	1.000	500	2.254	1
2	- Nâng cấp tuyến đê bồi Yên Phúc huyện Ý Yên	Sở NN&PTNT	1333 (28/6/21)	14.991	12.000				12.000			12.000	9.000	500	2.500	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
3	- Cải tạo, nâng cấp kênh KT2, thuộc hệ thống thủy nông Nghĩa Hưng	Công ty TNHH 1 TV KTCTTL Nghĩa Hưng	2171 (07/10/21)	14.999	14.999				9.999			9.999	-	500	9.499	1
c	Các công trình chuyển tiếp			154.972	147.473	-	-	-	4.996	142.477	-	147.473	2.000	46.500	98.973	11
1	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh An Lá 11B thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	2159 (06/10/21)	4.996	4.996				4.996			4.996	2.000	500	2.496	1
2	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Văn Bé 11 xã Giao Lạc, huyện Giao Thủy (Đoạn từ giáp xã Hồng Thuận đến đê Trung ương)	UBND huyện Giao Thủy	1843 (06/10/22)	14.990	14.990					14.990		14.990	-	4.000	10.990	1
3	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Nguyễn Văn Bé và các tuyến kênh nhánh trên địa bàn xã Bạch Long, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	1327 (27/7/22)	14.998	14.998					14.998		14.998	-	5.000	9.998	1
4	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Thống Nhất và các tuyến kênh nhánh trên địa bàn xã Bạch Long, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	1326 (27/7/22)	14.998	14.998					14.998		14.998	-	5.000	9.998	1
5	- Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Nam Điền 6 và đường trục trong vùng nuôi trồng thủy sản xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng	Sở NN&PTNT	1402 (05/8/22)	14.998	14.998					14.998		14.998	-	5.000	9.998	1
6	- Kiên cố hóa kênh Đồi 35, kênh Giáp Quý, kênh đống B thuộc hệ thống thủy nông Hải Hậu	UBND huyện Hải Hậu	1106 (16/6/22)	14.998	7.499					7.499		7.499	-	5.000	2.499	1
7	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh CB10 và đoạn đầu kênh R24 thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh	Công ty TNHH 1TV KTCTTL Nam Ninh	1692 (12/9/22)	14.998	14.998					14.998		14.998	-	5.000	9.998	1
8	- Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu S35 thuộc hệ thống thủy nông Vụ Bản	Công ty TNHH 1TV KTCTTL Vụ Bản	2659 (09/12/21) 1861 (11/10/22)	14.999	14.999					14.999		14.999	-	2.000	12.999	1
9	- Nạo vét, kiên cố hóa sông Dầm (đoạn từ cống Dầm trên đê tả sông Ninh Cơ đến cống Trục Phú trên QL37) thuộc hệ thống thủy nông Hải Hậu	UBND TT Ninh Cường	788 (26/4/22)	14.999	14.999					14.999		14.999	-	5.000	9.999	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
10	- Cải tạo, nâng cấp kênh Bình Hải I-9a thuộc hệ thống thủy nông Nghĩa Hưng	Công ty TNHH 1 TV KTCTTL Nghĩa Hưng	939 (18/5/22)	14.999	14.999					14.999		14.999	-	5.000	9.999	1
11	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đê bồi Yên Lộc, Yên Phúc, huyện Ý Yên	Sở NN&PTNT	1638 (31/8/22)	14.999	14.999					14.999		14.999	-	5.000	9.999	1
IV	GIAO THÔNG			54.711	47.214	-	-	-	14.779	32.435	-	47.214	5.566	8.620	33.028	4
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			14.779	14.779	-	-	-	14.779	-	-	14.779	5.566	620	8.593	1
1	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường huyện Ý Yên (đoạn từ TL485 đến UBND xã Yên Thọ)	UBND huyện Ý Yên	1156 (03/6/21)	14.779	14.779				14.779			14.779	5.566	620	8.593	1
c	Các công trình chuyển tiếp			39.932	32.435	-	-	-	-	32.435	-	32.435	-	8.000	24.435	3
1	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã Yên Bình, huyện Ý Yên (đoạn từ QL38B đến QL37B)	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1023 (03/6/22)	9.942	9.942					9.942		9.942	-	5.000	4.942	1
2	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Giao Hương, huyện Giao Thủy (đoạn từ đê Hữu Hồng đến ngã ba UBND xã Giao Hương	UBND huyện Giao Thủy	1294 (21/7/22)	14.995	7.498					7.498		7.498	-	-	7.498	1
3	- Xây dựng cầu Bồng Quỳ và cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Bồng Quỳ đến cống Quỳ Độ 2, xã Yên Phong, huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	1608 (25/8/22)	14.995	14.995					14.995		14.995	-	3.000	11.995	1
V	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			110.062	94.977	-	61.592	46.730	34.687	46.250	685	80.252	8.973	21.288	49.991	11
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			62.540	47.455	-	61.592	46.730	33.415	-	685	32.730	8.973	10.000	13.757	6
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2022			29.980	14.895	-	29.622	14.760	14.855	-	95	14.760	5.760	9.000	-	2
1	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở Huyện ủy - Nhà văn hóa huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	776 (06/4/20)	14.990	7.495	1652 (05/8/21)	14.720	7.360	7.360			7.360	760	6.600	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
2	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở HĐND - UBND huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	106 (14/1/21)	14.990	7.400	880 11/5/22)	14.902	7.400	7.495		95	7.400	5.000	2.400	-	1
a.3	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn			32.560	32.560	-	31.970	31.970	18.560	-	590	17.970	3.213	1.000	13.757	4
1	- Cải tạo, nâng cấp mạng internet, wifi và các thiết bị công nghệ thông tin thuộc trụ sở UBND tỉnh Nam Định	VP UBND tỉnh	1658 (06/8/21)	898	898	7/QĐ-STC (25/01/22)	850	850	898		48	850	800	-	50	1
2	- Cải tạo, sửa chữa nhà để xe và xây dựng nhà tiếp nhận, bảo quản quà tặng, hàng viện trợ cho người có công và đối tượng bảo trợ xã hội	Sở Lao động - Thương binh và xã hội	2334 (28/10/21)	1.669	1.669	124/QĐ-STC (08/11/22)	1.662	1.662	1.669		7	1.662	1.413	-	249	1
3	- Cải tạo, nâng cấp khuôn viên trụ sở Tỉnh ủy và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1617 (30/7/21) 609 (28/3/22)	14.995	14.995	2019 (03/11/22)	14.653	14.653	7.995		342	7.653	500	500	6.653	1
4	- Cải tạo, nâng cấp khuôn viên trụ sở HĐND-UBND tỉnh và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1497 (15/7/21)	14.998	14.998	2020 (03/11/22)	14.805	14.805	7.998		193	7.805	500	500	6.805	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	Các công trình chuyển tiếp			47.522	47.522	-	-	-	1.272	46.250	-	47.522	-	11.288	36.234	5
1	- Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục công trình Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	2495 (18/11/21)	1.272	1.272				1.272			1.272	-	1.200	72	1
2	- Xây dựng hệ thống tòa soạn điện tử Báo Nam Định	Báo Nam Định	493 (09/3/22)	1.271	1.271					1.271		1.271	-	1.000	271	1
3	- Xây dựng, cải tạo nâng cấp trụ sở nhà làm việc 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Hội Nông dân tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	152 (18/01/22)	14.990	14.990					14.990		14.990	-	3.088	11.902	1
4	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Công Thương	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	786 (26/4/22)	14.990	14.990					14.990		14.990	-	5.000	9.990	1
5	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1860 (11/10/22)	14.999	14.999					14.999		14.999	-	1.000	13.999	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
VI	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			23.980	21.980	-	-	-	8.986	12.994	-	21.980	2.000	8.500	11.480	2
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			8.986	8.986	-	-	-	8.986	-	-	8.986	2.000	500	6.486	1
1	- Cải tạo Nhà khám bệnh và hành chính, nhà tiếp đón và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện nội tiết tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	307 (05/2/21)	8.986	8.986				8.986			8.986	2.000	500	6.486	1
c	Các công trình chuyển tiếp			14.994	12.994	-	-	-	-	12.994	-	12.994	-	8.000	4.994	1
1	- Triển khai Bệnh án điện tử tại Bệnh viện Nhi tỉnh Nam Định	Bệnh viện Nhi tỉnh Nam Định	1462 (11/8/22)	14.994	12.994					12.994		12.994	-	8.000	4.994	1
VII	THỂ DỤC, THỂ THAO			18.487	18.487	-	3.460	3.460	18.487	-	28	18.459	4.960	1.000	12.499	2
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			3.488	3.488	-	3.460	3.460	3.488	-	28	3.460	2.960	500	-	1
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2022			3.488	3.488		3.460	3.460	3.488	-	28	3.460	2.960	500	-	1
1	- Sửa chữa, cải tạo mặt sân cỏ Sân vận động Thiên Trường phục vụ Seagames 31	Sở VH TT&DL	875 (23/4/21)	3.488	3.488	174/QĐ-STC (06/12/21)	3.460	3.460	3.488		28	3.460	2.960	500	-	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			-	-	-	-	-	-			-	-	-	-	-
c	Các công trình chuyển tiếp			14.999	14.999	-	-	-	14.999	-	-	14.999	2.000	500	12.499	1
1	- Các hạng mục phục vụ Sea games 31	Sở VH TT&DL	1635 (04/8/21)	14.999	14.999				14.999			14.999	2.000	500	12.499	1
VIII	QUỐC PHÒNG			59.993	59.993	-	-	-	99.998	29.995	-	129.993	10.000	9.049	110.944	4
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			29.998	29.998	-	-	-	29.998	-	-	29.998	10.000	1.049	18.949	2
1	- Xây mới, nâng cấp doanh trại Ban Chỉ huy Quân sự huyện Xuân Trường, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nam Định	Bộ CHQS tỉnh	1452 (08/7/21)	14.999	14.999				14.999			14.999	8.000	549	6.450	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
2	- Xây mới, cải tạo, nâng cấp một số hạng mục Đồn Biên phòng Ba Lạt (84) thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	Bộ CHBĐBP tỉnh	1499 (15/7/21)	14.999	14.999				14.999			14.999	2.000	500	12.499	1
c	Các công trình chuyển tiếp			29.995	29.995	-	-	-	-	29.995	-	29.995	-	8.000	21.995	2
1	- Xây mới, cải tạo một số hạng mục doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Nghĩa Hưng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nam Định	Bộ CHQS tỉnh	1715 (15/9/21)	14.997	14.997					14.997		14.997	-	5.000	9.997	1
2	- Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục nhà ở và hạ tầng kỹ thuật thuộc cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định	Bộ CHQS tỉnh	1952 (24/10/22)	14.998	14.998					14.998		14.998	-	3.000	11.998	1
d	Các công trình dự kiến khởi công mới			-	-	-	-	-	70.000	-	-	70.000	-	-	70.000	-
1	- Các công trình đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng, khu vực phòng thủ tỉnh	Bộ CHQS tỉnh							50.000		-	50.000	-	-	50.000	
2	- Các công trình đảm bảo nhiệm vụ biên phòng, khu vực biên giới biển	Bộ CHBĐBP tỉnh							20.000		-	20.000	-	-	20.000	
IX	AN NINH TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI			130.000	102.600	-	-	-	50.000	102.600	-	152.600	-	-	152.600	-
d	Các công trình dự kiến khởi công mới		-	130.000	102.600	-	-	-	50.000	102.600	-	152.600	-	-	152.600	-
1	- Các công trình đảm bảo nhiệm vụ an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội	Công an tỉnh							50.000		-	50.000	-	-	50.000	
2	- Xây dựng 18 trụ sở làm việc công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Nam Định	Công an tỉnh		130.000	102.600				-	102.600		102.600			102.600	
X	MÔI TRƯỜNG			14.284	14.284	-	-	-	-	14.284	-	14.284	-	2.000	12.284	1
c	Các công trình chuyển tiếp			14.284	14.284	-	-	-	-	14.284	-	14.284	-	2.000	12.284	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
1	- Đầu tư , lắp đặt trạm quan trắc tự động môi trường không khí tại thành phố Nam Định	Sở TNMT	2773 (20/12/21)	14.284	14.284					14.284		14.284	-	2.000	12.284	1
XI	CÁC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI ĐANG TRIỂN KHAI THỦ TỤC ĐẦU TƯ		-	1.036.801	783.707	-	-	-	-	783.707	-	783.707	-	-	783.707	35
1	- Nạo vét, kiên cố hóa và nâng cấp bờ kênh Láng 10 xã Xuân Đài	UBND huyện Xuân Trường	2076 (08/11/22)	15.000	15.000				-	15.000		15.000			15.000	1
2	- Xây dựng cầu Giao Nhân trên TL.488, huyện Giao Thủy	Sở Giao thông Vận tải	1062 (08/6/22)	15.000	15.000				-	15.000		15.000			15.000	1
3	- Cải tạo, nâng cấp đường Vạn Phú, huyện Trực Ninh (đoạn từ UBND xã Trực Thắng (cổng Thóp 15A) đến cầu Cuối Sa Thỏ)	UBND huyện Trực Ninh	2033 (04/11/22)	15.000	15.000				-	15.000		15.000			15.000	1
4	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Nam Cường - Hồng Quang, huyện Nam Trực (đoạn từ trạm bơm Đông Chợ, xã Nam Cường đến QL21B)	UBND huyện Nam Trực	1648 (05/9/22)	15.000	15.000				-	15.000		15.000			15.000	1
5	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc và các hạng mục phụ trợ Sở Tài chính tỉnh Nam Định	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1174 (28/6/22)	15.000	15.000				-	15.000		15.000			15.000	1
6	- Xây dựng một số hạng mục Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Hải Thịnh thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	941 (18/5/22) 1813 (03/10/22)	15.000	15.000				-	15.000		15.000			15.000	1
7	- Bố trí kinh phí GPMB để triển khai dự án đầu tư xây dựng Cơ sở làm việc Công an huyện Nam Trực thuộc Công an tỉnh Nam Định từ nguồn ngân sách tỉnh	UBND huyện Nam Trực	267/UBND-VP5 (22/4/22)	6.000	6.000				-	6.000		6.000			6.000	1
8	- KVPT Thành phố Nam Định (Dự án mật)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		15.000	15.000				-	15.000		15.000			15.000	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
9	- KVPT huyện Nam Trực (Dự án mật)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		15.000	15.000				-	15.000		15.000			15.000	1
10	- Xây dựng Trung tâm Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Xuân Trường	Công an tỉnh	20/NQ- HĐND (26/4/22)	25.000	25.000				-	25.000		25.000			25.000	1
11	- Xây dựng hệ thống quản lý và lưu trữ phục vụ việc số hóa thành phần hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính của tỉnh Nam Định	Sở TTTT	1340 (28/7/22)	14.200	14.200				-	14.200		14.200			14.200	1
12	- Xây dựng nhà điều trị 3 tầng, nhà giặt là, khử khuẩn và một số hạng mục phụ trợ bệnh viện Phổi tỉnh Nam Định	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	314 (11/2/22)	14.985	14.985				-	14.985		14.985			14.985	1
13	- Thăm dò, khai quật khảo cổ khu “viên hoa cẩm địa” tại thôn Tiền, xã Tam Thanh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Bảo tàng tỉnh Nam Định	838 (05/5/22)	1.970	1.970				-	1.970		1.970			1.970	1
14	- Nâng cấp, gia cố một số đoạn kè xung yếu trên tuyến đê sông huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Sở Nông nghiệp và PTNT	TB231 (04/10/22)	98.000	98.000				-	98.000		98.000			98.000	1
15	- Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu và sản xuất tại Trung tâm giống cây trồng Nam Định	Trung tâm giống cây trồng tỉnh Nam Định	TB247 (25/10/22)	15.000	15.000				-	15.000		15.000			15.000	1
16	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Hoàng Đan và một số tuyến nhánh thuộc hệ thống thủy nông Ý Yên, tỉnh Nam Định	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Ý Yên	2190 (25/11/22)	15.000	15.000				-	15.000		15.000			15.000	1
17	- Cải tạo, nâng cấp cầu Vọng 1, cầu Vọng 2 trên sông Vọng huyện Giao Thủy để phát triển kinh tế biển tỉnh Nam Định	Sở Giao thông Vận tải	TB182 (03/8/22)	60.000	60.000				-	60.000		60.000			60.000	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
18	- Xây dựng công trình quân sự trong căn cứ hậu phương huyện Hải Hậu (Dự án mật)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		15.000	15.000				-	15.000		15.000			15.000	1
19	- Xây dựng công trình quân sự trong căn cứ chiến đấu huyện Ý Yên (Dự án mật)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		15.000	15.000				-	15.000		15.000			15.000	1
20	- Kiên cố hóa kênh Nam Tân; nạo vét, kiên cố hóa kênh, nâng cấp đường bờ kênh Nam Tân 6, Nam Tân 8, Sa Đê 6, CB19 và một số công trình trên tuyến thuộc hệ thống Thủy nông Nam Ninh, huyện Trực Ninh	UBND huyện Trực Ninh	TB274 (30/11/22)	45.000	45.000				-	45.000		45.000			45.000	1
21	- Xây dựng, cải tạo Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Nam Định	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	TB285 (08/12/22)	15.000	15.000				-	15.000		15.000			15.000	1
22	- Xây dựng khu neo đậu tàu thuyền hải đội 2 thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	1249/BCH- BC (29/7/22)	50.000	50.000				-	50.000		50.000			50.000	1
23	- Xây dựng cổng thông tin điện tử GIS tỉnh Nam Định	Sở Tài nguyên và Môi trường	TB273 (24/11/22)	15.000	15.000				-	15.000		15.000			15.000	1
24	- Cải tạo, nâng cấp đường TL488B, huyện Trực Ninh (đoạn từ QL21 Ngất Kéo xã Liêm Hải đến đê sông Ninh Cơ thị trấn Cát Thành)	UBND huyện Trực Ninh	1420 (09/8/22)	78.646	55.052				-	55.052		55.052			55.052	1
25	- Cải tạo, nâng cấp hệ đường, tường chắn sóng bãi tắm Quất Lâm, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	270 (28/01/22)	15.000	7.500				-	7.500		7.500			7.500	1
26	- Cải tạo, nâng cấp đường Tỉnh Nghĩa, xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy (đoạn từ ngã ba xóm 5 đi xã Giao Hương)	UBND huyện Giao Thủy	1291 (20/7/22)	15.000	7.500				-	7.500		7.500			7.500	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
27	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Giao Hương, huyện Giao Thủy (đoạn từ ngã tư xóm 11 đến cầu xóm 3)	UBND huyện Giao Thủy	1401 (05/8/22)	15.000	7.500				-	7.500		7.500			7.500	1
28	- Cải tạo nâng cấp hệ thống trạm bơm Tân Đệ và các công trình phụ trợ	UBND huyện Mỹ Lộc	TB80 (22/3/22)	30.000	15.000				-	15.000		15.000			15.000	1
29	- Xây dựng hạ tầng khu du lịch Quất Lâm, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	TB257 (07/11/22)	80.000	40.000				-	40.000		40.000			40.000	1
30	- Kè gia cố và nâng cấp đường bờ kênh Sè đoạn từ cống Sè dê tả Ninh Cơ xã Trục Hùng đến cầu sông Sè xã Trục Cường, huyện Trục Ninh	UBND huyện Trục Ninh	196/TTr- UBND (31/10/22)	70.000	35.000				-	35.000		35.000			35.000	1
31	- Cải tạo, nâng cấp đường Liên xã Nam Thanh - Nam Lợi, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	35/TTr- UBND (04/3/22)	57.000	28.500				-	28.500		28.500			28.500	1
32	- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục xã Minh Tân, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	UBND huyện Vụ Bản	275/TB- UBND (30/11/22)	65.000	32.500				-	32.500		32.500			32.500	1
33	- Xây dựng lắp đặt thang máy, mái tôn chống nóng và một số hạng mục phụ trợ thuộc trụ sở làm việc Sở Tư pháp tỉnh Nam Định	Sở Tư pháp tỉnh	1606/STP- VP (22/11/22)	3.000	3.000				-	3.000		3.000			3.000	1
34	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở Tiếp công dân tỉnh Nam Định	VP UBND tỉnh	TB286 (08/12/22)	3.000	3.000					3.000		3.000			3.000	1
35	- Đối ứng dự án Xây dựng mới trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	194- TB/VPTU (25/11/22)	80.000	24.000					24.000		24.000			24.000	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
XII	CÁC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI VÀ CÁC KHOẢN HỖ TRỢ KHÁC PHỤC VỤ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH TRONG CÁC NĂM 2023-2025								79.139	254.043		333.182			333.182	
1	- Bổ trí vốn cho Chương trình hỗ trợ phát triển khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 theo khả năng cân đối											-	-	-	-	
2	- Đối ứng các dự án ODA đang triển khai thủ tục đầu tư											-	-	-	-	
	-Tăng cường cung cấp Dịch vụ chăm sóc người cao tuổi và người yếu thế chất lượng cao tỉnh Nam Định vay vốn của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB)															
	- Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi vùng Đồng bằng sông Hồng theo hướng quản lý nước hiệu quả phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nông thôn” (KEXIM2)															
	- Nâng cấp hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định thích ứng biến đổi khí hậu sử dụng vốn vay của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB)															
3	- Các công trình khởi công mới và các khoản hỗ trợ khác phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong các năm 2023-2025											-	-	-	-	
												-	-	-	-	
E	CÁC DỰ ÁN THUỘC DANH MỤC NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG			18.670.956	9.566.625	-	2.681.149	1.382.829	4.585.872	867.228	249.098	5.204.002	1.605.516	812.836	2.785.650	43
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			2.338.788	1.025.401	-	1.872.260	1.065.346	201.273	365	-	201.638	161.740	39.898	-	10
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021			1.632.083	580.506	-	1.511.010	951.790	129.410	-	-	129.410	129.410	-	-	6
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022			706.705	444.895	-	361.250	113.556	71.863	365	-	72.228	32.330	39.898	-	4
				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			725.865	588.437	-	182.188	165.178	127.512	26.401	990	152.923	110.798	15.470	26.655	5
c	Các công trình chuyển tiếp			13.450.143	7.411.135	-	626.701	152.305	4.248.087	307.810	248.108	4.307.789	1.332.978	757.468	2.217.343	20

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
d	Các công trình dự kiến khởi công mới			2.156.160	541.652	-	-	-	9.000	532.652	-	541.652	-	-	541.652	8
	Chi tiết như sau:			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
E.1	CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025			16.514.796	9.024.973	-	2.681.149	1.382.829	4.576.872	334.576	249.098	4.662.350	1.605.516	812.836	2.243.998	35
E.1.1	CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM			8.715.799	4.311.899	-	-	-	3.085.759	208.035	181.812	3.111.982	908.819	696.943	1.506.220	3
I	GIAO THÔNG			7.981.770	3.966.770	-	-	-	2.953.269	145.696	181.812	2.917.153	856.329	696.943	1.363.881	2
c	Các công trình chuyển tiếp			7.981.770	3.966.770	-	-	-	2.953.269	145.696	181.812	2.917.153	856.329	696.943	1.363.881	2
1	- Xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đoạn qua tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	132/QĐ-TTg (17/01/20) 1135 (15/5/20) 457 (02/3/21) 2590 (01/12/21) 1934 (19/10/22)	2.655.270	1.340.270				1.012.574	145.696		1.158.270	172.075	40.500	945.695	1
2	- Xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1710 (31/7/17) 1410 (08/7/19) 1589/QĐ-TTg (15/10/20) 2806 (25/11/20) 457 (02/3/21) 2589 (01/12/21)	5.326.500	2.626.500	-	-	-	1.940.695	-	181.812	1.758.883	684.254	656.443	418.186	1
II	VĂN HÓA			734.029	345.129	-	-	-	132.490	62.339	-	194.829	52.490	-	142.339	1
c	Các công trình chuyển tiếp			734.029	345.129	-	-	-	132.490	62.339	-	194.829	52.490	-	142.339	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: NS tỉnh	KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		Còn lại giai đoạn 2023- 2025
1	- Đầu tư xây dựng khu Trung tâm lễ hội thuộc khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần tại tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2448 (30/10/17) 2547 (15/11/19) 2681 (09/11/20) 2111 (30/9/21) 2012 (01/11/22)	734.029	345.129				132.490	62.339		194.829	52.490	-	142.339	1
E.1.2	CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CÒN LẠI			7.798.997	4.713.074	-	2.681.149	1.382.829	1.491.113	126.541	67.286	1.550.368	696.697	115.893	737.778	32
I	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			204.578	149.736	-	16.643	2.168	5.254	-	-	5.254	2.168	-	3.086	2
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			32.032	-	-	16.643	2.168	1.868	-	-	1.868	1.868	-	-	1
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021			32.032	-		16.643	2.168	1.868	-	-	1.868	1.868	-	-	1
1	- Xây dựng Trung Tâm dạy nghề kiểu mẫu huyện Hải Hậu	UBND huyện Hải Hậu	2331 (03/11/10) 1633 (26/9/11)	32.032		2927 (21/12/18)	16.643	2.168	1.868			1.868	1.868	-	-	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			172.546	149.736	-	-	-	3.386	-	-	3.386	300	-	3.086	1
1	- Xây dựng Trường Trung cấp nghề Thủ công Mỹ nghệ truyền thống Nam Định	Trường CD kinh tế và công nghệ Nam Định	2563 (28/10/09) 1773 (30/8/10)	172.546	149.736				3.386			3.386	300	-	3.086	1
II	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP. THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN			4.279.307	2.665.979	-	1.087.171	387.796	639.422	81.631	42.080	678.973	245.385	70.764	362.824	17
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			742.061	433.661	-	460.470	235.491	94.020	365	-	94.385	70.369	24.016	-	4
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021			268.087	84.387	-	265.462	151.067	38.639	-	-	38.639	38.639	-	-	2
1	- Nạo vét, kiên cố kênh Thanh Quan, thuộc hệ thống thủy nông Xuân Thủy, huyện Xuân Trường	UBND huyện Xuân Trường	144 (19/01/16) 944 (09/5/16) 2137 (19/9/17)	115.092	15.092	2406 (30/10/18)	113.703	60.708	14.700			14.700	14.700	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
2	- Nạo vét, kiên cố kênh Cát Xuyên (tuyến chính), thuộc hệ thống thủy nông Xuân Thủy, huyện Xuân Trường	UBND huyện Xuân Trường	145 (19/01/16) 171 (21/01/19) 1504 (22/7/19)	152.995	69.295	2383 (25/10/19)	151.759	90.359	23.939			23.939	23.939	-	-	1
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022			473.974	349.274		195.008	84.424	55.381	365	-	55.746	31.730	24.016	-	2
1	- Nâng cấp, cải tạo trung tâm giống thủy sản tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1861 (17/10/14) 2081 (25/9/18)	82.539	10.739	2818 (26/11/20)	80.128	22.444	14.066			14.066	300	13.766	-	1
2	- Củng cố, nâng cấp các đoạn đê, kè xung yếu thuộc tuyến đê biển tỉnh	Sở NN&PTNT	1681 (18/10/13) 57/UBND- VP3 (22/01/18)	391.435	338.535	2902 (29/12/21)	114.880	61.980	41.315	365		41.680	31.430	10.250	-	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			172.950	104.497	-	-	-	44.197	-	-	44.197	29.000	6.110	9.087	1
1	- Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão kết hợp bến cá cửa Hà Lạn, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1621 (24/10/12) 2679 (21/11/17) 2603 (21/11/19) 2937 (25/12/19) 96 (10/01/20) 472 (04/3/21) 525/UBND- VP3 (20/7/22)	172.950	104.497				44.197			44.197	29.000	6.110	9.087	1
c	Các công trình chuyển tiếp			3.364.296	2.127.821	-	626.701	152.305	501.205	81.266	42.080	540.391	146.016	40.638	353.737	12

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
1	- Cải tạo, nâng cấp đê hữu sông Đào, huyện Vụ Bản (Quyết toán hạng mục)	Sở NN&PTNT	2393 (11/11/10); 1765 (19/10/11); 2433 (19/12/14); 230 (3/2/20); 1296 (29/5/20); 1348 (9/6/20)	150.799	38.579	1877 (21/10/14) 797 (28/4/22)	129.093	16.873	30.429			30.429	300	2.060	28.069	1
2	- Cải tạo, nâng cấp một số đoạn đê xung yếu trên tuyến đê sông tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	574 (12/3/21)	169.900	49.900				49.900			49.900	-	1.722	48.178	1
3	- Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ và phòng chống lụt bão tuyến đê biển tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1618 (24/10/12); 656 (02/5/13); 1034A (27/6/13) 985 (07/5/21)	254.943	193.213				300			300	300	-	-	1
4	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả sông Đáy, huyện Nghĩa Hưng (Dự án quyết toán hạng mục)	Sở NN&PTNT	254 (18/02/11) 1341 (11/8/11) 79 (20/01/15)	950.290	679.895	2869 (14/12/18)	364.651	94.256	28.956			28.956	28.956	-	-	1
5	- Cải tạo, nâng cấp khẩn cấp tuyến đê tả sông Đào (từ K18+656 đến K30+073) huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1335 (12/8/13) 347 (04/3/14) 2515 (12/11/19) 983 (07/5/21) 518/UBND- VP3 (15/7/22)	128.200	63.294				45.043	17.951		62.994	20.300	1.650	41.044	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
6	- Đầu tư củng cố, nâng cấp khẩn cấp tuyến đê hữu Hồng đoạn từ K156+621 đến K163+610, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1488 (16/9/13) 540 (25/3/14) 984 (07/5/21) 517/UBND-VP3 (15/7/22)	69.500	13.220				9.836	3.244		13.080	5.300	500	7.280	1
7	- Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đê, kè, cống đê Hữu sông Hồng và đê tả Đào huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1959 (01/10/10); '1689A (11/10/11); 1702 (21/10/13) 2373 (16/12/14) 1661 (11/8/16) 982 (07/5/21) 516/UBND-VP3 (15/7/22)	160.000	84.567				74.726	9.541		84.267	35.300	3.300	45.667	1
8	- Nâng cấp hệ thống công trình phòng chống lụt bão đê hữu sông Hồng và đê tả sông Đào, TP Nam Định (Quyết toán hạng mục)	Sở NN&PTNT	1644 (27/9/11) 1393 (15/6/20) 950 (20/5/22)	996.345	825.312	2963 (27/12/19) 2964 (27/12/19)	68.482	16.949	103.111	34.641		137.752	13.370	17.146	107.236	1
9	- Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đê thuộc hệ thống thủy nông Vụ Bản, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Công ty TNHH 1TV KTCCTL Vụ Bản	2294 (29/10/10) 1624 (25/10/12) 1038 (20/5/19) 2514 (12/11/19) 806 (15/4/21) 1691 (10/8/21) 1134 (21/6/22)	106.205	40.955				3.290	13.277		16.567	3.290	5.000	8.277	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
10	- Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định (Quyết toán hạng mục)	UBND huyện Nghĩa Hưng	2461 (31/10/16) 2551 (18/11/19) 779 (12/4/21) 2151 (06/10/21) 928 (17/5/22)	109.700	33.772	2333 (28/10/21)	37.528	11.600	19.860	2.612		22.472	300	-	22.172	1
11	- Đầu tư Xây dựng cảng cá Quần Vinh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	222/HĐND- TT (30/10/15) 2437 (28/10/16) 2602 (21/11/19) 1677 (09/8/21) 54/NQ- HĐND (26/4/22)	200.000	51.020				90.960	-	41.240	49.720	30.300	-	19.420	1
12	- Nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Bạch Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định (Dự án quyết toán hạng mục)	UBND xã Bạch Long	2462 (31/10/16) 2550 (18/11/19) 1017 (12/5/21)	68.414	54.094	2623 (29/10/20)	26.947	12.627	44.794		840	43.954	8.300	9.260	26.394	1
III	GIAO THÔNG			2.868.831	1.656.638	-	1.306.485	891.135	773.752	44.910	24.216	794.446	433.446	22.887	338.113	7
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			1.286.957	475.112	-	1.185.203	769.853	88.603	-	-	88.603	88.603	-	-	2
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021			1.286.957	475.112	-	1.185.203	769.853	88.603	-	-	88.603	88.603	-	-	2

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
1	- Cải tạo, nâng cấp đường 487 tìm kiếm cứu hộ cứu nạn đảm bảo an ninh quốc phòng tỉnh Nam Định	Sở GTVT	2004 (31/10/14) 1835 (14/8/17) 2964 (21/12/17) 112 (08/02/18) 2301 (18/10/18)	494.930	89.987	2431 (31/10/18)	475.246	378.886	81.986			81.986	81.986	-	-	1
2	- Xây dựng Tỉnh lộ 488 đoạn từ đường 488C (50a cũ) đến Thị trấn Thịnh Long	Sở GTVT	218 (24/01/14) 927 (26/5/14) 1649 (22/9/14) 1868a (20/10/14) 1221 (29/6/15) 1629 (20/7/17)	792.027	385.125	2430 (31/10/18)	709.957	390.967	6.617			6.617	6.617	-	-	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			250.099	235.484		121.282	121.282	49.099	26.401	-	75.500	70.000	3.500	2.000	1
1	- Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 487B, tỉnh Nam Định	UBND huyện Nam Trực	1950 (07/9/18) 1103 (25/5/21) 388 (27/02/20) 2152 (06/10/21) 961 (24/5/22)	250.099	235.484	3167 (31/12/20)	121.282	121.282	49.099	26.401		75.500	70.000	3.500	2.000	1
c	Các công trình chuyển tiếp			1.331.775	946.042	-	-	-	636.050	18.509	24.216	630.343	274.843	19.387	336.113	4
1	- Xây dựng Tỉnh lộ 485B đoạn từ đê tả sông Đào đến Quốc lộ 21B	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2331 (23/10/18) 457 (02/3/21) 2244 (18/10/21)	563.908	463.908				331.509			331.509	87.881	18.182	225.446	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
2	- Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 488C, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1958 (13/9/19) 457 (02/3/21) 2166 (07/10/21) 947 (19/5/22)	148.817	117.300				56.517	18.483		75.000	75.000	-	-	1
3	- Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 488B huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1767 (21/8/18) 1910 (09/9/19) 457 (02/3/21) 2524 (25/11/21)	324.050	274.050				133.024	26		133.050	91.962	1.205	39.883	1
4	- Xây dựng tuyến đường huyện nối từ đê tả Đáy đến đường 57B huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	1755 (21/7/20) 2370 (02/11/21) 921 (17/5/22) 173- TB/VPTU (01/11/22)	295.000	90.784				115.000		24.216	90.784	20.000	-	70.784	1
IV	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			59.370	44.830	-	-	-	14.530	-	-	14.530	300	2.560	11.670	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			59.370	44.830	-	-	-	14.530	-	-	14.530	300	2.560	11.670	1
1	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp bệnh viện Y học cổ truyền, tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2138 (28/9/16) 2515 (06/11/18) 2640 (27/11/19) 3127 (30/12/20) 2142 (05/10/21)	59.370	44.830				14.530			14.530	300	2.560	11.670	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: NS tỉnh	KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao		Còn lại giai đoạn 2023- 2025
V	VĂN HÓA			140.000	19.000	-	137.515	16.515	5.915	-	-	5.915	300	5.615	-	1
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			140.000	19.000	-	137.515	16.515	5.915	-	-	5.915	300	5.615	-	1
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022			140.000	19.000		137.515	16.515	5.915	-	-	5.915	300	5.615	-	1
1	- Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục quần thể lưu niệm cố Tổng Bí thư Trường Chinh tại huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	UBND huyện Xuân Trường	1787 (22/8/18) 1328 (05/6/20) 1386 (12/6/20) 115 (14/01/21)	140.000	19.000	2425 (09/11/21)	137.515	16.515	5.915			5.915	300	5.615	-	1
VI	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN			45.007	21.007	-	43.702	28.702	300	-	-	300	300	-	-	1
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			45.007	21.007	-	43.702	28.702	300	-	-	300	300	-	-	1
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021			45.007	21.007		43.702	28.702	300	-	-	300	300	-	-	1
1	- Phát triển hạ tầng khung Chính phủ điện tử tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2020	Sở TT&TT	2361 (24/10/16) 2094 (27/9/19)	45.007	21.007	2911 (08/12/20)	43.702	28.702	300			300	300	-	-	1
VII	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ			92.731	76.621	-	28.727	12.617	10.567	-	-	10.567	300	10.267	-	1
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			92.731	76.621	-	28.727	12.617	10.567	-	-	10.567	300	10.267	-	1
a.2	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2022			92.731	76.621		28.727	12.617	10.567	-	-	10.567	300	10.267	-	1
1	- Giai đoạn I dự án Xây dựng tuyến đường gom, đường vào khu công nghiệp Mỹ Trung, tỉnh Nam Định	Ban QL các khu công nghiệp tỉnh	1372 (19/6/17) 1511 (23/7/19)	92.731	76.621	2379 (23/9/20)	28.727	12.617	10.567			10.567	300	10.267	-	1
VIII	KHO TÀNG			70.900	53.890	-	60.906	43.896	16.300	-	990	15.310	11.198	3.300	812	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
<i>b</i>	<i>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán</i>			70.900	53.890		60.906	43.896	16.300	-	990	15.310	11.198	3.300	812	1
1	- Xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2401A (12/11/15) 2907 (19/12/18) 2569 (19/11/19) 3128 (30/12/20) 2864 (27/12/21)	70.900	53.890	2115 (01/10/21)	60.906	43.896	16.300		990	15.310	11.198	3.300	812	1
IX	XÃ HỘI			38.273	25.373	-	-	-	25.073	-	-	25.073	3.300	500	21.273	1
<i>c</i>	<i>Các công trình chuyển tiếp</i>			38.273	25.373	-	-	-	25.073	-	-	25.073	3.300	500	21.273	1
1	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	955 (9/5/16) 2114 (03/10/19) 2555 (18/11/19) 1448 (18/6/20)	38.273	25.373				25.073			25.073	3.300	500	21.273	1
E.2	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025			2.156.160	541.652	-	-	-	9.000	532.652	-	541.652	-	-	541.652	8
E.2.1	CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI			2.032.300	521.300	-	-	-	-	521.300	-	521.300	-	-	521.300	5
I	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO			95.000	30.000	-	-	-	-	30.000	-	30.000	-	-	30.000	1
<i>d</i>	<i>Dự kiến công trình khởi công mới</i>			95.000	30.000	-	-	-	-	30.000	-	30.000	-	-	30.000	1
1	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	59/NQ-HĐND (17/6/22)	95.000	30.000				-	30.000		30.000			30.000	1
II	GIAO THÔNG			1.450.000	350.000	-	-	-	-	350.000	-	350.000	-	-	350.000	1
<i>d</i>	<i>Dự kiến công trình khởi công mới</i>			1.450.000	350.000	-	-	-	-	350.000	-	350.000	-	-	350.000	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ- HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023- 2025	
1	- Xây dựng cầu vượt sông Đáy nối tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định thuộc tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình -Nam Định -Thái Bình -Hải Phòng	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	91/NQ- HĐND (26/8/22)	1.450.000	350.000				-	350.000		350.000			350.000	1
III	Y TẾ XÃ HỘI			487.300	141.300	-	-	-	-	141.300	-	141.300	-	-	141.300	3
d	Dự kiến công trình khởi công mới			487.300	141.300	-	-	-	-	141.300	-	141.300	-	-	141.300	3
1	- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các cơ sở trợ giúp xã hội tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2193 (25/11/22)	122.000	22.000				-	22.000		22.000			22.000	1
2	- Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp 66 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	93/NQ- HĐND (26/8/22)	165.400	27.400				-	27.400		27.400			27.400	1
3	- Đầu tư xây dựng Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	92/NQ- HĐND (26/8/22)	199.900	91.900				-	91.900		91.900			91.900	1
E.2.2	ĐỐI ỨNG CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG			14.860	1.352	-	-	-	-	1.352	-	1.352	-	-	1.352	1
I	Y TẾ XÃ HỘI			14.860	1.352	-	-	-	-	1.352	-	1.352	-	-	1.352	1
d	Dự kiến công trình khởi công mới			14.860	1.352	-	-	-	-	1.352	-	1.352	-	-	1.352	1
1	- Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	266/TB- UBND (18/11/22)	14.860	1.352				-	1.352		1.352			1.352	1
E.2.3	CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CÒN LẠI			109.000	19.000	-	-	-	9.000	10.000	-	19.000	-	-	19.000	2
I	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			49.000	9.000	-	-	-	9.000	-	-	9.000	-	-	9.000	1
d	Dự kiến công trình khởi công mới			49.000	9.000	-	-	-	9.000	-	-	9.000	-	-	9.000	1
1	- Xây dựng Bệnh viện đa liễu tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2153 (29/9/16) 1653 (05/8/21)	49.000	9.000				9.000			9.000	-	-	9.000	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh					KH năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025	
II	VĂN HÓA			60.000	10.000	-	-	-	-	10.000	-	10.000	-	-	10.000	1
d	Dự kiến công trình khởi công mới			60.000	10.000	-	-	-	-	10.000	-	10.000	-	-	10.000	1
1	- Bảo quản, tu bổ, tôn tạo cụm di tích quốc gia đình - chùa Ngô Xá, Chùa Nê	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	272/TB-UBND (22/11/22)	60.000	10.000				-	10.000		10.000	-	-	10.000	1

Phụ lục VII:
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÁC KHU ĐÔ THỊ, KHU (ĐIỂM) DÂN CƯ TẬP TRUNG,
KHU TÁI ĐỊNH CƯ, KHU ĐẤT GIAO CHO NHÀ ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN,
THÀNH PHỐ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
	TỔNG SỐ	-	28.865.879	26.440.190	-	1.656.248	1.472.901	19.835.920	5.605.513	3.903.925	21.537.508	1.205.970	419
	<i>Chia theo loại dự án</i>												
1	Các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		15.749.561	14.575.152	-	548.750	442.343	9.582.738	2.775.100	2.633.915	9.723.922	425.363	241
2	Các công trình tính quyết định đầu tư		13.116.318	11.865.038	-	1.107.497	1.030.558	7.692.047	2.218.074	1.199.380	8.710.741	463.130	178
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố		-	-	-	-	-	2.561.135	612.340	70.630	3.102.845	317.477	-
	<i>Chi tiết như sau:</i>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH		8.606.609	6.863.906	-	257.993	124.823	5.477.966	827.600	974.234	5.331.331	300.362	35
1	Các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		3.803.156	2.629.259	-	188.015	81.608	1.752.492	467.600	316.821	1.903.271	249.257	19
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		2.077.949	995.952	-	188.015	81.608	720.946	-	149.682	571.264	211.257	10
a	<i>Các công trình đã quyết toán</i>		206.541	95.683	-	188.015	81.608	888	-	222	666	666	2
a.1	<i>Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021</i>		95.683	95.683	-	82.212	81.608	666	-	-	666	666	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
1	- Xây dựng hạ tầng khu tái định cư phục vụ GPMB Quốc lộ 10 giai đoạn II thành phố Nam Định (Tên khác: Khu tái định cư Đồng Quýt)	3052 (22/11/04) 1683 (22/8/2008)	95.683	95.683	1678 (27/8/15)	82.212	81.608	666	-	-	666	666	1
a.3	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn		110.858	-	-	105.803	-	222	-	222	-	-	1
1	- Khu tái định cư Văn hóa Trần	2342 (05/11/10) 1499 (17/9/13)	110.858	-	1448 (19/8/14)	105.803	-	222	-	222	-	-	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán		868.579	233.797	-	-	-	31.354	-	-	31.354	5.378	5
1	- Xây dựng khu tái định cư khu vực chùa thôn Phúc Trọng xã Mỹ Xá và khu Bãi Viên xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định	191 (25/01/11)	541.762	138.604				3.399	-	-	3.399	-	1
2	- Xây dựng khu tái định cư phục vụ GPMB phường Cửa Nam, thành phố Nam Định	297 (27/02/13)	144.308	25.400				5.378	-	-	5.378	5.378	1
3	- Khu ĐTM Tây đông mạc - thành phố Nam Định	2488 (25/9/2003) 2384 (19/10/2007) 2856 (14/9/2010) 39 (31/8/2020)	71.366	13.018				13.018	-	-	13.018	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
4	- Xây dựng hạ tầng khu Tái định cư Đông Đông mạc, thành phố Nam Định	1176 (24/5/2004) 572 (06/4/2015) 38 (31/8/2020)	57.364	36.816				5.800	-	-	5.800	-	1
5	- Xây dựng hạ tầng khu TĐC khu vực hồ Bà Trảng, thành phố Nam Định	1630 (16/10/13) 25 (10/01/19)	53.779	19.959				3.759	-	-	3.759	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp		1.002.829	666.472	-	-	-	688.704	-	149.460	539.244	205.213	3
1	- Xây dựng khu đô thị mới phía Nam Sông Đào, thành phố Nam Định	1819 (27/8/2018) 3131 (30/12/20)	779.996	539.156				573.118	-	100.000	473.118	181.000	1
2	- Xây dựng tuyến đường từ đường Đông A đến đường Trường Chinh và khu tái định cư hồ Hàng Nạn, thành phố Nam Định	1258 (19/6/09)	116.020	21.303				49.073	-	48.960	113	113	1
3	- Xây dựng đường Lưu Hữu Phước kéo dài (Đoạn từ đường Thanh Bình đến khu đô thị Mỹ Trung) và khu tái định cư Liên Hà 1, phường Lộc Hạ, thành phố Nam Định	412 (02/3/20)	106.813	106.013				66.513	-	500	66.013	24.100	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		1.725.207	1.633.307	-	-	-	1.031.546	467.600	167.139	1.332.007	38.000	9

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
c	Các công trình chuyển tiếp	-	326.207	234.707	-	-	-	381.546	-	146.839	234.707	38.000	2
1	- Xây dựng khu đô thị đường Nguyễn Công Trứ, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định	2545 (26/11/21)	219.807	175.107	-			275.346	-	100.239	175.107	23.000	1
2	- Xây dựng khu tái định cư phường Lộc Vượng (khu vực Trường Đại học Lương Thế Vinh, phường Lộc Vượng)	152 (18/01/21)	106.400	59.600				106.200	-	46.600	59.600	15.000	1
d	Các công trình khởi công mới		1.399.000	1.398.600	-	-	-	650.000	467.600	20.300	1.097.300	-	7
1	- Khu dân cư tập trung Lương Xá, Phú Ốc, phường Lộc Hòa	74/NQ-HĐND (02/12/21) 992/UBND-VP5 (30/11/22)	240.000	239.900				200.000	39.900	-	239.900	-	1
2	- Xây dựng khu dân cư tập trung Địch Lễ, xã Nam Vân, thành phố Nam Định		120.000	120.000					96.000	-	96.000	-	1
3	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Vân, thành phố Nam Định		219.000	219.000				-	175.200	-	175.200	-	1
4	- Xây dựng khu dân cư tập trung phường Lộc Hòa và phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định		200.000	200.000					80.000	-	80.000	-	1
5	- Xây dựng khu dân cư tập trung Hùng Vương, xã Nam Phong, thành phố Nam Định		190.000	190.000					76.500	-	76.500		1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
6	- Khu dân cư tập trung Vạn Diệp, xã Nam Phong	75/NQ-HĐND (02/12/21) 992/UBND-VP5 (30/11/22)	240.000	239.800				260.000	-	20.200	239.800	-	1
7	- Khu dân cư tập trung Đông Phong - Dịch Lễ, xã Nam Phong và xã Nam Vân	73/NQ-HĐND (02/12/21)	190.000	189.900				190.000	-	100	189.900	-	1
2	Các công trình tính quyết định đầu tư		4.803.453	4.234.647	-	69.978	43.215	3.698.961	360.000	646.615	3.412.346	35.391	16
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		757.946	547.276	-	69.978	43.215	315.843	-	80.868	234.975	34.291	5
<i>a</i>	<i>Các công trình đã quyết toán</i>		<i>77.367</i>	<i>49.607</i>	-	<i>69.978</i>	<i>43.215</i>	<i>6.359</i>	-	<i>2.068</i>	<i>4.291</i>	<i>4.291</i>	<i>2</i>
<i>a.1</i>	<i>Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021</i>		<i>33.005</i>	<i>18.205</i>	-	<i>27.907</i>	<i>18.205</i>	<i>205</i>	-	-	<i>205</i>	<i>205</i>	<i>1</i>
1	- Xây dựng đường gom Quốc lộ 10 đoạn từ Cung thể thao đến trụ sở Công an tỉnh, thành phố Nam Định	597 (27/3/2017) 1670 (09/8/2018)	33.005	18.205	1049 (17/5/2021)	27.907	18.205	205	-	-	205	205	1
<i>a.3</i>	<i>Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn</i>		<i>44.362</i>	<i>31.402</i>		<i>42.071</i>	<i>25.010</i>	<i>6.154</i>	-	<i>2.068</i>	<i>4.086</i>	<i>4.086</i>	<i>1</i>
1	- Cải tạo, nâng cấp đường nối từ QL21A (Cầu Ốc) đến QL21B	2675 (03/12/2019)	44.362	31.402	2117 (01/10/2021)	42.071	25.010	6.154	-	2.068	4.086	4.086	1
<i>c</i>	<i>Các công trình chuyển tiếp</i>	-	<i>680.579</i>	<i>497.669</i>	-	-	-	<i>309.484</i>	-	<i>78.800</i>	<i>230.684</i>	<i>30.000</i>	<i>3</i>

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
1	- Xây dựng tuyến đường trục trung tâm phía Nam thành phố Nam Định, (đoạn nối từ Tỉnh lộ 490C đến vị trí giao với đường dẫn cầu Tân Phong)	1768 (29/8/2016) 1408 (08/7/19) 3129 (30/12/20) 2785 (20/12/21)	392.162	288.252				38.252	-	-	38.252	-	1
2	- Xây dựng kè và đường dạo hồ Hàng Nan, thành phố Nam Định	2606 (31/12/14) 26 (10/01/19) 2863 (27/12/21)	52.413	52.413				35.428	-	-	35.428	7.000	1
3	- Xây dựng đường gom Quốc lộ 10, đoạn từ đường trục Lộ Vượng đến đường Phù Nghĩa	2301 (16/9/20) 1485 (13/7/21)	236.004	157.004				235.804	-	78.800	157.004	23.000	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		4.045.507	3.687.371	-	-	-	3.383.118	360.000	565.747	3.177.371	1.100	11
c	Các công trình chuyển tiếp	-	2.789.432	2.577.208	-	-	-	2.792.560	-	215.352	2.577.208	1.100	5
1	- Xây dựng đường trục phía Nam thành phố Nam Định, (đoạn từ đường Vũ Hữu Lợi đến Quốc lộ 21B)	724 (15/4/22)	1.499.000	1.398.800				1.499.000	-	100.200	1.398.800	-	1
2	- Xây dựng cầu qua sông Đào nối từ đường Song Hào đến đường Vũ Hữu Lợi, thành phố Nam Định	619 (28/3/22)	1.200.000	1.100.339				1.200.000	-	99.661	1.100.339	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
3	- Xây dựng, cải tạo Trường Tiểu học Phạm Hồng Thái, thành phố Nam Định	1594 (29/7/21)	35.270	34.170				35.270	-	1.100	34.170	1.100	1
4	- Xây dựng, cải tạo Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân, thành phố Nam Định	2544 (26/11/21)	29.990	18.878				29.990	-	11.112	18.878	-	1
5	- Cải tạo, nâng cấp hè đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Trần Nhân Tông), thành phố Nam Định	2868 (28/12/21)	25.172	25.021				28.300	-	3.279	25.021	-	1
d	Các công trình khởi công mới		1.256.075	1.110.163	-	-	-	590.558	360.000	350.395	600.163	-	6
1	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Nhân Tông và đường Song Hào (đoạn từ đường Trần Nhật Duật đến cầu qua sông Đào), thành phố Nam Định	278/TB-UBND (30/11/22)	150.000	120.000					120.000	-	120.000	-	1
2	- Xây dựng khu chung cư phục vụ di dời các nhà chung cư cũ trên địa bàn thành phố Nam Định		300.000	240.000					240.000	-	240.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
3	- Xây dựng trụ sở thành ủy - HĐND -UBND thành phố Nam Định	TB119 (27/7/2020)	510.000	510.000				294.058	-	294.058	-	-	1
4	- Xây dựng công trình kín hóa tuyến thoát nước kênh Gia đoạn từ đường Phạm Ngũ Lão đến đường Trần Huy Liệu, phường Mỹ Xá, Thành phố Nam Định	909 (13/5/22)	122.312	102.200				122.500	-	20.300	102.200	-	1
5	- Xây dựng Trường Tiểu học phường Cửa Nam tại khu đô thị mới phía Nam sông Đào, thành phố Nam Định	2663 (10/12/21)	93.763	73.063				94.000	-	20.937	73.063	-	1
6	- Xây dựng, cải tạo quảng trường Hòa Bình thành phố Nam Định	971 (26/5/22)	80.000	64.900				80.000	-	15.100	64.900	-	1
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố							26.512	-	10.798	15.714	15.714	
II	HUYỆN MỸ LỘC	-	1.127.987	1.102.476	-	137.520	130.251	680.386	236.366	136.879	779.873	143.193	23
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		536.072	535.560	-	-	-	375.108	5.890	130.100	250.898	16.750	8
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		112.265	111.863	-	-	-	25.501	-	-	25.501	16.750	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán		112.265	111.863	-	-	-	25.501	-	-	25.501	16.750	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
1	- Xây dựng khu đô thị thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc	316 (17/02/2016) 1677 (15/8/2016) 2002 (14/9/2018) 1280 (28/5/20) 67 (12/01/21) 2865 (27/12/21)	112.265	111.863				25.501	-	-	25.501	16.750	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		423.807	423.697	-	-	-	349.607	5.890	130.100	225.397	-	7
c	Các công trình chuyển tiếp		29.167	29.057	-	-	-	29.157	-	100	29.057	-	1
1	- Xây dựng khu dân cư tập trung tại xóm 5, xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc	1908 (01/9/21)	29.167	29.057				29.157	-	100	29.057	-	1
d	Các công trình khởi công mới		394.640	394.640	-	-	-	320.450	5.890	130.000	196.340	-	6
1	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc	2452 (11/11/21)	15.000	15.000				15.000	-	-	15.000	-	1
2	- Xây dựng Khu dân cư tập trung xóm 3, xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc	42/NQ-HĐND (26/4/22)	35.000	35.000				35.000	-	-	35.000	-	1
3	- Xây dựng khu dân cư tập trung Thôn An Cổ xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc	86/NQ-HĐND (02/12/21)	95.000	95.000				95.000	-	-	95.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
4	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc (giai đoạn 2)		51.340	51.340				45.450	5.890	-	51.340	-	1
5	- Khu dân cư tập trung thôn Liễu Nha - Tam Đoài 1 xã Mỹ Phúc		30.000	30.000				30.000	-	30.000	-	-	1
6	- KDC tập trung Đặng Xá, thị trấn Mỹ Lộc		168.300	168.300				100.000	-	100.000	-	-	1
2	Các công trình tỉnh quyết định đầu tư		591.915	566.916	-	137.520	130.251	189.348	221.035	6.779	403.604	87.610	15
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		143.565	136.066	-	137.520	130.251	15.978	-	230	15.748	11.741	3
a	<i>Các công trình đã quyết toán</i>	-	143.565	136.066	-	137.520	130.251	15.978	-	230	15.748	11.741	3
a.1	<i>Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021</i>	-	128.566	128.566	-	122.981	122.981	9.741	-	-	9.741	9.741	2
1	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thịnh - Thắng huyện Mỹ Lộc	1246 (07/6/17)	113.571	113.571	2410 (30/10/19)	109.414	109.414	9.650	-	-	9.650	9.650	1
2	- Cải tạo, mở rộng khuôn viên trụ sở Huyện ủy - HĐND - UBND huyện Mỹ Lộc	2411 (30/10/18)	14.995	14.995	15 (06/01/21)	13.567	13.567	91	-	-	91	91	1
a.3	<i>Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn</i>		14.999	7.500		14.539	7.270	6.237	-	230	6.007	2.000	1
1	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Đại lộ Thiên Trường vào UBND xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc	2972 (27/12/19)	14.999	7.500	878 (11/5/22)	14.539	7.270	6.237	-	230	6.007	2.000	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		448.350	430.850	-	-	-	173.370	221.035	6.549	387.856	75.869	12
<i>c</i>	Các công trình chuyển tiếp		158.360	158.360	-	-	-	158.370	-	4.039	154.331	75.869	3
1	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thăng Hà, huyện Mỹ Lộc	2044 (23/9/21)	62.794	62.794				62.794	-	-	62.794	30.000	1
2	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đê Ất Hối, huyện Mỹ Lộc (Đoạn từ QL21 tại Km134+963 đến đê La xã Mỹ Tiến)	2062 (24/9/21)	80.576	80.576				80.576	-	4.029	76.547	38.800	1
3	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thịnh Khánh, huyện Mỹ Lộc	2876 (28/12/21)	14.990	14.990				15.000	-	10	14.990	7.069	1
<i>d</i>	Các công trình khởi công mới		289.990	272.490	-	-	-	15.000	221.035	2.510	233.525	-	9
1	- Nâng cấp hệ thống trạm bơm Tân Đệ và các công trình phụ trợ		30.000	15.000					15.000	-	15.000	-	1
2	- Cải tạo nâng cấp đường Hồng Long xã Mỹ Tân huyện Mỹ Lộc		15.000	15.000					15.000	-	15.000	-	1
3	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam đường sắt (Đoạn từ cầu Lê đến Cầu Giáng)		15.000	15.000					15.000	-	15.000	-	1
4	- Nâng cấp sửa chữa đường 63B từ cây xăng xã Mỹ Hà huyện Mỹ Lộc đến cổng Đá, xã An Ninh, huyện Bình Lục		20.000	20.000					20.000	-	20.000	-	1
5	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Cầu Đặng xã Mỹ Hưng đến đường Thịnh Thắng huyện Mỹ Lộc		35.000	35.000					35.000	-	35.000		1
6	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu di tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B huyện Mỹ Lộc		15.000	15.000					15.000	-	15.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
7	- Nâng cấp cải tạo tuyến đường N3 sông Vĩnh Giang, huyện Mỹ Lộc		45.000	45.000					45.000	-	45.000	-	1
8	- Xây dựng tuyến đường trục trung tâm huyện (giai đoạn 1)		100.000	100.000					61.035	-	61.035	-	1
9	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Hưng Lộc, huyện Mỹ Lộc (đoạn từ QL21 chợ Đặng qua UBND xã Mỹ Hưng đến cầu Dừa đi thị trấn Mỹ Lộc và tuyến nhánh)	1243 (12/7/22)	14.990	12.490				15.000	-	2.510	12.490	-	1
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện							115.930	9.441	-	125.371	38.833	
	<i>Trong đó:</i>												
	<i>- Bố trí đối ứng tối thiểu cho các dự án, công trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện (**)</i>										33.500		
III	HUYỆN Ý YÊN		2.127.960	1.882.330	-	185.533	165.609	862.935	401.754	256.888	1.007.801	49.610	32
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		889.863	889.863	-	8.604	8.604	506.530	224.496	218.924	512.102	4.159	20
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		148.878	148.878	-	8.604	8.604	51.841	-	4.724	47.117	4.159	3
a	Các công trình đã quyết toán		9.328	9.328	-	8.604	8.604	883	-	724	159	159	1
a.1	Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021		9.328	9.328		8.604	8.604	883	-	724	159	159	1
1	- Xây dựng khu dân cư tập trung phía Đông trạm Y tế xã Yên Hồng, huyện Ý Yên	2226 (11/10/18)	9.328	9.328	163/QĐ-STC (05/11/21)	8.604	8.604	883	-	724	159	159	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán	-	106.764	106.764	-	-	-	18.172	-	4.000	14.172	4.000	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
1	- Xây dựng khu đô thị thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	88 (13/01/16) 2766 (06/12/18)	106.764	106.764				18.172	-	4.000	14.172	4.000	1
c	Các công trình chuyển tiếp	-	32.786	32.786	-	-	-	32.786	-	-	32.786	-	1
1	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Chính, huyện Ý Yên	2764 (06/12/18)	32.786	32.786				32.786	-	-	32.786	-	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		740.985	740.985	-	-	-	454.689	224.496	214.200	464.985	-	17
c	Các công trình chuyển tiếp	-	40.989	40.989	-	-	-	40.989	-	-	40.989	-	1
1	- Xây dựng khu dân cư tập trung phía Bắc thôn An Lộc Thượng, xã Yên Hồng, huyện Ý Yên	2305 (26/10/21)	40.989	40.989				40.989	-	-	40.989	-	1
d	Các công trình khởi công mới	-	699.996	699.996	-	-	-	413.700	224.496	214.200	423.996	-	16
1	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung xã Yên Nhân, huyện Ý Yên	1927 (18/10/22)	34.996	34.996				-	34.996	-	34.996	-	1
2	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Phương, huyện Ý Yên	47/NQ-HĐND (26/4/22)	102.000	102.000				28.500	73.500	-	102.000	-	1
3	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Cường	48/NQ-HĐND (26/4/22)	85.000	85.000				41.000	44.000	-	85.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
4	- Xây dựng khu dân cư tập trung An Tổ, xã Yên Bình, huyện Ý Yên	TB120 (29/4/22)	25.000	25.000				-	25.000	-	25.000	-	1
5	- Xây dựng khu dân cư tập trung Cầu Cỏ xã Yên Bằng, huyện Ý Yên	TB259 (07/11/22)	90.000	90.000				53.000	19.000	-	72.000	-	1
6	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Tân		45.000	45.000				12.000	8.000	-	20.000	-	1
7	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Thọ 2		20.000	20.000				-	20.000	-	20.000	-	1
8	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Phú, huyện Ý Yên	86/NQ-HĐND (06/7/22)	27.000	27.000				31.000	-	4.000	27.000	-	1
9	- Xây dựng khu dân cư tập trung Thụy Quang, xã Yên Lương, huyện Ý Yên	TB161 (28/6/22)	30.000	30.000				35.000	-	5.000	30.000	-	1
10	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Mỹ		35.000	35.000				35.000	-	33.000	2.000	-	1
11	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Khánh		30.000	30.000				29.200	-	27.200	2.000	-	1
12	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Thắng		53.000	53.000				29.000	-	27.000	2.000	-	1
13	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Dương 2		15.000	15.000				12.000	-	10.000	2.000	-	1
14	- Khu dân cư tập trung thị trấn Lâm		48.000	48.000				48.000	-	48.000	-	-	1
15	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Phong		48.000	48.000				48.000	-	48.000	-	-	1
16	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Hồng		12.000	12.000				12.000	-	12.000	-	-	1
2	Các công trình tỉnh quyết định đầu tư		1.238.097	992.467	-	176.929	157.005	252.142	55.669	37.361	270.450	22.908	12

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		668.981	423.351	-	176.929	157.005	252.142	-	37.361	214.781	22.908	6
a	Các công trình đã quyết toán	-	186.308	165.762	-	176.929	157.005	105.538	-	8.133	97.405	22.408	2
a.3	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn		186.308	165.762	-	176.929	157.005	105.538	-	8.133	97.405	22.408	2
1	- Củng cố mặt đê bồi sông Đáy xã Yên Trị, Yên Đồng và Yên Nhân, huyện Ý Yên	3011 (25/12/17)	41.093	20.547	2994 (30/12/19)	39.847	19.923	3.923	-	-	3.923	-	1
2	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Lương - Trị, huyện Ý Yên	2275 (17/10/18) 1171 (20/5/20)	145.215	145.215	2801 (21/12/21)	137.082	137.082	101.615	-	8.133	93.482	22.408	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán		147.173	142.155	-	-	-	25.726	-	500	25.226	-	2
1	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Cát Đằng đến thị trấn Lâm (Quốc lộ 38B) huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	1153 (26/5/17) 948 (19/5/22)	25.927	25.927				6.977	-	-	6.977	-	1
2	- Cải tạo, nâng cấp đường Thành - Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	2834 (08/12/16) 1633 (03/8/18) 629 (29/3/19) 1262 (15/7/22)	121.246	116.228				18.749	-	500	18.249	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
c	Các công trình chuyển tiếp	-	335.500	115.434	-	-	-	120.878	-	28.728	92.150	500	2
1	- Xây dựng tuyến đường huyện nối từ đê Tả Đáy đến đường 57B huyện Ý Yên	1755 (21/7/20) 2370 (02/11/21) 921 (17/5/22)	295.000	90.784				115.028	-	25.028	90.000	-	1
2	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Chính - Phong, huyện Ý Yên	1131 (01/6/18) 2910 (19/12/18)	40.500	24.650				5.850	-	3.700	2.150	500	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		569.116	569.116	-	-	-	-	55.669	-	55.669	-	6
d	Các công trình khởi công mới	-	569.116	569.116	-	-	-	-	55.669	-	55.669	-	6
1	- Xây dựng tuyến đường trục huyện nối từ QL38B với QL10, huyện Ý Yên	TB10 (31/10/17)	428.724	428.724				-	-	-	-	-	1
2	- Xây dựng cầu Thông xã Yên Trung		19.000	19.000					19.000	-	19.000	-	1
3	-Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Yên Bằng-Yên Khang, đoạn từ đê Tả Đáy đến UBND xã Yên Khang		46.000	46.000					25.000	-	25.000	-	1
4	-Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Yên Nghĩa, đoạn từ đường TL.485 đến đường Thành Xá (qua UBND xã Yên Nghĩa)		21.000	21.000					8.000	-	8.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
5	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Yên Cường - Yên Nhân, đoạn từ đường 57B đến trường mầm non Hoa Đào xã Yên Nhân		29.000	29.000					2.000	-	2.000	-	1
6	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Yên Lương, đoạn từ QL37B đến đê sông sắt (qua UBND xã Yên Lương)		25.392	25.392					1.669	-	1.669	-	1
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện							104.263	121.589	603	225.249	22.543	
	<i>Trong đó:</i>												
	<i>- Bố trí đối ứng tối thiểu cho các dự án, công trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện (**)</i>										61.500		
1	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Nghĩa	4141 (30/5/19) (UBND huyện)	9.894	9.894				9.894	-	-	9.894	-	1
2	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Dương huyện Ý Yên	2052 (06/5/20) (UBND huyện)	9.814	9.814				9.814	-	-	9.814	-	1
3	- San lấp, xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực xóm Đông Thịnh xã Yên Tiến (giáp đường 57B) để đầu tư xây dựng nhà ở cho nhân dân làm nhà ở	7388 (09/10/18) (UBND huyện)	7.253	7.253				7.253	-	-	7.253	4.337	1
4	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Phương, huyện Ý Yên	10206 (30/12/20) (UBND huyện)	9.994	9.987	5472 (30/6/22) (UBND huyện)	9.398	9.391	9.994	-	603	9.391	8.221	1
5	- Xây dựng hạ tầng điểm dân cư thôn Thọ Cách, xã Yên Thọ, huyện Ý Yên	1063 (05/2/21) (UBND huyện)	8.597	8.597				8.597	-	-	8.597	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
IV	HUYỆN VỤ BẢN		3.622.688	3.579.188	-	482.471	474.471	2.986.518	597.038	1.254.169	2.329.387	227.762	65
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		2.354.098	2.354.098	-	229.844	229.844	1.957.221	85.850	1.043.405	999.666	39.803	44
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		395.368	395.368	-	229.844	229.844	194.971	-	21.305	173.666	39.803	6
a	Các công trình đã quyết toán	-	261.399	261.399	-	229.844	229.844	61.002	-	19.096	41.906	39.803	5
a.1	Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021	-	34.190	34.190	-	31.867	31.867	31.867	-	-	31.867	31.803	3
1	- Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư tập trung xã Tân Thành, huyện Vụ Bản	1095 (28/5/2019)	14.093	14.093	1030 (13/5/21)	12.645	12.645	12.645	-	-	12.645	12.625	1
2	- Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư tập trung xã Đại An, huyện Vụ Bản	41 (5/1/2019)	14.007	14.007	1028 (13/5/21)	13.572	13.572	13.572	-	-	13.572	13.538	1
3	- Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư nông thôn xã Hiền Khánh, huyện Vụ Bản	599 (26/3/2019)	6.090	6.090	82/QĐ-STC (22/4/21) 100/QĐ-STC (04/6/21)	5.650	5.650	5.650	-	-	5.650	5.640	1
a.2	Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2022	-	227.209	227.209	-	197.977	197.977	29.135	-	19.096	10.039	8.000	2
1	- Xây dựng hạ tầng đô thị thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản	334 (17/02/17) 2467 (06/11/19)	111.281	111.281	2063 (24/9/21)	101.145	101.145	6.108	-	-	6.108	6.000	1
2	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Thành Lợi	2326 (17/10/17) 538 (22/3/19) 717 (05/4/21)	115.928	115.928	2933 (31/12/21)	96.832	96.832	23.027	-	19.096	3.931	2.000	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán	-	133.969	133.969	-	-	-	133.969	-	2.209	131.760	-	1
1	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trung Thành, huyện Vụ Bản	696 (02/4/19)	133.969	133.969				133.969	-	2.209	131.760	-	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		1.958.730	1.958.730	-	-	-	1.762.250	85.850	1.022.100	826.000	-	38
d	Các công trình khởi công mới		1.958.730	1.958.730	-	-	-	1.762.250	85.850	1.022.100	826.000	-	38
1	- Khu dân cư tập trung xã Kim Thái huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	35/NQ-HĐND (26/4/22) 992/UBND-VP5 (30/11/22)	170.000	170.000				135.000	1.000	-	136.000	-	1
2	- Khu dân cư tập trung thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	34/NQ-HĐND (26/4/22) 992/UBND-VP5 (30/11/22)	175.000	175.000				133.650	6.350	-	140.000	-	1
3	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Vĩnh Hào, huyện Vụ Bản	37/NQ-HĐND (26/4/22)	88.000	88.000				67.500	2.900	-	70.400	-	1
4	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Đại Thắng huyện Vụ Bản	TB228 (30/9/22) 991/UBND-VP5 (30/11/22)	50.000	50.000				32.200	17.800	-	50.000	-	1
5	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Quang Trung, huyện Vụ Bản	TB227 (30/9/22) 991/UBND-VP5 (30/11/22)	50.000	50.000				40.500	9.500	-	50.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
6	- Khu dân cư tập trung xã Hợp Hưng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Đồng Thuần Khả Chính, đồng Sóng Đồng Lạc)	277/TB-UBND (30/11/22)	50.000	50.000				40.500	9.500	-	50.000	-	1
7	- Khu dân cư tập trung xã Liên Bảo huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Thôn Đắc Lực)		50.000	50.000				40.500	9.500	-	50.000	-	1
8	- Khu dân cư tập trung Chằm Cỏ, xã Tân Khánh huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		50.000	50.000				40.500	9.500	-	50.000	-	1
9	- Khu dân cư tập trung Cửa Chùa Tứ Giáp xã Liên Minh huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	276/TB-UBND (30/11/22)	65.000	65.000				32.200	19.800	-	52.000	-	1
10	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản	36/NQ-HĐND (26/4/22)	75.000	75.000				67.500	-	7.500	60.000	-	1
11	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Tam Thanh, huyện Vụ Bản	87/NQ-HĐND (02/12/2021) 992/UBND-VP5 (30/11/22)	35.000	35.000				134.865	-	99.865	35.000	-	1
12	- Khu dân cư tập trung xã Minh Thuận huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Cửa Đường Thôn Phú Lão)		80.000	80.000				67.500	-	3.500	64.000	-	1
13	- Khu dân cư tập trung Xóm Pheo xã Kim Thái huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		18.000	18.000				20.250	-	2.250	18.000	-	1
14	- Khu dân cư tập trung Đồng Ngạch xóm 1 xã Kim Thái huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		30.000	30.000				20.250	-	20.050	200	-	1
15	- Khu dân cư tập trung Cầu Đĩa, Đồng Trúc - Liên Xương xã Hiến Khánh huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		85.000	85.000				67.500	-	67.300	200	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
16	- Khu dân cư tập trung Mã Vũ, Hà Kiệu xã Minh Tân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		50.000	50.000				40.500	-	40.300	200	-	1
17	- Khu dân cư tập trung khu Đồng Lại xã Tân Thành huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		67.500	67.500				53.700	-	53.700	-	-	1
18	- Khu dân cư tập trung thôn Thiện Vịnh xã Cộng Hòa huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		67.500	67.500				53.700	-	53.700	-	-	1
19	- Khu dân cư tập trung Tây Trung Đồng xã Minh Thuận huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Thôn Phú Lão)		60.750	60.750				60.750	-	60.750	-	-	1
20	- Khu dân cư tập trung Vườn Hề, Ao Quan, Mả quan xã Trung Thành huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Thôn Chùa, Quế, Nhì)		55.350	55.350				55.350	-	55.350	-	-	1
21	- Khu dân cư tập trung Ngòi Ngay xã Thành Lợi huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Rộc Nam, Đồng Cát)		54.000	54.000				54.000	-	54.000	-	-	1
22	- Khu dân cư tập trung khu Đồng Ngoài Dư Duệ xã Tam Thanh huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		54.000	54.000				43.000	-	43.000	-	-	1
23	- Khu dân cư tập trung xã Đại Thắng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (khu Điện Biên)		40.500	40.500				40.500	-	40.500	-	-	1
24	- Khu dân cư tập trung xóm Bến, Trại trại xã Thành Lợi huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Cánh đồng Cốc 1)		40.500	40.500				40.500	-	40.500	-	-	1
25	- Khu dân cư tập trung xã Liên Bảo huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Thôn Trinh Xuyên)		40.500	40.500				40.500	-	40.500	-	-	1
26	- Khu dân cư tập trung xã Tân Thành huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Khu Đồng Cói)		33.750	33.750				33.750	-	33.750	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
27	- Khu dân cư tập trung Hậu Xá xã Hợp Hưng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (làng Nội Chẽ)		33.750	33.750				33.750	-	33.750	-	-	1
28	- Khu dân cư tập trung khu Đồng Cầu thôn Hoàng xã Minh Tân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		33.750	33.750				26.700	-	26.700	-	-	1
29	- Khu dân cư tập trung An Hưng xã Đại An huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (thôn An Hưng)		29.565	29.565				29.565	-	29.565	-	-	1
30	- Khu dân cư tập trung Đông Cốc, sau Chinh xã Trung Thành huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Thôn Chinh)		27.000	27.000				27.000	-	27.000	-	-	1
31	- Khu dân cư tập trung Làng 1 xã Quang Trung huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		24.300	24.300				19.300	-	19.300	-	-	1
32	- Khu dân cư tập trung xã Đại An huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Khu Đại Đê)		20.250	20.250				20.250	-	20.250	-	-	1
33	- Khu dân cư tập trung xã Liên Minh huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Đội 1 xóm Thượng)		67.500	67.500				67.500	-	67.500	-	-	1
34	- Khu dân cư tập trung xã Đại An huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		28.000	28.000				28.000	-	28.000	-	-	1
35	- Khu dân cư tập trung Tổ dân phố Tây Côi Sơn Thị trấn Gôi huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		19.035	19.035				19.035	-	19.035	-	-	1
36	- Khu dân cư tập trung thôn Mỹ Côi Thị trấn gôi huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		14.445	14.445				11.500	-	11.500	-	-	1
37	- Khu dân cư tập trung khu Bắc làng Đồng Lương xã Tân Khánh huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		13.500	13.500				10.700	-	10.700	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
38	- Diêm dân cư tập trung Xóm Cầu xã kim Thái huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Cửa Tước xóm Cầu) (đất xen kẹt giữa các KDC nên không mở rộng được diện tích)		12.285	12.285				12.285	-	12.285	-	-	1
2	Các công trình tỉnh quyết định đầu tư		1.268.590	1.225.090	-	252.627	244.627	616.911	511.188	177.039	951.060	101.299	21
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		530.601	520.601	-	252.627	244.627	339.479	4.688	27.596	316.571	87.073	9
a	<i>Các công trình đã quyết toán</i>		280.845	272.845	-	252.627	244.627	109.228	686	27.596	82.318	55.073	5
a.1	<i>Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021</i>		150.250	142.250	-	144.064	136.064	24.338	-	5.878	18.460	18.455	3
1	- Cải tạo, nâng cấp đường Hiền Khánh - Minh Thuận huyện Vụ Bản	2854 (14/12/18) 1598 (05/8/19)	14.999	11.999	2564 (18/11/19)	14.828	11.828	6.524	-	-	6.524	6.519	1
2	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Vĩnh Hào - Yên Lương	3062 (27/12/17)	14.900	9.900	2561 (18/11/19)	14.763	9.763	4.463	-	-	4.463	4.463	1
3	- Xây dựng, nâng cấp đường nối QL21 đi QL38B đến Tỉnh lộ 486B, huyện Vụ Bản	2467 (31/10/16) 716 (05/4/21)	120.351	120.351	2723 (14/12/21)	114.473	114.473	13.351	-	5.878	7.473	7.473	1
a.2	<i>Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2022</i>		130.595	130.595	-	108.563	108.563	84.890	686	21.718	63.858	36.618	2
1	- Cải tạo, nâng cấp đường Trung Thành - Cộng Hòa huyện Vụ Bản	1704 (14/8/19)	14.991	14.991	2932 (31/12/21)	14.677	14.677	9.268	686	-	9.954	5.406	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
2	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Cầu Họ - Hạnh Lâm huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	1143 (04/6/18) 715 (05/4/21)	115.604	115.604	2643 (07/12/21)	93.886	93.886	75.622	-	21.718	53.904	31.212	1
c	Các công trình chuyển tiếp	-	249.756	247.756	-	-	-	230.251	4.002	-	234.253	32.000	4
1	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Tân Khánh - Liên Bảo, huyện Vụ Bản.	1686 (14/7/20)	155.771	155.771				155.771	-	-	155.771	10.000	1
2	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối từ đường Hùng Vương đến đê bồi Đồng Tâm phục vụ cứu hộ, cứu nạn và phòng chống lụt bão thuộc địa phận xã Đại Thắng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	233 (03/02/20) 1932 (19/10/22)	19.992	18.992				14.992	-	-	14.992	2.000	1
3	- Cải tạo, nâng cấp đường phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn Rặng Dừa xã Tân Thành, huyện Vụ Bản	115 (13/01/20) 1082 (07/5/20) 1149 (01/6/21)	14.993	13.993				10.993	-	-	10.993	7.000	1
4	- Xây dựng tuyến đường Khả Chính - Bối Xuyên kéo dài, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	1542 (30/6/20) 1756 (21/9/22)	59.000	59.000				48.495	4.002	-	52.497	13.000	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		737.989	704.489	-	-	-	277.432	506.500	149.443	634.489	14.226	12
c	Các công trình chuyển tiếp	-	29.989	28.989	-	-	-	28.989	-	-	28.989	14.226	2
1	- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản	1015 (11/5/21)	14.999	13.999				13.999	-	-	13.999	9.000	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
2	- Cải tạo, nâng cấp kênh T5-2b và T5-2b-3 thuộc hệ thống thủy nông Vụ Bản	2376 (03/11/21)	14.990	14.990				14.990	-	-	14.990	5.226	1
d	Các công trình khởi công mới	-	708.000	675.500	-	-	-	248.443	506.500	149.443	605.500	-	10
1	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Hiền Khánh - Tân Khánh, huyện Vụ Bản	71/NQ-HĐND (02/12/21)	99.000	99.000				99.000	-	-	99.000	-	1
2	Thâm bẽ tông nhựa đường trục huyện nối Quốc lộ 21 đi Quốc lộ 38B đến Tỉnh lộ 486B; mở rộng cầu Khả Chính, cầu Đồng Lạc và xử lý vuốt nối tuyến nhánh huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		30.000	30.000					30.000	-	30.000	-	1
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường xã Vĩnh Hào đoạn từ đường huyện Chợ Lãi - Đại Thắng đến cầu Xi xã Vĩnh Hào, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		46.000	46.000					46.000	-	46.000	-	1
4	Xây dựng đường từ xã Hiền Khánh đến xã Hợp Hưng đoạn từ tỉnh lộ 486B đến đền thờ bà Mai Hồng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		30.000	30.000					30.000	-	30.000	-	1
5	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục xã Minh Tân, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	275/TB-UBND (30/11/22)	65.000	32.500					32.500	-	32.500	-	1
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường xã Trung Thành đoạn từ Quốc lộ 38B đến đường huyện Chợ Lãi - Đại Thắng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		58.000	58.000					58.000	-	58.000	-	1
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối từ trung tâm xã Liên Minh đến thôn Hồ Sơn, đầu nối với tuyến đường từ đường Chợ Lãi - Đại Thắng đến Quốc lộ 37B, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		30.000	30.000					30.000	-	30.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ xã Liên Minh đi xã Kim Thái đến cụm công nghiệp xã Trung Thành (Đoạn từ Quốc lộ 10 - đường Tân Khánh -Liên Bảo – Cụm công nghiệp Trung Thành) huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		200.000	200.000					160.000	-	160.000	-	1
9	Dự án Xây dựng khu phức hợp công viên cây xanh - nhà ở đô thị Thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		100.000	100.000					80.000	-	80.000	-	1
10	Dự án Xây dựng khu trung tâm lễ hội thuộc quần thể Phù Dầy, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		50.000	50.000					40.000	-	40.000	-	1
	- Các công trình KCM phục vụ các mục tiêu phát triển KTXH của huyện trong giai đoạn 2022-2025							149.443	-	149.443	-	-	
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện							412.386	-	33.725	378.661	86.660	
	<i>Trong đó:</i>												
	<i>- Bố trí đối ứng tối thiểu cho các dự án, công trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện (**)</i>										38.500		
1	<i>- Xây dựng hạ tầng điểm đầu giá quyền sử dụng đất dân cư khu vực Dạ Giai xóm Trung Cấp, xã Tam Thanh, huyện Vụ Bản</i>	3564 (29/10/20) (UBND huyện)	1.176	1.176	200/QĐ-UBND (29/01/21)	1.112	1.112	1.112	-	-	1.112	1.112	1
V	HUYỆN NAM TRỰC		1.557.809	1.474.301	-	76.444	61.684	1.094.145	254.895	187.374	1.161.666	290.727	43
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		935.792	935.792	-	32.852	32.852	644.357	60.001	184.874	519.484	112.153	30
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		181.219	181.219	-	32.852	32.852	165.183	-	23.474	141.709	112.153	6
a	<i>Các công trình đã quyết toán</i>	-	35.307	35.307	-	32.852	32.852	32.969	-	117	32.852	32.852	3
a.1	<i>Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021</i>	-	35.307	35.307	-	32.852	32.852	32.969	-	117	32.852	32.852	3

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
1	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Tiến, huyện Nam Trực	2069 (24/9/2018)	29.500	29.500	2116 (01/10/21)	27.162	27.162	27.162	-	0	27.162	27.162	1
2	- Xây dựng cơ sở hạ tầng để tổ chức đấu giá đất khu vực thôn Chính Trang xã Nam Thái, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	1712 (11/6/19)	2.457	2.457	2571/QĐ-UBND (24/11/20)	2.457	2.457	2.457	-	-	2.457	2.457	1
3	- Xây dựng hạ tầng điểm dân cư cạnh khu dân cư Nam Dương I, huyện Nam Trực	444 (28/02/18)	3.350	3.350	3763/QĐ-UBND (24/12/21)	3.233	3.233	3.350	-	117	3.233	3.233	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán		14.983	14.983	-	-	-	1.284	-	-	1.284	-	1
1	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Dương	1556 (26/7/18) 239 (04/02/20)	14.983	14.983				1.284	-	-	1.284	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp	-	130.929	130.929	-	-	-	130.929	-	23.356	107.573	79.301	2
1	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực	206 (23/01/19) 2611 (27/10/20)	14.678	14.678				14.678	-	0	14.678	-	1
2	- Xây dựng khu dân cư tập trung (phía Nam) trụ sở UBND xã Nam Dương và san lấp mặt bằng để xây dựng TT văn hóa thể thao, huyện Nam Trực	2055 (20/9/18) 150 (18/01/21)	116.251	116.251				116.251	-	23.356	92.895	79.301	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		754.573	754.573	-	-	-	479.174	60.001	161.400	377.775	-	24
d	Các công trình khởi công mới		754.573	754.573	-	-	-	479.174	60.001	161.400	377.775	-	24

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
1	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Hồng, huyện Nam Trực	1433 (07/7/21)	27.816	27.816				27.816	-	-	27.816	-	1
2	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Xối Tri xã Nam Thanh, huyện Nam Trực	1627 (30/8/22)	15.000	15.000				15.000	-	-	15.000	-	1
3	- Xây dựng khu dân cư tập trung Nội Bồi, thôn Thị, xã Hồng Quang, huyện Nam Trực	1628 (30/8/22)	10.000	10.000				10.000	-	-	10.000	-	1
4	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Lợi, huyện Nam Trực	39/NQ-HĐND (26/4/22)	28.000	28.000				28.000	-	-	28.000	-	1
5	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Cường, huyện Nam Trực	08/NQ-HĐND (18/3/21)	49.800	49.800				49.800	-	-	49.800	-	1
6	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực	10/NQ-HĐND (18/3/21)	19.990	19.990				19.990	-	-	19.990	-	1
7	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực	40/NQ-HĐND (26/4/22)	19.000	19.000				19.000	-	-	19.000	-	1
8	- Xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở khu vực ao Lân Tuyền, xóm Đại Thắng, xã Nam Mỹ		2.079	2.079				2.079	-	-	2.079	-	1
9	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đại An, xã Nam Thắng, huyện Nam Trực	38/NQ-HĐND (26/4/22)	35.000	35.000				20.000	15.000	-	35.000	-	1
10	- Xây dựng khu dân cư tập trung Nam Quang xã Hồng Quang, huyện Nam Trực	41/NQ-HĐND (26/4/22)	28.000	28.000				22.000	6.000	-	28.000	-	1
11	- Xây dựng khu tái định cư, khu dân cư tập trung xã Nam Toàn, huyện Nam Trực	TB258 (07/11/22)	80.000	80.000				31.000	1.000	-	32.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
12	- Xây dựng khu dân cư tập trung, khu tái định cư xã Nam Hoa, huyện Nam Trực	TB194 (09/8/22)	55.000	55.000				9.999	12.001	-	22.000	-	1
13	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đồng Lư, xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực	TB177 (25/7/22)	11.000	11.000				-	8.000	-	8.000	-	1
14	- Xây dựng khu dân cư tập trung khu vực ao Lò Ngói, xóm Đồng Ích, xã Nam Mỹ, huyện Nam Trực	TB178 (25/7/22)	10.000	10.000				-	8.000	-	8.000	-	1
15	- Xây dựng khu dân cư và tái định cư Xối tây, xã Nam Thanh		28.000	28.000					10.000	-	10.000	-	1
16	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực	2100 (10/11/22)	24.988	24.988				24.990	-	2	24.988	-	1
17	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Hải, huyện Nam Trực	93/NQ- HĐND (02/12/21)	27.900	27.900				28.000	-	16.898	11.102	-	1
18	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thái, huyện Nam Trực	94/NQ- HĐND (02/12/21)	20.000	20.000				20.000	-	12.000	8.000	-	1
19	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Cỏ Giã, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực	TB226 (30/9/22)	35.000	35.000				32.000	-	18.000	14.000	-	1
20	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm Hồng Thượng, xã Nam Hồng, huyện Nam Trực	TB193 (09/8/22)	30.000	30.000				5.500	-	500	5.000	-	1
21	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Bình Minh, huyện Nam Trực	TB267 (08/12/21)	15.000	15.000				15.000	-	15.000	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
22	- Khu dân cư tập trung Tây Lặc, xã Đồng Sơn		120.000	120.000				53.000	-	53.000	-	-	1
23	- Xây dựng khu dân cư phía Đông sông Châu Thành xã Nam Cường		35.000	35.000				24.000	-	24.000	-	-	1
24	- Khu dân cư tập trung Xóm 17, xã Nghĩa An		28.000	28.000				22.000	-	22.000	-	-	1
2	Các công trình tỉnh quyết định đầu tư		622.017	538.509	-	43.592	28.832	335.979	157.513	2.500	490.992	119.401	13
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		266.066	228.548	-	13.970	13.970	198.159	-	0	198.159	97.946	4
a	<i>Các công trình đã quyết toán</i>		14.125	14.125	-	13.970	13.970	3.736	-	-	3.736	3.736	1
a.1	<i>Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021</i>	-	14.125	14.125	-	13.970	13.970	3.736	-	-	3.736	3.736	1
1	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Nam Toàn, huyện Nam Trực	33 (09/01/18) 2539 (14/11/19)	14.125	14.125	2885 (20/12/19)	13.970	13.970	3.736	-	-	3.736	3.736	1
c	Các công trình chuyển tiếp	-	251.941	214.423	-	-	-	194.423	-	0	194.423	94.210	3
1	- Cải tạo, nâng cấp đường An Thắng, huyện Nam Trực	1399 (16/9/20) 2308 (27/10/21)	161.990	161.990				151.990	-	-	151.990	67.000	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
2	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải huyện Nam Trực (Đoạn từ đường Vàng đến cầu Gai)	2370 (26/10/18) 2463 (12/11/21) 2941 (31/12/21)	75.036	37.518				27.518	-	0	27.518	19.000	1
3	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Tiến Minh, huyện Nam Trực	2610 (27/10/20)	14.915	14.915				14.915	-	-	14.915	8.210	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		355.951	309.961	-	29.622	14.862	137.820	157.513	2.500	292.833	21.455	9
<i>a</i>	<i>Các công trình đã quyết toán</i>	-	29.980	14.990	-	29.622	14.862	14.855	7	-	14.862	14.360	2
<i>a.1</i>	<i>Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021</i>	-	14.990	7.495	-	14.720	7.360	7.360	-	-	7.360	7.360	1
1	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở Huyện ủy - nhà văn hóa huyện Nam Trực	776 (06/4/21)	14.990	7.495	1652 (05/8/21)	14.720	7.360	7.360	-	-	7.360	7.360	1
<i>a.2</i>	<i>Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2022</i>	-	14.990	7.495	-	14.902	7.502	7.495	7	-	7.502	7.000	1
1	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở HĐND - UBND huyện Nam Trực	106 (14/01/21)	14.990	7.495	880 (11/5/22)	14.902	7.502	7.495	7	-	7.502	7.000	1
<i>c</i>	<i>Các công trình chuyển tiếp</i>	-	198.971	196.471	-	-	-	122.965	76.006	2.500	196.471	7.095	5

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
1	- Cải tạo, nâng cấp đường An Quang, huyện Nam Trực	1127 (28/5/21)	69.996	69.996				69.996	-	-	69.996	1.000	1
2	- Xây dựng cầu và đường nối khu dân cư tập trung thôn Nội với đường trục xã Nam Thanh, huyện Nam Trực	151 (18/01/21)	4.969	4.969				4.969	-	-	4.969	1.000	1
3	- Xây dựng cầu Dứa, xã Hồng Quang, huyện Nam Trực	2426 (09/11/21)	12.076	9.576				12.076	-	2.500	9.576	4.095	1
4	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thái Hải, huyện Nam Trực	2243 (18/10/21)	61.990	61.990				20.924	41.066	-	61.990	1.000	1
5	- Xây dựng khu trung tâm văn hóa thể thao huyện Nam Trực	1679 (09/8/21)	49.940	49.940				15.000	34.940	-	49.940	-	1
d	Các công trình khởi công mới		127.000	98.500	-	-	-	-	81.500	-	81.500	-	2
1	- Cải tạo, nâng cấp đường Phong Quang, huyện Nam Trực		70.000	70.000					57.250	-	57.250	-	1
2	- Cải tạo, nâng cấp đường Liên xã Nam Thanh - Nam Lợi, huyện Nam Trực		57.000	28.500					24.250	-	24.250	-	1
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện							113.809	37.381	-	151.190	59.173	
	<i>Trong đó:</i>												
	- Bố trí đối ứng tối thiểu cho các dự án, công trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện (**)										56.500		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
1	- Xây dựng hạ tầng điểm dân cư tập trung thôn Lạc Chính, xã Nam Tiến	484 (06/7/20)	6.983	6.983				6.983	-	-	6.983	-	1
VI	HUYỆN TRỰC NINH		2.177.104	2.087.052	-	14.273	14.273	1.915.735	343.696	207.045	2.052.386	39.801	49
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		1.486.170	1.486.170	-	14.273	14.273	1.056.132	255.300	166.620	1.144.811	2.472	33
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		175.313	175.313	-	14.273	14.273	86.175	4.700	721	90.153	2.472	3
a	Các công trình đã quyết toán	-	14.994	14.994	-	14.273	14.273	14.994	-	721	14.273	2.472	1
a.2	Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2022		14.994	14.994		14.273	14.273	14.994	-	721	14.273	2.472	1
1	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Đại, huyện Trục Ninh	1405 (05/7/19)	14.994	14.994	2935 (31/12/21)	14.273	14.273	14.994	-	721	14.273	2.472	1
c	Các công trình chuyển tiếp		160.319	160.319	-	-	-	71.181	4.700	-	75.880	-	2
1	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Thái, huyện Trục Ninh	414 (02/3/20) 2437 (10/11/21)	54.319	54.319				54.319	-	-	54.319	-	1
2	- Xây dựng khu đô thị thị trấn Cổ Lễ huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định	2612 (08/12/15) 1245 (25/5/20) 2866 (27/12/21)	106.000	106.000				16.861	4.700	-	21.561	-	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		1.310.857	1.310.857	-	-	-	969.957	250.600	165.899	1.054.658	-	30
d	Các công trình khởi công mới		1.310.857	1.310.857	-	-	-	969.957	250.600	165.899	1.054.658	-	30

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
1	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Hùng, huyện Trục Ninh	476 (04/3/21) 2786 (20/12/21)	49.157	49.157				49.157	0	-	49.157	-	1
2	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm 5 xã Trục Nội, huyện Trục Ninh		90.000	90.000				90.000	-	-	90.000	-	1
3	- Xây dựng khu dân cư tập trung và tái định cư xã Trục Tuấn, huyện Trục Ninh		60.000	60.000				60.000	-	-	60.000	-	1
4	- Xây dựng khu dân cư tập trung và tái định cư xã Phương Định, huyện Trục Ninh	35/NQ-HĐND (17/7/21)	50.000	50.000				50.000	-	-	50.000	-	1
5	- Xây dựng khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Dịch Diệp xã Trục Chính		36.000	36.000				36.000	-	-	36.000	-	1
6	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Thuận, huyện Trục Ninh		32.000	32.000				32.000	-	-	32.000	-	1
7	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm 1,2, xã Trung Đông, huyện Trục Ninh		30.000	30.000				30.000	-	-	30.000	-	1
8	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Thanh, huyện Trục Ninh		30.000	30.000				30.000	-	-	30.000	-	1
9	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Thắng, huyện Trục Ninh		28.000	28.000				28.000	-	-	28.000	-	1
10	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm 10, xã Trục Tuấn, huyện Trục Ninh		27.000	27.000				27.000	-	-	27.000	-	1
11	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Mỹ, huyện Trục Ninh		20.000	20.000				20.000	-	-	20.000	-	1
12	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Liêm Hải, huyện Trục Ninh		18.000	18.000				18.000	-	-	18.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
13	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm Nam Tiến, xã Việt Hùng, huyện Trục Ninh		15.000	15.000				15.000	-	-	15.000	-	1
14	- Xây dựng khu đô thị TDP Nghị Nam, TT Ninh Cường, huyện Trục Ninh		14.500	14.500				14.500	-	-	14.500	-	1
15	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đồng Sổng, xã Phương Định, huyện Trục Ninh		14.000	14.000				14.000	-	-	14.000	-	1
16	Xây dựng Khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Nam Lạng Đông xã Trục Tuấn, huyện Trục Ninh		17.000	17.000					-	-		-	1
17	Xây dựng Khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Lịch Đông, xã Liêm Hải, huyện Trục Ninh		12.000	12.000					-	-	-		1
18	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung thị trấn Ninh Cường, huyện Trục Ninh	46/NQ-HĐND (26/4/22) 992/UBND-VP5 (30/11/22)	90.000	90.000				75.000	15.000	-	90.000	-	1
19	- Xây dựng khu đô thị thị trấn Cát Thành, huyện Trục Ninh	48/NQ-HĐND (25/10/21) 992/UBND-VP5 (30/11/22)	72.000	72.000				64.800	7.200	-	72.000	-	1
20	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Hưng, huyện Trục Ninh		38.000	38.000				14.000	15.000	-	29.000	-	1
21	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm Khang Ninh xã Trục Cường, huyện Trục Ninh		35.000	35.000				14.000	21.000	-	35.000	-	1
22	- Xây dựng Khu dân cư tập trung và tái định cư xóm 7 xã Trục Khang		75.000	75.000				18.000	42.000	-	60.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
23	Xây dựng khu dân cư tập trung và tái định cư xóm Lác Môn 3, xã Trục Hùng, huyện Trục Ninh		55.000	55.000					44.000	-	44.000		1
24	- Xây dựng Khu dân cư tập trung và tái định cư xóm Nam xã Việt Hùng, huyện Trục Ninh		48.000	48.000					38.400	-	38.400	-	1
25	Xây dựng Khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam xã Trục Tuấn, huyện Trục Ninh		50.000	50.000					40.000	-	40.000		1
26	- Xây dựng Khu dân cư tập trung và tái định cư xóm Chín xã Việt Hùng, huyện Trục Ninh		35.000	35.000					28.000	-	28.000	-	1
27	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Đạo, huyện Trục Ninh	TB244 (16/11/21)	39.900	39.900				40.000	-	100	39.900	-	1
28	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Nội, huyện Trục Ninh	TB245 (16/11/21)	29.900	29.900				30.000	-	100	29.900	-	1
29	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm Đoài 2, xã Việt Hùng, huyện Trục Ninh	TB246 (16/11/21)	19.900	19.900				20.000	-	100	19.900	-	1
30	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trung Đông, huyện Trục Ninh		180.500	180.500				180.500	-	165.599	14.901	-	1
2	Các công trình tính quyết định đầu tư		690.934	600.882	-	-	-	515.762	69.208	40.425	544.545	29.000	16
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		126.136	126.136	-	-	-	74.499	-	4.700	69.799	10.700	2
c	Các công trình chuyển tiếp	-	126.136	126.136	-	-	-	74.499	-	4.700	69.799	10.700	2

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
1	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trục Đại - Trục Thái, huyện Trục Ninh	2560 (18/11/19) 1883 (13/10/22)	57.420	57.420				55.783	-	-	55.783	10.700	1
2	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Khang - Thuận, huyện Trục Ninh	395 (02/3/17) 169 (20/01/21)	68.716	68.716				18.716	-	4.700	14.016	-	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		564.798	474.746	-	-	-	441.263	69.208	35.725	474.746	18.300	14
c	Các công trình chuyển tiếp		179.954	179.954	-	-	-	169.944	10.010	-	179.954	18.300	6
1	- Kiên cố hóa kênh Hải Ninh, Hải Ninh 21, Hải Ninh 23, kênh CC5 thị trấn Cổ Lễ, huyện Trục Ninh	1372 (30/6/21)	59.990	59.990				59.990	-	-	59.990	10.000	1
2	- Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND, hội trường nhà văn hóa xã Trục Đại, huyện Trục Ninh	2636 (07/12/21)	14.999	14.999				14.999	-	-	14.999	-	1
3	- Cải tạo, nâng cấp đường Cổ Lễ - Trung Đông (đoạn từ QL21 đến cầu Điện Biên và tuyến nhánh)	1641 (04/8/21) 2070 (08/11/22)	14.990	14.990				14.990	-	-	14.990	5.000	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
4	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Trục Cường (đoạn từ cầu Múc đến cầu sông Sê)	1686 (10/8/21) 1978 (28/10/22)	14.990	14.990				14.990	-	-	14.990	-	1
5	- Xây dựng 12 phòng học 3 tầng (06 phòng bộ môn, 06 phòng lý thuyết) và các hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Trục Đại, huyện Trục Ninh	1771 (19/8/21)	14.985	14.985				14.985	-	-	14.985	-	1
6	- Xây dựng Trường mầm non thị trấn Cổ Lễ, huyện Trục Ninh	2141 (05/10/21)	60.000	60.000				49.990	10.010	-	60.000	3.300	1
d	Các công trình khởi công mới		384.844	294.792	-	-	-	271.319	59.198	35.725	294.792	-	8
1	- Xây dựng cầu Thái - Hưng, huyện Trục Ninh	1005 (31/5/22)	15.000	15.000				15.000	-	-	15.000	-	1
2	- Cải tạo, nâng cấp đường Hùng Thắng		50.000	50.000				50.000	-	-	50.000	-	1
3	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Liêm Hải- Trục Tuấn- Cát thành		30.000	30.000				30.000	-	-	30.000	-	1
4	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải (Đoạn từ cổng Chéo Trục Thanh đến QL37B)		20.000	20.000				20.000	-	-	20.000	-	1
5	- Xây dựng trường tiểu học xã Trục Hùng, huyện Trục Ninh		59.198	59.198					59.198	-	59.198	-	1
6	- Cải tạo, nâng cấp đường TL488B, huyện Trục Ninh (đoạn từ QL21 Ngất Kéo xã Liêm Hải đến đê sông Ninh Cơ thị trấn Cát Thành)	1420 (09/8/22)	78.646	23.594				23.730	-	136	23.594	-	1
7	- Xây dựng tuyến đường trục thị trấn Cát Thành 1,4km (từ vòng xuyến Nội thị đến sông Ninh Cơ)		62.000	62.000				62.589	-	589	62.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
8	- Kè gia cố và nâng cấp đường bờ kênh Sê đoạn từ cống Sê đề tả Ninh Cơ xã Trục Hùng đến cầu sông Sê xã Trục Cường, huyện Trục Ninh		70.000	35.000				70.000	-	35.000	35.000	-	1
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện							343.842	19.188	-	363.030	8.329	
	<i>Trong đó:</i>												
	<i>- Bố trí đối ứng tối thiểu cho các dự án, công trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện (**)</i>										48.500		
VII	HUYỆN XUÂN TRƯỜNG		1.871.481	1.871.481	-	97.902	97.902	1.096.741	807.010	404.663	1.499.088	-	56
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		1.290.021	1.290.021	-	-	-	614.201	495.430	293.700	815.931	-	20
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		49.421	49.421	-	-	-	15.031	-	-	15.031	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp		49.421	49.421	-	-	-	15.031	-	-	15.031	-	1
1	- Xây dựng khu đô thị thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường (<i>Dự án quyết toán thành phần</i>)	2594 (04/12/15) 957 (04/5/17) 1794 (23/8/18)	49.421	49.421				15.031	-	-	15.031	-	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		1.240.600	1.240.600	-	-	-	599.170	495.430	293.700	800.900	-	19
d	Các công trình khởi công mới		1.240.600	1.240.600	-	-	-	599.170	495.430	293.700	800.900	-	19
1	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường	77/NQ-HĐND (02/12/21)	56.000	56.000				56.000	-	-	56.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
2	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường	79/NQ-HĐND (02/12/21)	32.000	32.000				32.000	-	-	32.000	-	1
3	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Vinh, huyện Xuân Trường	78/NQ-HĐND (02/12/21)	26.000	26.000				26.000	-	-	26.000	-	1
4	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Trung, huyện Xuân Trường	76/NQ-HĐND (02/12/21)	19.900	19.900				19.300	600	-	19.900	-	1
5	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung xã Xuân Kiên, huyện Xuân Trường		44.000	44.000				32.450	11.550	-	44.000	-	1
6	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Thành, huyện Xuân Trường		34.000	34.000				14.300	19.700	-	34.000	-	1
7	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung xã Xuân Hòa (Bổ sung để đáp ứng nhu cầu tái định cư dự án Xây dựng tuyến đường bộ mới Nam Định - Lạc Quãng - Đường bộ ven biển)		30.000	30.000				-	30.000	-	30.000	-	1
8	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Bắc		47.000	47.000				22.000	25.000	-	47.000	-	1
9	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Đài		90.000	90.000				22.220	49.780	-	72.000	-	1
10	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Tiến		80.000	80.000				22.000	42.000	-	64.000	-	1
11	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Ninh		53.000	53.000				13.200	39.800	-	53.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
12	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung xã Xuân Phong (Bổ sung để đáp ứng nhu cầu tái định cư dự án Xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình)		81.000	81.000				-	65.000	-	65.000	-	1
13	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Thượng		238.000	238.000				13.200	176.800	-	190.000	-	1
14	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Phú		116.000	116.000				33.000	35.000	-	68.000	-	1
15	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Ngọc		110.000	110.000				110.000	-	110.000	-	-	1
16	- Xây dựng khu dân cư tập trung thị trấn Xuân Trường (KV tổ 16)		102.180	102.180				102.180	-	102.180	-	-	1
17	- Khu dân cư tập trung xã Thọ Nghiệp		55.000	55.000				55.000	-	55.000	-	-	1
18	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Thùỵ		14.300	14.300				14.300	-	14.300	-	-	1
19	- Xây dựng khu dân cư tập trung thị trấn Xuân Trường (KV tổ 18)		12.220	12.220				12.220	-	12.220	-	-	1
2	Các công trình tính quyết định đầu tư		581.460	581.460	-	97.902	97.902	289.528	231.331	110.963	409.896	-	36
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		137.133	137.133	-	97.902	97.902	22.333	-	2.264	20.069	-	8
a	<i>Các công trình đã quyết toán</i>	-	100.273	100.273	-	97.902	97.902	7.022	-	2.264	4.758	-	7
a.2	<i>Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2022</i>	-	70.934	70.934	-	69.617	69.617	6.211	-	1.717	4.494	-	5

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
1	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Xuân Thủy - Nam Điền đoạn từ nút giao tỉnh lộ 489C mới đến UBND xã Xuân Trung, huyện Xuân Trường	88 (10/01/20)	22.526	22.526	881 (11/5/22)	22.227	22.227	2.526	-	299	2.227	-	1
2	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục huyện đoạn từ cầu phao cũ Lạc Quần đến nút giao Quốc lộ 21	2361 (24/10/19)	19.962	19.962	877 (11/5/22)	19.741	19.741	1.662	-	221	1.441	-	1
3	- Cải tạo, nâng cấp Nhà Văn hóa trung tâm huyện Xuân Trường	2002 (19/9/19)	14.326	14.326	2799 (21/12/21)	14.064	14.064	682	-	262	420	-	1
4	- Xây dựng Nhà 3 tầng 12 phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học A Xuân Trường, huyện Xuân Trường	2435 (21/10/18)	9.758	9.758	185/QĐ-STC (30/12/21)	9.305	9.305	979	-	853	126	-	1
5	- Cải tạo, nâng cấp nhà khách UBND huyện Xuân Trường	1531 (25/7/19)	4.362	4.362	183/QĐ-STC (30/12/21)	4.280	4.280	362	-	82	280	-	1
a.3	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn	-	29.339	29.339	-	28.285	28.285	811	-	547	264	-	2
1	- Xây dựng mới 16 phòng học, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường	1094 (07/5/20)	14.808	14.808	895 (13/5/22)	13.864	13.864	808	-	544	264	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
2	- Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường	2467 (31/10/17) 2371 (26/10/18)	14.531	14.531	1083 (24/5/19)	14.421	14.421	3	-	3	-	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp	-	36.860	36.860	-	-	-	15.311	-	-	15.311	-	1
1	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Phú - Đãi đoạn từ tỉnh lộ 489 đến huyện lộ Bắc - Phong - Đãi, huyện Xuân Trường	2362 (24/10/19) 2595 (02/12/21)	36.860	36.860				15.311	-	-	15.311	-	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		444.327	444.327	-	-	-	267.195	231.331	108.699	389.827	-	28
c	Các công trình chuyển tiếp		14.996	14.996	-	-	-	15.000	-	4	14.996	-	1
1	- Cải tạo, sửa chữa tuyến đường đô thị từ nút giao QL21 (Cầu Lạc Quần) đến Thị trấn huyện Xuân Trường	1071 (09/6/22)	14.996	14.996				15.000	-	4	14.996	-	1
d	Các công trình khởi công mới	-	429.331	429.331	-	-	-	252.195	231.331	108.695	374.831	-	27
1	- Xây dựng Trường THCS và các hạng mục phụ trợ xã Xuân Trung	1279 (18/7/22)	14.500	14.500				14.500	-	-	14.500	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
2	- Xây dựng Trường THCS xã Xuân Vinh	1281 (18/7/22)	14.500	14.500				14.500	-	-	14.500	-	1
3	- Xây dựng trường Tiểu học Xuân Hồng:	1739 (20/9/22)	14.500	14.500				14.500	-	-	14.500	-	1
4	- Trường Mầm non xã Xuân Kiên		13.000	13.000				13.000	-	-	13.000	-	1
5	- Xây dựng mới trường mầm non xã Xuân Phương		23.000	23.000				23.000	-	-	23.000	-	1
6	- Xây dựng trường THCS thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường	25/NQ-HĐND (26/4/22)	35.000	35.000				25.000	10.000	-	35.000	-	1
7	- Trường Trung học cơ sở xã Xuân Ngọc		28.000	28.000				14.500	13.500	-	28.000	-	1
8	- Nhà Văn hóa xã Xuân Bắc		13.000	13.000				10.000	3.000	-	13.000	-	1
9	- Xây dựng mới trụ sở UBND xã Xuân Bắc		14.500	14.500					14.500	-	14.500	-	1
10	- Kê sông Tàu 1 đoạn từ cầu trung tâm xã đến cống tàu xã Xuân Hòa		18.000	18.000					18.000	-	18.000	-	1
11	- Trường Trung học cơ sở xã Thọ Nghiệp giai đoạn 1		25.000	25.000				14.500	10.500	-	25.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
12	- Trường Tiểu học Thị trấn Xuân Trường khu B		40.000	40.000					40.000	-	40.000	-	1
13	- Trường mầm non xã Xuân Hồng và các hạng mục phụ trợ		14.500	14.500					14.500	-	14.500	-	1
14	- Nhà 2 tầng trường Mầm non Xuân Ngọc		25.000	25.000					25.000	-	25.000	-	1
15	- Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông thôn Bùi Chu xã Xuân Ngọc		12.000	12.000					12.000	-	12.000	-	1
16	- Xây dựng trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên huyện Xuân Trường		45.331	45.331					45.331	-	45.331	-	1
17	- Trường mầm non Thị trấn Xuân Trường		30.000	30.000					15.000	-	15.000	-	1
18	- Kè sông Đồng Nê 2		20.500	20.500					4.000	-	4.000	-	1
19	- Nhà đa năng, sân thể thao trung tâm xã Xuân Ngọc		14.500	14.500					3.000	-	3.000	-	1
20	- Kè sông từ cầu trạm điện số 1 đến thôn Liên Thượng		14.500	14.500					3.000	-	3.000	-	1
21	- Cải tạo, sửa chữa tuyến đường đô thị từ nút giao đầu cầu Lạc Quần đến Trung tâm huyện Xuân Trường							13.000	-	13.000	-	-	1
22	- Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường, hệ thống rãnh thoát nước khu trung tâm huyện							38.695	-	38.695	-	-	1
23	- Trường Tiểu học xã Xuân Tiến.							13.000	-	13.000	-	-	1
24	- Trường Tiểu học xã Xuân Phú và các hạng mục phụ trợ							12.000	-	12.000	-	-	1
25	- Trường Tiểu học xã Xuân Đài							12.000	-	12.000	-	-	1
26	- Trường mầm non xã Xuân Thành							10.000	-	10.000	-	-	1
27	- Trường Tiểu học xã Xuân Ninh							10.000	-	10.000	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện							193.012	80.249	-	273.261	-	
	Trong đó:												
	- Bố trí đối ứng tối thiểu cho các dự án, công trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện (**)										45.000		
VIII	HUYỆN GIAO THỦY		3.810.870	3.770.870	-	203.168	203.168	2.107.982	1.462.108	19.257	3.550.833	23.736	50
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		2.381.429	2.381.429	-	75.162	75.162	1.074.384	698.220	4.657	1.767.947	464	32
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		77.946	77.946	-	75.162	75.162	464	-	-	464	464	1
a	Các công trình đã quyết toán	-	77.946	77.946	-	75.162	75.162	464	-	-	464	464	1
a.1	Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021		77.946	77.946		75.162	75.162	464	-	-	464	464	1
1	- Xây dựng khu đô thị thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao Thủy	1320 (27/6/16) 1990 (30/8/17) 1246 (17/6/19)	77.946	77.946	2336 (21/9/20)	75.162	75.162	464	-	-	464	464	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		2.303.483	2.303.483	-	-	-	1.073.920	698.220	4.657	1.767.483	-	31
d	Các công trình khởi công mới		2.303.483	2.303.483	-	-	-	1.073.920	698.220	4.657	1.767.483	-	31
1	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hồng Thuận, huyện Giao Thủy	2204 (28/11/22)	125.960	125.960		-	-	125.960	-	-	125.960	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
2	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Phong, huyện Giao Thủy	84/NQ-HĐND (02/12/21)	90.000	90.000				90.000	-	-	90.000	-	1
3	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hoàn Sơn, huyện Giao Thủy	1077 (10/6/22)	84.000	84.000			-	84.000	-	-	84.000	-	1
4	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Châu, huyện Giao Thủy	82/NQ-HĐND (02/12/21)	58.000	58.000				58.000	-	-	58.000	-	1
5	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Hải, huyện Giao Thủy	83/NQ-HĐND (02/12/21)	45.000	45.000				45.000	-	-	45.000	-	1
6	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Tân, huyện Giao Thủy	26/NQ-HĐND (26/4/22)	40.000	40.000				40.000	-	-	40.000	-	1
7	- Xây dựng khu dân cư tập trung Nam sông Hồng, xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy	80/NQ-HĐND (02/12/21)	140.000	140.000			-	120.000	20.000	-	140.000	-	1
8	- Xây dựng khu dân cư tập trung thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao Thủy	32/NQ-HĐND (26/4/22)	110.000	110.000				-	110.000	-	110.000	-	1
9	- Xây dựng khu dân cư tập trung thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy	28/NQ-HĐND (26/4/22)	84.000	84.000				-	84.000	-	84.000	-	1
10	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy	29/NQ-HĐND (26/4/22)	83.000	83.000				82.560	440	-	83.000	-	1
11	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm 4 xã Hoàn Sơn (mở rộng), huyện Giao Thủy	TB121 (29/4/22)	78.000	78.000				-	78.000	-	78.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
12	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Bạch Long, huyện Giao Thủy	33/NQ-HĐND (26/4/22)	69.000	69.000				68.400	600	-	69.000	-	1
13	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Thanh, huyện Giao Thủy	TB114 (20/4/22)	69.000	69.000				-	69.000	-	69.000	-	1
14	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Lạc, huyện Giao Thủy	27/NQ-HĐND (26/4/22)	60.000	60.000				-	60.000	-	60.000	-	1
15	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Hà, huyện Giao Thủy	31/NQ-HĐND (26/4/22)	60.000	60.000				-	60.000	-	60.000	-	1
16	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Thịnh, huyện Giao Thủy	85/NQ-HĐND (02/12/21)	53.000	53.000				52.500	500	-	53.000	-	1
17	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Bình Hòa, huyện Giao Thủy	30/NQ-HĐND (26/4/22)	40.000	40.000				-	40.000	-	40.000	-	1
18	- Khu dân cư tập trung xã Giao Hương		42.000	42.000					42.000	-	42.000	-	1
19	- Khu dân cư tập trung xóm Duyên Trường, xã Giao Nhân		48.000	48.000				34.320	13.680	-	48.000	-	1
20	- KDC tập trung xã xóm 4 xã Giao Thiện		89.000	89.000					72.000	-	72.000	-	1
21	- KDC tập trung xóm Thanh Long xã Giao Thanh		100.000	100.000					10.000	-	10.000	-	1
22	- KDC tập trung xóm Thiện Xuân xã Giao An		75.000	75.000					7.000	-	7.000	-	1
23	- KDC tập trung xóm Thanh Hà xã Giao Hương		80.000	80.000					6.000	-	6.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
24	- KDC tập trung xóm Xuân Hoàn xã Giao Xuân		91.000	91.000					6.000	-	6.000	-	1
25	- KDC tập trung xóm Xuân Ninh xã Bạch Long		60.000	60.000					6.000	-	6.000	-	1
26	- KDC tập trung xóm Thanh Lâm xã Giao Thanh		55.000	55.000					5.000	-	5.000	-	1
27	- KDC tập trung xóm Lạc Thuần xã Giao Châu		106.000	106.000					8.000	-	8.000	-	1
28	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Tiến, huyện Giao Thủy	1385 (03/8/22)	123.623	123.623			-	127.940	-	4.317	123.623	-	1
29	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Long, huyện Giao Thủy	82/NQ-HĐND (02/12/21)	84.900	84.900				85.000	-	100	84.900	-	1
30	- Khu dân cư tập trung số 2 xóm 14, xã Hoàn Sơn		35.000	35.000				35.040	-	40	35.000	-	1
31	- Khu dân cư tập trung xóm 4 xã Giao An		25.000	25.000				25.200	-	200	25.000	-	1
2	Các công trình tỉnh quyết định đầu tư		1.429.441	1.389.441	-	128.006	128.006	631.103	426.356	14.596	1.042.863	15.357	18
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		154.720	154.720	-	128.006	128.006	31.103	-	14.596	16.507	15.357	5
a	Các công trình đã quyết toán	-	143.722	143.722	-	128.006	128.006	21.952	-	14.596	7.356	7.357	4
a.1	Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021	-	37.926	37.926	-	36.956	36.956	7.356	-	-	7.356	7.357	3
1	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường phòng chống lụt bão xã Hồng Thuận huyện Giao Thủy	88 (15/01/18) 1142 (03/6/19)	14.996	14.996	1046 (14/5/21)	14.771	14.771	171	-	-	171	171	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
2	- Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao Thủy	2413 (31/10/18)	14.990	14.990	1707 (11/8/21)	14.774	14.774	3.274	-	-	3.274	3.274	1
3	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nội thị thị trấn Ngô Đồng đoạn từ nút giao Tỉnh lộ 489 (Km24+100) đến đê sông Hồng	2421 (31/10/19)	7.940	7.940	114/QĐ-STC (20/7/21)	7.411	7.411	3.911	-	-	3.911	3.911	1
a.3	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn	-	105.796	105.796		91.050	91.050	14.596	-	14.596	-	-	1
1	- Cải tạo, nâng cấp đường Tiến - Thịnh huyện Giao Thủy	556 (20/3/17) 988 (24/4/20)	105.796	105.796	1998 (31/10/22)	91.050	91.050	14.596	-	14.596	-	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp		10.998	10.998	-	-	-	9.151	-	-	9.151	8.000	1
1	- Xây dựng mới nhà 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao Thủy	2493 (08/10/20)	10.998	10.998				9.151	-	-	9.151	8.000	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		1.274.721	1.234.721	-	-	-	600.000	426.356	-	1.026.356	-	13
d	Các công trình khởi công mới	-	1.274.721	1.234.721	-	-	-	600.000	426.356	-	1.026.356	-	13

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
1	- Cải tạo, nâng cấp đường Lạc Lâm, huyện Giao Thủy (đoạn Cồn Nhất - Chợ Vọng)	14/NQ-HĐND (26/4/22)	100.000	100.000				100.000	-	-	100.000	-	1
2	- Xây dựng tuyến đường Thiện Lâm, huyện Giao Thủy (đoạn từ Tỉnh lộ 488 xã Giao Hải đến Tỉnh lộ 489B thị trấn Quất Lâm)	TB82 (30/3/22)	230.000	230.000				230.000	-	-	230.000	-	1
3	- Xây dựng tuyến đường trục huyện Giao Thủy (đoạn từ cống Cồn Nhì xã Hồng Thuận đến tuyến đường bộ ven biển xã Giao Thiện)	TB60 (16/3/22)	270.000	270.000				270.000	-	-	270.000	-	1
4	- Xây dựng hạ tầng khu du lịch Quất Lâm, huyện Giao Thủy	TB257 (07/11/22)	80.000	40.000					40.000	-	40.000	-	1
5	- Đường giao thông tá Sông Sò, huyện Giao Thủy		200.000	200.000					160.000	-	160.000	-	1
6	- Kiến cố hóa kênh Giao Sơn đoạn từ cầu Chợ đến cầu Giao Sơn huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định		60.000	60.000					60.000	-	60.000	-	1
7	- Đường trục xã Giao Hà kết hợp kè hai bên mái kênh Cồn Nhất 4 từ QL 37B ra đường bộ ven biển đi xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy		124.000	124.000					100.000	-	100.000	-	1
8	- Nâng cấp, cải tạo đường trục Giao Nhân- Giao Yên		40.000	40.000					40.000	-	40.000	-	1
9	- Xây dựng kè bờ sông giáp xã Giao Nhân đến cầu Đình xã Giao Hải (Kè 2 bên bờ sông) CN9		22.000	22.000					22.000	-	22.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
10	- Trụ sở Huyện ủy, HĐND - UBND huyện Giao Thủy		38.721	38.721					1.356	-	1.356	-	1
11	- Nâng cấp, cải tạo đường trục Bình Xuân, huyện Giao Thủy		30.000	30.000					1.000	-	1.000	-	1
12	- Xây dựng Trường THCS xã Giao Yển, huyện Giao Thủy		40.000	40.000					1.000	-	1.000	-	1
13	- Xây dựng Trường THCS xã Giao Hương, huyện Giao Thủy		40.000	40.000					1.000	-	1.000	-	1
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện							402.495	337.532	4	740.023	7.915	
	<i>Trong đó:</i>												
	<i>- Bố trí đối ứng tối thiểu cho các dự án, công trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện (**)</i>										46.500		
1	- Xây dựng khu dân cư xóm 4 xã Hoành Sơn, huyện Giao Thủy	36 (10/01/20) (UBND huyện)	9.843	9.843	1104/QĐ-UBND (31/3/22) (UBND huyện)	9.839	9.839	9.843	-	4	9.839	-	1
2	- Xây dựng khu dân cư xóm 14 xã Hoành Sơn, huyện Giao Thủy	536 (16/03/20) (UBND huyện)	9.994	9.994				9.994	-	-	9.994	-	1
3	- Xây dựng khu dân cư xã Giao An, huyện Giao Thủy	6145 (18/12/2020) (UBND huyện)	9.964	9.964				9.964	-	-	9.964	-	1
IX	HUYỆN NGHĨA HƯNG		1.464.544	1.317.021	-	84.596	84.373	1.240.083	285.304	108.734	1.416.653	53.151	22
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		654.007	654.007	-	-	-	430.794	265.313	88.349	607.758	-	12

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		49.618	49.618	-	-	-	49.618	-	-	49.618	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp	-	49.618	49.618	-	-	-	49.618	-	-	49.618	-	1
1	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đào Thượng, huyện Nghĩa Hưng	1853 (04/9/19) 524 (12/3/20) 1948 (09/9/21)	49.618	49.618			-	49.618	-	-	49.618	-	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		604.389	604.389	-	-	-	381.176	265.313	88.349	558.140	-	11
d	Các công trình khởi công mới	-	604.389	604.389	-	-	-	381.176	265.313	88.349	558.140	-	11
1	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung thôn Bon Ngạn, xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng	1742 (20/9/22)	93.065	93.065				-	93.065	-	93.065	-	1
2	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung thôn Đò Mươi, xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng	1703 (14/9/22)	89.990	89.990				-	89.990	-	89.990	-	1
3	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung xóm Nguyên Lực, xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Hưng	1749 (20/9/22)	71.721	71.721				-	71.721	-	71.721	-	1
4	- Xây dựng khu dân cư tập trung thị trấn Quỳ Nhất, huyện Nghĩa Hưng	392 (23/02/21) 2378 (03/11/21) 992/UBND-VP5 (30/11/22)	58.000	58.000				51.464	6.536	-	58.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
5	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung đội 12 xã Nghĩa Phong, huyện Nghĩa Hưng		14.000	14.000				9.999	4.001	-	14.000	-	1
6	- Khu dân cư tập trung xã Nghĩa Bình	2751 (22/5/21)	9.982	9.982				9.982	-	9.982	-	-	1
7	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Phúc Thắng, huyện Nghĩa Hưng	91/NQ-HĐND (02/12/21)	139.900	139.900				140.000	-	6.636	133.364	-	1
8	- Xây dựng khu dân cư tập trung Thiên Bình xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Hưng	92/NQ-HĐND (02/12/21)	98.000	98.000				140.000	-	42.000	98.000	-	1
9	- Khu dân cư tập trung xã Nghĩa Phú	04/NQ-HĐND (10/4/21)	9.999	9.999				9.999	-	9.999	-	-	1
10	- Khu dân cư tập trung xóm Đồng Mỹ xã Nghĩa Lợi	14/NQ-HĐND (29/7/21)	9.879	9.879				9.879	-	9.879	-	-	1
11	- Khu dân cư tập trung xóm 1 xã Nam Điền	13/NQ-HĐND (29/7/21)	9.853	9.853				9.853	-	9.853	-	-	1
2	Các công trình tính quyết định đầu tư		810.537	663.014	-	84.596	84.373	446.543	13.031	5.000	454.574	-	10
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		235.964	88.441	-	84.596	84.373	27.850	-	5.000	22.850	-	2
<i>a</i>	<i>Các công trình đã quyết toán</i>	-	<i>87.147</i>	<i>86.924</i>	-	<i>84.596</i>	<i>84.373</i>	<i>21.333</i>	-	-	<i>21.333</i>	-	<i>1</i>
<i>a.3</i>	<i>Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn</i>		<i>87.147</i>	<i>86.924</i>		<i>84.596</i>	<i>84.373</i>	<i>21.333</i>	-	-	<i>21.333</i>	-	<i>1</i>

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
1	- Cải tạo, nâng cấp đường Phong - Bình huyện Nghĩa Hưng	2445 (28/10/16) 1576 (27/7/18)	87.147	86.924	2203 (09/10/19)	84.596	84.373	21.333	-	-	21.333	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp		148.817	1.517	-	-	-	6.517	-	5.000	1.517	-	1
1	- Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 488C, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	1958 (13/9/19) 457 (02/3/21) 2166 (07/10/21)	148.817	1.517				6.517	-	5.000	1.517	-	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		574.573	574.573	-	-	-	418.693	13.031	-	431.724	-	8
d	Các công trình khởi công mới	-	574.573	574.573	-	-	-	418.693	13.031	-	431.724	-	8
1	- Cải tạo, nâng cấp đường Lâm - Hùng huyện Nghĩa Hưng	15/NQ-HĐND (26/4/22)	110.000	110.000					110.000	-	110.000	-	1
2	- Xây dựng đường tránh QL37B đoạn từ đường trục phát triển đến Tỉnh lộ 490C, huyện Nghĩa Hưng	16/NQ-HĐND (26/4/22)	70.000	70.000					70.000	-	70.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
3	- Cải tạo, nâng cấp Trung tâm giáo dục nghề nghiệp -Giáo dục thường xuyên huyện Nghĩa Hưng	1997 (31/10/22)	39.998	39.998					39.998	-	39.998	-	1
4	- Xây dựng trụ sở Đảng ủy -HĐND -UBND xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng	18/NQ-HĐND (26/4/22)	40.000	40.000					40.000	-	40.000	-	1
5	-Xây dựng trường Mầm non Thị trấn Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng		40.000	40.000					40.000	-	40.000	-	1
6	- Xây dựng đường trục xã Hoàng Nam, huyện Nghĩa Hưng		50.000	50.000					41.000	-	41.000	-	1
7	- Cải tạo nâng cấp đường Hùng Hải, huyện Nghĩa Hưng		70.000	70.000					56.151	-	56.151	-	1
8	- Cải tạo nâng cấp đường Thái Trung Sơn, huyện Nghĩa Hưng		34.575	34.575					34.575	-	34.575	-	1
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện							362.746	6.960	15.385	354.321	53.151	
	<i>Trong đó:</i>												
	<i>- Bố trí đối ứng tối thiểu cho các dự án, công trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện (**)</i>										52.500		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
1	- Xây dựng hạ tầng khu đấu giá quyền sử dụng đất năm 2020 xã Nghĩa Thịnh	26 (15/4/2020) (UBND huyện)	778	778	70/QĐ-UBND (25/10/21) (UBND huyện)	682	682	-	682	-	682	682	1
2	- Khu dân cư tập trung đội 9 xã Nghĩa Phong	3150 (26/8/19) 1869 (31/3/20) (UBND huyện)	8.671	8.671	147 (21/01/22) (UBND huyện)	8.403	6.253	8.961	-	2.708	6.253	1.973	1
3	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nghĩa Minh	4146 (20/10/16) 90 (29/7/17) 139 (19/10/17) 15 (07/02/18) 91 (27/7/18) (UBND huyện)	4.293	367	2347 (13/6/17) 439A (01/10/21) 439B (01/10/21) 439C (01/10/21) 439D (01/10/21) (UBND huyện)	4.293	367	-	367	-	367	-	1
4	- Khu dân cư tập trung xã Nghĩa Lạc	3296 (09/9/20) (UBND huyện)	7.326	7.026				7.326	-	300	7.026	-	1
5	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nghĩa Châu	2671 (01/7/2019) (UBND huyện)	875	556	85 (13/01/22) (UBND huyện)	875	556	-	556	-	556	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
6	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm 10 xã Nghĩa Trung	5256 (18/10/18) (UBND huyện)	9.993	7.445				9.993	-	2.548	7.445	-	1
7	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nghĩa Thịnh	3697 (25/10/19) (UBND huyện)	9.986	7.800				9.986	-	2.186	7.800	-	1
8	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm 5 xã Nghĩa Tân	5262 (22/10/18) 2369 (26/4/21) (UBND huyện)	8.890	7.030	4250 (29/8/22) (UBND huyện)	8.544	7.030	8.950	-	1.920	7.030	-	1
9	- Khu dân cư tập trung xã Nghĩa Hải	5291 (24/10/18) 1968 (09/4/2021) (UBND huyện)	9.904	9.904	2639 (27/4/22) (UBND huyện)	9.803	7.117	9.998	-	2.881	7.117	-	1
10	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nghĩa Sơn	2516 (29/4/21) (UBND huyện)	9.837	6.995				9.837	-	2.842	6.995	-	1
X	HUYỆN HẢI HẬU		2.498.827	2.491.565	-	116.347	116.347	2.373.429	389.743	354.682	2.408.490	77.628	44
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		1.418.953	1.418.953	-	-	-	1.171.519	217.000	186.465	1.202.054	305	23
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		352.844	352.844	-	-	-	311.359	-	20.414	290.945	305	3

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán		124.042	124.042	-	-	-	82.557	-	20.414	62.143	305	2
1	- Xây dựng khu dân cư thương mại xã Hải Thanh, huyện Hải Hậu	2323 (22/10/18) 2270 (14/9/20)	61.838	61.838				61.838	-	-	61.838	-	1
2	- Xây dựng khu đô thị Yên Định và khu dân cư tập trung Hải Hưng	701 (31/3/2016) 444 (28/02/2018) 1501 (22/7/19)	62.204	62.204				20.719	-	20.414	305	305	1
c	Các công trình chuyển tiếp		228.802	228.802	-	-	-	228.802	-	-	228.802	-	1
1	- Xây dựng khu đô thị thương mại Cồn - Văn Lý	2352 (25/10/18) 2276 (15/9/20)	228.802	228.802				228.802	-	-	228.802	-	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		1.066.109	1.066.109	-	-	-	860.160	217.000	166.051	911.109	-	20
d	Các công trình khởi công mới		1.066.109	1.066.109	-	-	-	860.160	217.000	166.051	911.109	-	20
1	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung xã Hải Xuân, huyện Hải Hậu	1709 (14/9/22)	56.760	56.760				56.760	-	-	56.760	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
2	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Quang, huyện Hải Hậu	87/NQ-HĐND (06/7/22) 992/UBND-VP5 (30/11/22)	65.000	65.000				50.000	15.000	-	65.000	-	1
3	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Phương, huyện Hải Hậu	61/NQ-HĐND (17/6/22) 992/UBND-VP5 (30/11/22)	54.000	54.000				50.000	4.000	-	54.000	-	1
4	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Bắc, huyện Hải Hậu	65/NQ-HĐND (17/6/22) 992/UBND-VP5 (30/11/22)	60.000	60.000				50.000	10.000	-	60.000	-	1
5	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Đông, huyện Hải Hậu	64/NQ-HĐND (17/6/22) 992/UBND-VP5 (30/11/22)	65.000	65.000				50.000	15.000	-	65.000	-	1
6	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Chính, huyện Hải Hậu	63/NQ-HĐND (17/6/22)	30.000	30.000				25.000	5.000	-	30.000	-	1
7	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Vân, huyện Hải Hậu	TB139 (23/5/22)	36.000	36.000				20.000	16.000	-	36.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
8	- Xây dựng khu tái định cư, khu dân cư tập trung xóm Tây Cát, xã Hải Lý, huyện Hải Hậu	TB51 (11/3/22)	13.000	13.000				10.000	3.000	-	13.000	-	1
9	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Cường, huyện Hải Hậu		75.000	75.000					75.000	-	75.000	-	1
10	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Giang, huyện Hải Hậu		35.000	35.000				20.000	15.000	-	35.000	-	1
11	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Anh, huyện Hải Hậu		15.000	15.000				10.000	5.000	-	15.000	-	1
12	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Sơn, huyện Hải Hậu		65.000	65.000				50.000	2.000	-	52.000	-	1
13	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Hà, huyện Hải Hậu		65.000	65.000					52.000	-	52.000	-	1
14	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu	1710 (14/9/22)	138.399	138.399				138.400	-	1	138.399	-	1
15	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu	88/NQ-HĐND (06/7/22) 992/UBND-VP5 (30/11/22)	65.000	65.000				70.000	-	5.000	65.000	-	1
16	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu	62/NQ-HĐND (17/6/22) 992/UBND-VP5 (30/11/22)	43.000	43.000				55.000	-	12.000	43.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
17	- Xây dựng khu dân cư tập trung Cánh Tây xóm 9, xã Hải Nam, huyện Hải Hậu	85/NQ-HĐND (06/7/22)	24.950	24.950				25.000	-	50	24.950	-	1
18	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Tây, huyện Hải Hậu		65.000	65.000				80.000	-	69.000	11.000	-	1
19	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Phong, huyện Hải Hậu		45.000	45.000				70.000	-	60.000	10.000	-	1
20	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Châu, huyện Hải Hậu		50.000	50.000				30.000	-	20.000	10.000	-	1
2	Các công trình tính quyết định đầu tư		1.079.874	1.072.612	-	116.347	116.347	715.770	172.743	158.102	730.411	52.164	21
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		559.977	552.715	-	116.347	116.347	402.701	2.514	13.881	391.334	52.164	9
<i>a</i>	<i>Các công trình đã quyết toán</i>	-	<i>125.228</i>	<i>125.228</i>	-	<i>116.347</i>	<i>116.347</i>	<i>20.728</i>	-	<i>8.881</i>	<i>11.847</i>	<i>7.728</i>	<i>5</i>
<i>a.1</i>	<i>Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021</i>	-	<i>110.233</i>	<i>110.233</i>	-	<i>101.728</i>	<i>101.728</i>	<i>16.233</i>	-	<i>8.505</i>	<i>7.728</i>	<i>7.728</i>	<i>4</i>
1	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam - Đông huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	378 (27/02/17) 831 (19/4/21)	83.480	83.480	2936 (21/12/21)	76.202	76.202	13.480	-	7.278	6.202	6.202	1
2	- Xây dựng cầu Bồn Nhuận xóm 12 xã Hải Anh, huyện Hải Hậu	2365 (22/9/20)	9.000	9.000	39/QĐ-STC (13/4/22)	8.663	8.663	1.000	-	337	663	663	1
3	- Cải tạo, nâng cấp đường từ cầu Yên Định đến cầu Mộng Chè xã Hải Trung, huyện Hải Hậu	1753 (21/7/20)	8.984	8.984	36/QĐ-STC (12/4/22)	8.634	8.634	984	-	350	634	634	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
4	- Xây dựng cầu 19 tháng 5 thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu	2364 (22/9/20)	8.769	8.769	37/QĐ-STC (13/4/22)	8.229	8.229	769	-	540	229	229	1
a.2	Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2022		14.995	14.995		14.619	14.619	4.495	-	376	4.119	-	1
1	- Cải tạo, nâng cấp đường từ xóm 4, xã Hải Bắc, huyện Hải Hậu đi xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường	2366 (22/9/20)	14.995	14.995	879 (11/5/22)	14.619	14.619	4.495	-	376	4.119	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp		434.749	427.487	-	-	-	381.973	2.514	5.000	379.487	44.436	4
1	- Cải tạo, nâng cấp đường Tây sông Múc, huyện Hải Hậu (đoạn từ xã Hải Bắc đến xã Hải Trung; đoạn từ cầu Liên Thuận, xã Hải Xuân đến cầu Xuân Hương, xã Hải Hòa)	2116 (25/8/20)	52.954	51.392				38.392	-	-	38.392	19.962	1
2	- Tu bổ, tôn tạo di tích Đền - Chùa xã Hạ, xã Hải Bắc, huyện Hải Hậu	1292 (21/6/18) 2909 (19/12/18) 2629 (29/10/20)	13.663	12.963				12.963	-	-	12.963	-	1
3	- Cải tạo, nâng cấp đường Trung Hòa, huyện Hải Hậu (Giai đoạn III)	1911 (04/8/2020)	52.500	52.500				19.986	2.514	-	22.500	19.474	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
4	- Xây dựng đường trục trung tâm huyện Hải Hậu (Giai đoạn 1)	2795 (13/12/19)	315.632	310.632				310.632	-	5.000	305.632	5.000	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		519.898	519.898	-	-	-	313.069	170.229	144.221	339.077	-	12
<i>d</i>	<i>Các công trình khởi công mới</i>		519.898	519.898	-	-	-	313.069	170.229	144.221	339.077	-	12
1	- Cải tạo, nâng cấp đường Long -Sơn, huyện Hải Hậu	24/NQ-HĐND (17/7/21)	29.990	29.990				29.990	-	-	29.990	-	1
2	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Múc A, huyện Hải Hậu (đoạn từ xã Hải Long đến xã Hải Cường), thuộc hệ thống thủy nông Hải Hậu	19/NQ-HĐND (26/4/22)	52.000	52.000				40.396	11.604	-	52.000	-	1
3	- Cải tạo, nâng cấp đường Phú - Ninh, huyện Hải Hậu	1261 (15/7/22) 992/UBND-VP5 (30/11/22)	35.000	35.000				29.900	5.100	-	35.000	-	1
4	- Cải tạo, nâng cấp đường Xuân - Cường (đoạn từ xã Hải Xuân đến xã Hải Cường)	TB29 (24/02/22)	40.000	40.000				30.000	10.000	-	40.000	-	1
5	- Nạo vét, kiên cố hóa kênh Doanh châu B, kênh 6 xã và các tuyến kênh nhánh xã Hải Phương, huyện Hải Hậu		50.000	50.000					50.000	-	50.000	-	1
6	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Đường ven biển đến đường huyện lộ Nam Đông (Đoạn qua xã Hải Lộc)		55.000	55.000					45.000	-	45.000	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao (*)	
7	- Cải tạo, nâng cấp đường Thanh Quang		30.000	30.000					30.000	-	30.000	-	1
8	- Cải tạo nâng cấp đường Nam Trung đoạn từ xã Hải Bắc đi Hải Nam (GD2)		30.000	30.000				25.000	5.000	-	30.000	-	1
9	- Cải tạo, nâng cấp các công trình khu trung tâm huyện Hải Hậu		75.687	75.687				13.562	13.525	-	27.087	-	1
10	- Xây dựng đường trục trung tâm huyện Hải Hậu (Giai đoạn 2)	2795 (13/12/19)	122.221	122.221				122.221	-	122.221	-	-	1
11	- Xây mới cầu Hải Đường (Cầu qua UBND xã Hải Đường)		-	-				10.000	-	10.000	-	-	1
12	- Xây mới cầu Thống Đường (xã Hải Tân) qua kênh Múc		-	-				12.000	-	12.000	-	-	1
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện							486.140	-	10.115	476.025	25.159	
	Trong đó:												
	- <i>Bổ trí đối ứng tối thiểu cho các dự án, công trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện (**)</i>										61.000		
1	- <i>Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Lý, huyện Hải Hậu</i>	7234 (31/12/19) 2452 (26/5/20) (UBND huyện)	8.960	8.960	2827 (18/01/22) (UBND huyện)	8.786	8.786	8.960	-	174	8.786	8.767	1

Ghi chú: (*) Số liệu thực hiện thực tế của các huyện, thành phố đã trình HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 26/4/2022

(**) Vốn đối ứng tính theo tỷ lệ 1:1 so với số vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã phân bổ chi tiết cho các huyện, thành phố tính đến thời điểm báo cáo.



Phụ lục VIII:
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TẠM DỪNG BỐ TRÍ VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Lũy kế vốn bố trí từ KC đến hết KH năm 2022 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)			Vốn thiếu so với KLTH hoặc giá trị quyết toán đến 31/10/2022			Số dự án
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			NS tỉnh	NSTW		NS tỉnh	NSTW	
				NS tỉnh	NSTW			NS tỉnh	NSTW							
	TỔNG SỐ		1.287.773	382.680	892.424	-	131.131	94.732	36.399	736.361	279.291	447.282	16.362	16.362	-	18
1	- Nhà truyền thống Công an tỉnh Nam Định	161 (17/1/06) 1430 (9/7/07)	4.672	562	4.110					4.110	-	4.110	562	562	-	1
2	- Trụ sở Công an phường Trần Quang Khải	3191 (18/10/05)	1.571	171	1.400					1.450	50	1.400	121	121	-	1
3	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp một số hạng mục trụ sở làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Nam Định	1757 (25/8/10)	6.147	6.147						3.610	3.610	-	2.200	2.200	-	1
4	- Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT C Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Hưng	2323 (19/10/16)	8.500	8.500						7.730	7.730	-	720	720	-	1
5	- Xây dựng Nhà tập đa năng, nhà công vụ giáo viên và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Trần Văn Lan, huyện Mỹ Lộc	2273 (30/10/15)	13.048	13.048		1476 (16/7/19)	11.763	11.763		12.500	12.500	-	548	548	-	1
6	- Cải tạo, nâng cấp đường Vô Tình - Văn Lai huyện Trực Ninh (đoạn từ cầu Vô Tình đến UBND xã Phương Định)	2306 (18/10/16) 382 (09/02/18)	14.669	14.669						14.260	14.260	-	409	409	-	1
7	- Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư xã Giao Long, huyện Giao Thủy	423 (29/3/13) 2575 (02/12/15)	15.155	11.752						5.023	1.630	-	-	-	-	1
8	- Nạo vét, kiên cố hóa sông Sinh (đoạn qua xã Yên Bình), huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (Quyết toán khối lượng công việc hoàn thành)	2456 (31/10/16)	36.145	36.145		3044 (27/12/18)	35.191	35.191		35.134	35.134	-	954	954	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Lũy kế vốn bố trí từ KC đến hết KH năm 2022 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)			Vốn thiếu so với KLTH hoặc giá trị quyết toán đến 31/10/2022			Số dự án
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			NS tỉnh	NSTW		NS tỉnh	NSTW	
				NS tỉnh	NSTW			NS tỉnh	NSTW							
9	- Cải tạo, nâng cấp đường vào KCN dệt may Rạng Đông và phòng chống lụt bão, cứu hộ, cứu nạn huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	1912 (28/9/15)	50.872	50.872		2901 (14/12/16)	33.742	33.742		33.742	33.742	-	-	-	-	1
10	- Xây dựng Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	2670 (13/11/09) 1097 (14/7/11)	14.923	8.036	6.371	1624 (23/9/11)	8.881	2.510	6.371	10.687	3.800	6.371	-	-	-	1
11	- Cải tạo,nâng cấp Trung tâm y tế dự phòng huyện Trực Ninh	2416 (21/10/09)	13.611	8.493	5.118	1892 (28/10/11)	7.768	2.650	5.118	8.868	3.750	5.118	-	-	-	1
12	- Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế dự phòng huyện Giao Thủy	2155 (02/10/09)	11.406	6.299	5.107	1542 (15/10/12)	5.205	98	5.107	6.562	1.455	5.107	-	-	-	1
13	- Xây dựng Trung tâm y tế huyện Hải Hậu	1817 (25/8/09)	14.156	7.929	6.227	1876 (28/10/11)	7.372	1.145	6.227	8.927	2.700	6.227	-	-	-	1
14	- Xây dựng Trung tâm y tế huyện Vụ Bản	2954 (09/12/09) 768 (20/5/11)	16.242	8.583	7.550	1894 (28/10/11) 1543 (15/10/12)	10.920	3.370	7.550	12.612	4.953	7.550	-	-	-	1
15	- Xây dựng Trung tâm y tế huyện Mỹ Lộc	1628 (10/8/10) 1711 (12/10/11)	15.390	8.772	6.026	1875 (28/10/11)	10.289	4.263	6.026	12.518	5.900	6.026	-	-	-	1
16	- Cải tạo, nâng cấp khuôn viên trước cửa trụ sở Huyện ủy - UBND huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định	1951 (16/9/16)	10.751	2.702						5.778	600	-	-	-	-	1
17	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Nghĩa Hưng	525 (13/3/08) 1470 (30/7/08); 1245 (28/7/11)	50.515	-	50.515					50.515	-	50.515	-	-	-	1
18	- Khu văn hóa Trần	252 (12/10/05)	990.000	190.000	800.000					502.335	147.477	354.858	10.848	10.848	-	1

Phụ lục IX:
PHÂN CẤP NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ, XÃ, THỊ TRẤN TRỰC TIẾP QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH
TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Huyện, thành phố	Tổng số vốn HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Phân cấp ngân sách huyện, thành phố, xã, thị trấn sau điều chỉnh	
			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Năm 2021 (*)
	TỔNG SỐ	2.854.225	1.260.403	159.488	3.955.140	1.430.492
I	Phân cấp ngân sách thành phố từ nguồn thu tiền sử dụng đất các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư, khu đất giao cho nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn thành phố Nam Định	1.318.241		69.285	1.248.956	-
II	Phân cấp ngân sách huyện, thành phố, xã, thị trấn từ nguồn thu tiền sử dụng đất khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt cho các tổ chức, cá nhân (trừ các khu đất đã được đầu tư hạ tầng hoặc có kế hoạch đầu tư hạ tầng), thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất cho các hộ đã sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố	1.535.984	1.260.403	90.203	2.706.184	1.430.492
1	Thành phố Nam Định	3.500	28.304		31.804	31.804
2	Huyện Mỹ Lộc	94.440	228.635		323.075	152.925
3	Huyện Ý Yên	115.000	200.691		315.691	107.418
4	Huyện Vụ Bản	386.212		90.203	296.009	89.659

STT	Huyện, thành phố	Tổng số vốn HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh		Phân cấp ngân sách huyện, thành phố, xã, thị trấn sau điều chỉnh	
			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Năm 2021 (*)
5	Huyện Nam Trực	24.000	30.427		54.427	4.427
6	Huyện Trực Ninh	80.500	138.793		219.293	166.793
7	Huyện Xuân Trường	294.220	56.016		350.236	169.966
8	Huyện Giao Thủy	205.922	306.601		512.523	416.273
9	Huyện Nghĩa Hưng	41.190	68.082		109.272	36.772
10	Huyện Hải Hậu	291.000	202.854		493.854	254.454

Ghi chú: (*) Số liệu thực hiện thực tế của các huyện, thành phố đã trình HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 26/4/2022